

Số: ~~179~~ /TTr-UBND

Hà Nội, ngày ~~20~~ tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH
Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Năm 2017 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 và cũng là năm đầu triển khai Luật Ngân sách nhà nước 2015; đồng thời, là năm có nhiều quy định mới liên quan đến chính sách tài khóa bắt đầu có hiệu lực¹. Bên cạnh đó, bối cảnh kinh tế của cả nước nói chung, Thành phố nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: Sụt giảm sản lượng ngành khai khoáng; giá nông sản, thực phẩm giảm mạnh tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp; thời tiết diễn biến phức tạp; bệnh dịch sốt xuất huyết lan rộng... Trước tình hình đó, thành phố Hà Nội đã quán triệt thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thành ủy và HĐND Thành phố để nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý thu chi ngân sách. Với sự quyết liệt, đổi mới trong phương thức chỉ đạo điều hành triển khai các nhiệm vụ Trung ương giao, Thành phố đã thực hiện nghiêm “*Năm kỷ cương hành chính 2017*”, triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách; chỉ đạo quyết liệt việc đẩy tiến độ giải ngân đầu tư XDCB, tăng cường quản lý chỉnh trang đô thị, kiểm soát đầy lùi dịch bệnh, tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng an sinh xã hội...

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; căn cứ kết quả thực hiện thu chi ngân sách năm 2017, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017, cụ thể như sau:

¹ Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế; Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.

Rh

A. QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

I.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 212.547.270.270.509 đồng², đạt 103,8% dự toán giao, tăng 18,6% so với năm 2016. Trong đó:

1. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 18.165.047.272.188 đồng, đạt 105,6% so với dự toán, tăng 7,2% so với năm 2016; trong đó: thu từ thuế xuất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu là 4.490.644.241.788 đồng, đạt 78,8% dự toán, bằng 81,3% so với cùng kỳ nguyên nhân là do theo tiến trình hội nhập, năm 2017 Việt Nam cam kết giảm thuế nhập khẩu năm 2018 đối với một số loại xe ô tô; thu thuế GTGT hàng nhập khẩu là 13.527.958.571.123 đồng, đạt 117,6% dự toán, tăng 19,7% so với cùng kỳ.

2. Thu từ dầu thô: 2.334.220.971.779 đồng, đạt 129,7% dự toán giao, tăng 20,4% so với năm 2016. Thu dầu thô vượt dự toán và đạt tỷ lệ tăng so với cùng kỳ do thị trường dầu thô trên thị trường thế giới trong năm 2017 dần phục hồi và giá dầu thô tăng so với năm trước.

3. Thu nội địa: 192.007.830.954.303 đồng, đạt 103,4% dự toán giao, tăng 19,8% so với năm 2016.

Trong năm 2017, có 12/17 khoản thu hoàn thành và tăng so với dự toán; 05/17 khoản thu không đạt dự toán³. Cụ thể một số khoản thu lớn như sau:

- Thu từ kinh tế quốc doanh: 44.304.462.329.967 đồng, đạt 75% dự toán và tăng 0,4% so với năm 2016. Nguyên nhân chưa đạt dự toán chủ yếu do dự toán được giao cao so với khả năng thực hiện (*dự toán năm 2017 tăng 33,8% so với thực hiện năm 2016*). Bên cạnh đó, có 04 nguyên nhân chính tác động đến số thu ngân sách của các doanh nghiệp: (1) Một số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả, vẫn còn phải bù lỗ của các năm trước; (2) Các ngân hàng thương mại cổ phần tăng trích lập dự phòng đối với nợ xấu dẫn đến số lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp giảm; (3) Một số Tập đoàn, Tổng công ty trên địa bàn Thành phố triển khai các dự án đầu tư lớn dẫn đến tăng chi phí, giảm số nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; (4) Nhiều doanh nghiệp đang trong quá trình cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Ngoài ra, năm 2017, thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán vốn nhà nước của Công ty kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) không được tính cho địa phương.

² So với số liệu thu NSNN trên địa bàn trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu NSNN trên địa bàn trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản thu ngoài cân đối dự toán đầu năm, cụ thể: Thu kết dư: 14.564.564.300.531 đồng, thu chuyển nguồn: 34.339.389.199.732 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 29.247.192.964.526 đồng; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 445.173.338.775 đồng và vay của NSĐP: 1.697.461.996.213 đồng.

³ 05 khoản thu không đạt dự toán là: Thu từ kinh tế quốc doanh; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD; thuế thu nhập cá nhân; thu khác ngân sách.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 22.753.158.959.134 đồng, đạt 92,3% dự toán và tăng 20% so với năm 2016; nguyên nhân số thu không đạt dự toán là do một số đơn vị có sản lượng tiêu thụ và số thuế phát sinh giảm lớn so năm 2016⁴.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: 33.652.577.487.436 đồng, đạt 96,4% dự toán và tăng 20,6% so với năm 2016. Trong năm 2017, Cơ quan Thuế các cấp đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác kiểm tra, rà soát doanh thu, mức thuế của các hộ kinh doanh; đẩy mạnh triển khai các biện pháp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế, nộp thuế và rà soát việc kê khai thuế hàng tháng, quyết liệt chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế. Kết thúc năm 2017, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực này đã duy trì được đà tăng trưởng tốt nhưng số thu vẫn chưa đạt dự toán được Trung ương giao (*dự toán năm 2017 tăng 25% so với thực hiện năm 2016*).

- Thu lệ phí trước bạ 5.762.210.138.765 đồng, đạt 114,5% dự toán, bằng 90,2% so với năm 2016. Số thu lệ phí trước bạ thấp hơn so với cùng kỳ là do thay đổi về quy định giá tính lệ phí trước bạ. Từ năm 2016 về trước, giá trên hóa đơn cao hơn biểu giá trước bạ thì thu theo giá trên hóa đơn; tuy nhiên, năm 2017 chỉ thu lệ phí trước bạ theo giá trên hóa đơn nếu giá trên hóa đơn chênh lệch lớn hơn trên 20% so với biểu giá tính lệ phí trước bạ. Bên cạnh đó, theo tiến trình hội nhập, Việt Nam cam kết giảm thuế nhập khẩu năm 2018 đối với một số loại xe ô tô nên người dân có tâm lý chờ thuế giảm, dẫn đến số lượng đăng ký xe ô tô năm 2017 giảm⁵.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 17.405.831.349.266 đồng, đạt 90,7% dự toán, tăng 20,7% so với năm 2016. Số thu thuế thu nhập cá nhân đã duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt, tuy nhiên chưa đạt so dự toán chủ yếu do 02 khoản thu chiếm tỷ trọng lớn có tăng trưởng nhưng chưa đạt dự toán Trung ương giao (*tăng 33,1%*): thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương năm 2017 tăng 19,5% so năm 2016; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2017 tăng 18% so năm 2016.

- Thu thuế bảo vệ môi trường 5.375.266.411.291 đồng, đạt 100,5% dự toán, tăng 8,5% so với năm 2016.

- Thu phí, lệ phí 14.857.610.171.499 đồng, đạt 210,7% dự toán, tăng 155,9% so cùng kỳ năm 2016. Số thu đạt cao so dự toán và cùng kỳ chủ yếu do năm 2017, số phí sử dụng đường bộ thu được lớn, phí quyền hoạt động viễn thông bắt đầu được áp dụng và phát sinh số thu; đồng thời, theo quy định của Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài (*có hiệu lực từ ngày 01/01/2017*), thuế môn bài sẽ chuyển sang thành lệ phí môn bài nên số thu này tăng cao so với cùng kỳ.

⁴ Công ty TNHH ô tô GM Việt Nam năm 2017 nộp ngân sách các loại thuế là 1.058 tỷ, giảm 188 tỷ (giảm 15%) so với năm 2016; Tập đoàn điện lực Việt Nam năm 2017 nộp ngân sách 200 tỷ, giảm 210 tỷ so năm 2016; Công ty liên doanh điều hành Vietgazprom năm 2017 nộp ngân sách 2,2 tỷ, giảm 170 tỷ so năm 2016;...

⁵ Theo số liệu thống kê của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô thì tổng doanh số bán hàng năm 2017 của toàn thị trường giảm 10%.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện 33.825.681.640.162 đồng, đạt 169,1% dự toán, tăng 29% so với năm 2016 (nếu không kể số ghi thu, ghi chi các dự án BT, số thu tiền sử dụng đất năm 2017 đạt 193,1% so với dự toán, tăng 28% so với năm 2016). Từ năm ngân sách 2017, tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016, HĐND Thành phố quy định điều tiết cho cấp huyện hưởng 100% số thu đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện để huyện chủ động, phân bổ sử dụng nguồn lực cho đầu tư xây dựng nên đã khuyến khích các huyện đẩy mạnh công tác đầu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Bên cạnh đó, số thu tiền sử dụng đất tăng một phần do thị trường bất động sản đang dần phục hồi; đồng thời, ngành thuế đã triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, trong đó có áp dụng biện pháp cưỡng chế và công khai thông tin các dự án có hoạt động kinh doanh nhưng chây ỳ không nộp tiền sử dụng đất. Ngoài ra, trong năm 2017 có phát sinh một số đơn vị nộp khoản thu tiền sử dụng đất lớn⁶.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 4.847.222.269.010 đồng, đạt 201,1% dự toán, tăng 5,9% so với năm 2016. Số thu tăng do Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác đơn đốc thu, xử lý các vướng mắc về hồ sơ cho thuê đất, tăng nguồn thu cho ngân sách. Ngoài ra, trong năm 2017 có phát sinh một số đơn vị nộp tiền thuê đất một lần dẫn đến số thu đạt cao so với dự toán đầu năm⁷.

- Thu Xổ số kiến thiết 252.851.174.672 đồng, đạt 133,1% dự toán, tăng 53,3% so với năm 2016. Từ ngân sách năm 2017, khoản thu này được đưa vào cân đối ngân sách và đã tăng cao so với cùng kỳ năm trước là do phát sinh thu từ hoạt động của Công ty Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott).

- Thu khác ngân sách 6.498.443.823.528 đồng, đạt 92,5% dự toán, tăng 29,4% so với năm 2016. Thu khác ngân sách là các khoản thu bất thường, không xác định được chính xác từ khâu lập dự toán. Khoản thu này chưa đạt dự toán nguyên nhân chủ yếu là do năm 2017 không phát sinh số thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ của ngân sách.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

I.2. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2017 là 138.553.802.721.472 đồng, trong đó:

- Thu cân đối sau điều tiết từ thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các khoản khác theo phân cấp: 87.530.014.839.062 đồng, đạt 115,4% dự toán.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu: 2.119.834.382.147 đồng (trong đó, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong

⁶ Công ty cổ phần địa ốc Cienco 5 nộp 509 tỷ đồng tiền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất của các đơn vị thuộc trung ương quản lý 2.000 tỷ đồng...

⁷ Công ty TNHH đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long 625 tỷ đồng; Trường Ngân hàng Công thương 275 tỷ đồng;...

nước 536.924.404.800 đồng, bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước 1.582.909.977.347 đồng).

- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang ngân sách năm 2017: 34.339.389.199.732 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 18.809.292.500.458 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 15.530.096.699.274 đồng).

- Thu từ kết dư ngân sách năm trước là 14.564.564.300.531 đồng (trong đó: ngân sách Thành phố là 2.208.440.011.531 đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã là 12.356.124.289.000 đồng).

I.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

Nhận định được những khó khăn về thu ngân sách Nhà nước, ngay từ đầu năm 2017, UBND Thành phố đã quyết liệt chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành Thành phố và các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND Thành phố⁸; Đồng thời, HĐND và các Ban của HĐND Thành phố tăng cường công tác giám sát quá trình triển khai đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả thu ngân sách Nhà nước. Trong năm ngân sách 2017, các cấp, các ngành của Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Thuế, Hải quan thực hiện tốt các giải pháp quản lý thu, tập trung rà soát các đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; cụ thể:

(1) Công tác tuyên truyền cho các doanh nghiệp, cá nhân nộp thuế: Thành phố luôn chú trọng, quan tâm và đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách thuế mới, các chủ trương chính sách về cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của Quốc hội, Chính phủ dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Thường xuyên phối hợp tốt với các cơ quan báo chí, thông tin truyền thông; tổ chức các lớp tập huấn cho người nộp thuế; Biên tập, cập nhật ngắn gọn những nội dung chính sách thuế mới, các thủ tục hành chính thuế để truyền tải kịp thời qua thư điện tử tới hơn trên 150.000 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố⁹.

(2) Công tác kiểm tra, kê khai thuế: Đã thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí, thu khác vào ngân sách nhà nước; đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả kiểm toán, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật¹⁰; Tăng cường phối hợp chặt chẽ với cơ quan Công an trong công tác chống thất thu; phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi

⁸ UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 thành lập Ban chỉ đạo đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế và nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn Thành phố; các Thông báo số 81/TB-VP ngày 30/3/2017 và số 230/TB-VP ngày 28/9/2017 về việc đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế, phí và tiền sử dụng đất trên địa bàn Hà Nội.

⁹ Thực hiện 168 buổi phát sóng truyền hình; 1.899 tin, bài, ảnh trên các báo, tạp chí; 19.235 buổi phát thanh, truyền thanh; Tổ chức 88 lớp tập huấn cho hơn 12.669 người nộp thuế.

¹⁰ Trong năm 2017, đã hoàn thành 18.062 cuộc thanh, kiểm tra (trong đó có 1.043 cuộc thanh tra, đạt 102,5% kế hoạch năm).

gian lận, trốn thuế, đặc biệt là hành vi mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, điều tra xác minh các trường hợp không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh nhưng còn nợ thuế.

(3) Công tác đôn đốc thu nợ thuế: Kiên quyết áp dụng các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế nợ đọng thuế, nhất là biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng; phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí công khai trên phương tiện thông tin đại chúng và trang web của cơ quan Thuế danh sách các đơn vị nợ thuế¹¹.

(4) Công tác cải cách thủ tục hành chính: Các cơ quan thu của Thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, hiện đại hóa ngành thuế, hải quan, nâng cao chất lượng công tác kê khai thuế qua mạng Internet, nộp thuế điện tử, thông quan điện tử¹², đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng nộp thuế *(nhất là về thời gian)* khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế.

(5) Công tác hỗ trợ doanh nghiệp: Thành phố cũng quan tâm triển khai các giải pháp thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp để cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh thành phố Hà Nội năm 2017, định hướng đến năm 2020 như: hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định pháp lý, gia hạn thời gian nộp thuế, giải quyết kịp thời khó khăn cho doanh nghiệp...; qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu cho ngân sách¹³.

Mặc dù có sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố, sự cố gắng của ngành Thuế, Hải quan và các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô, thu ngân sách tuy đạt tỷ lệ tăng khá so với cùng kỳ năm trước, nhưng một số khoản thu còn chưa đạt dự toán. Năm 2017, ngành thuế đã tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định của pháp luật và quy trình quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ nhưng do tình hình tài chính của doanh nghiệp còn gặp khó khăn; ý thức tuân thủ pháp luật của một bộ phận người nộp thuế chưa cao, phần lớn người dân vẫn có thói quen thanh toán bằng tiền mặt; mức độ hội nhập của nền kinh tế ngày càng lớn, quá trình hội nhập ngày càng sâu; nhiều nghiệp vụ, quan hệ kinh tế phức tạp mới phát sinh nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng cơ chế, chính sách thuế, công tác quản lý thuế cũng như phát sinh nhiều vướng mắc cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực thi pháp luật. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, Thành phố cũng còn tồn tại một số hạn chế như: Số nợ đọng thuế còn lớn; công tác thanh tra,

¹¹ Thực hiện 2.484.000 lượt thông báo nợ thuế qua thư điện tử (có chữ ký số) hoặc gửi qua bưu điện tới các doanh nghiệp còn nợ thuế; Ban hành quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản đối với 13.865 đơn vị với số tiền là 6.263 tỷ đồng; Ban hành quyết định cưỡng chế nợ bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng đối với 6.611 đơn vị với số tiền là 6.212 tỷ đồng.

¹² Thành phố Hà Nội là một trong các đơn vị dẫn đầu trong triển khai ứng dụng CNTT: Kê khai qua mạng luôn đạt trên 97%; Nộp thuế điện tử đạt trên 95%. Năm 2017, giành được giải xuất sắc về “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ người nộp thuế thông qua phương thức giao tiếp trực tuyến”.

¹³ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Nội lần đầu tiên sau nhiều năm đã vượt ngưỡng 60 điểm, bước vào nhóm có chất lượng điều hành tốt và ở vị trí 14 trong 63 tỉnh, thành phố *(Tăng 10 bậc so với bảng xếp hạng PCI năm trước)*.

kiểm tra đã có những chuyển biến mạnh về cả nhận thức, phương pháp và cách thức triển khai nhưng còn chưa đề ra được giải pháp thực sự hiệu quả chống thất thu ở lĩnh vực chuyển nhượng vốn, bất động sản và các lĩnh vực mà hình thức thanh toán chủ yếu là tiền mặt. Những tồn tại, hạn chế này cần được các ngành, các cấp tiếp tục quan tâm khắc phục trong thời gian tới.

Kết thúc năm 2017, kết quả thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 103,8% dự toán giao thể hiện sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành và tập trung tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp trên địa bàn Thành phố.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

II.1. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

Quán triệt chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết HĐND Thành phố về quản lý điều hành tài chính ngân sách năm 2017, Thành phố đã chủ động ban hành các quyết định, kế hoạch kịp thời để điều hành linh hoạt, đảm bảo triển khai hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2017 là 107.108.354.133.472 đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 71.517.266.165.875 đồng, đạt 88,2% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (*sau đây gọi tắt là dự toán*).

Kết quả thực hiện chi ở một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển

Quyết toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương: 31.076.555.782.848 đồng, đạt 85,5% dự toán; trong đó: Chi đầu tư phát triển ngân sách cấp Thành phố là 15.574.765.993.498 đồng, đạt 82,4% so với dự toán.

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương:

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương 29.753.569.890.742 đồng, đạt 84,9% dự toán.

Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố 14.251.780.101.392 đồng, đạt 81% so với dự toán; trong đó, chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn trong nước là 12.565.798.576.515 đồng, đạt 79,9% dự toán; chi đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn nước ngoài là 1.685.981.524.877 đồng, đạt 90,2% dự toán.

Các Sở, ban, ngành Thành phố đã tích cực, chủ động nắm bắt các tồn tại, vướng mắc từ khâu lập dự toán đến khâu quyết toán của các dự án đầu tư xây dựng để tham mưu UBND Thành phố có giải pháp tháo gỡ; cụ thể như sau:

(1) Công tác bố trí ngân sách, đơn đốc giải ngân đối với các dự án đầu tư: Ngay từ đầu năm 2017, Thành phố đã tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đầu tư các công trình, đã rà soát cơ cấu ngân sách theo hướng ưu tiên dành nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Trong năm, Thành phố đã rà soát điều chỉnh dự toán chi đầu tư phù hợp với tình hình triển khai thực tế; đồng thời, đã tổ chức họp thường kỳ giao ban và thường xuyên đơn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

(2) Công tác quyết toán dự án đầu tư: Với sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư Thành phố, công tác phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành toàn Thành phố năm 2017 đã được thực hiện nghiêm túc theo quy định của pháp luật. Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2017 là 2.278 dự án với tổng vốn đầu tư được quyết toán là: 15.776.233 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ giá trị đề nghị quyết toán là 173.164 triệu đồng¹⁴. Kết thúc năm 2017, số dự án đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán theo quy định của Nhà nước là 31 dự án, nguyên nhân cơ bản của việc chậm nộp là do một số Chủ đầu tư chưa kịp thời thực hiện các thủ tục điều chỉnh các phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư dẫn đến chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán, cũng như chưa quyết liệt trong việc đôn đốc các nhà thầu lập và nộp hồ sơ quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành. Nhằm khắc phục tình trạng trên, năm 2018, UBND Thành phố đã giao Sở Tài chính thường xuyên đôn đốc các Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện các văn bản của Trung ương về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản¹⁵, có các biện pháp tích cực đôn đốc các nhà thầu để thu hồi dứt điểm các khoản nợ phải thu nộp ngân sách Nhà nước. Với sự quan tâm chỉ đạo của UBND Thành phố, trong số 31 dự án chậm nộp thời điểm 31/12/2017 đã có 17 dự án được Chủ đầu tư lập và nộp báo cáo quyết toán. Đến thời điểm hiện nay, vẫn còn 14 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán và đã được chỉ đạo khẩn trương thực hiện. Nguyên nhân một phần là do năm 2017 là năm đầu tiên các Ban Quản lý dự án của Thành phố bắt đầu hoạt động sau khi kiện toàn, sắp xếp lại nên đã phần nào làm ảnh hưởng đến tiến độ công tác quyết toán hoàn thành của các dự án. *(Chi tiết các dự án và các chủ đầu tư chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo Phụ lục số 13 đính kèm).*

b) Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, đầu tư hỗ trợ doanh nghiệp và đầu tư khác theo quy định:

Năm 2017, Thành phố đã chi 1.070.000 triệu đồng¹⁶ để thực hiện bổ sung cho các Quỹ và ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội theo quy định, đạt 100% dự toán; chi 50.693 triệu đồng để thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho các doanh nghiệp theo quy định, đạt 100% dự toán; chi đầu tư phát triển khác 202.293 triệu đồng, đạt 100% dự toán.

1.2. Chi thường xuyên

¹⁴ - Đối với cấp Thành phố: Số dự án được phê duyệt quyết toán trong năm 2017 là 80 dự án. Tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 6.175.498 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 43.360 triệu đồng, chiếm 0,7% tổng giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư.

- Đối với cấp quận, huyện, thị xã: Tổng số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2017 là 2.198 dự án, với tổng số vốn đầu tư được quyết toán là 9.600.735 triệu đồng; qua thẩm tra, phê duyệt quyết toán đã giảm trừ so với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 129.805 triệu đồng, chiếm 1,3% tổng giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư.

¹⁵ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

¹⁶ Quỹ ĐTPT Thành phố: 600 tỷ đồng; Quỹ hỗ trợ nông dân: 20 tỷ đồng; Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội Hà Nội là 450.000 triệu đồng.

Quyết toán chi ngân sách địa phương 39.829.743.585.891 đồng, đạt 90,6% so với dự toán; trong đó, quyết toán chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố 15.202.708.877.676 đồng, đạt 89% so với dự toán.

Kết quả thực hiện chi trong các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Chi an ninh, quốc phòng:

Quyết toán chi ngân sách địa phương: Chi an ninh 851.526.057.966 đồng, đạt 99,6% dự toán; chi quốc phòng 1.067.586.927.090 đồng, đạt 92,9% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố: Chi an ninh 260.138.268.791 đồng, đạt 99,7% dự toán; chi quốc phòng 525.656.000.000 đồng, đạt 92,5% dự toán; đã đảm bảo kinh phí thường xuyên cho các nhiệm vụ giữ gìn, bảo vệ an ninh trật tự, an ninh quốc phòng trên địa bàn Thành phố. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí thực hiện cải tạo, sửa chữa doanh trại của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Khoản kinh phí này được bổ sung sau ngày 30/9/2017 nên chưa kịp thực hiện trong năm 2017, đã được chuyển nguồn sang năm 2018 để tiếp tục thực hiện và thanh quyết toán theo quy định; một phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị, một phần hủy dự toán theo quy định.

b) Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 12.743.106.530.184 đồng, đạt 96,7% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 2.051.403.479.365 đồng, đạt 95,2% dự toán. Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kinh phí theo định mức cho các hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo cán bộ, ngoài ra còn bố trí kinh phí thực hiện đào tạo bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường, thực hiện cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp một số trường học. Số chưa thực hiện chủ yếu là số hủy dự toán các khoản kinh phí: (1) Kinh phí tổ chức thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT, thi THPT quốc gia giảm do số lượng học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 THPT giảm so với dự toán ban đầu; (2) Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ theo chỉ tiêu của Thành phố do đơn vị chủ trì mở lớp đề xuất không tiếp tục tổ chức một số lớp đào tạo, bồi dưỡng hoặc đề xuất chậm mở lớp so với Kế hoạch được duyệt; (3) Kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục - nghề nghiệp và Việc làm an toàn lao động của Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội và Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội không được tiếp tục sử dụng phải nộp trả ngân sách trung ương. Bên cạnh đó, năm 2017, một số khoản hủy dự toán là kinh phí không sử dụng hết do các đơn vị ngành giáo dục đã thực hiện tiết kiệm trong công tác chi nghiệp vụ và mua sắm.

c) Chi sự nghiệp y tế và dân số, kế hoạch hóa gia đình:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 3.187.482.229.496 đồng, đạt 95% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 2.882.256.398.376 đồng, đạt 95,3% dự toán; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là do số chuyển nguồn theo quy định để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ y tế trọng tâm, đảm bảo phục vụ công tác phòng bệnh, chữa bệnh trên địa bàn Thành phố; một phần là do giảm dự toán kinh phí thông qua công tác đầu thầu; giảm kinh phí phòng chống dịch; giảm kinh phí điều trị Methadone còn dư do giảm đối tượng và tiết kiệm chi thường xuyên theo chủ trương của Thành phố.

d) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 223.766.945.297 đồng, đạt 47,5% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 223.766.945.297 đồng, đạt 47,5% dự toán. Số chi chưa đạt dự toán giao chủ yếu là do việc triển khai Chương trình mục tiêu ứng dụng CNTT gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về chính phủ điện tử nên Sở Thông tin và Truyền thông chưa hoàn thiện thủ tục, hồ sơ giải ngân theo quy định. Bên cạnh đó, nhiều đề tài chưa triển khai đầy đủ hồ sơ, thủ tục nên chưa kịp thực hiện; một số nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ đã hết thời gian thực hiện nhưng chưa tiến hành nghiệm thu cấp Thành phố không được chuyển nguồn, phải hủy dự toán; kinh phí khoa học công nghệ chương trình nông thôn miền núi không thực hiện do ngân sách Thành phố không còn nhiệm vụ hỗ trợ ngân sách Trung ương theo quy định tại Thông tư số 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, một số nhiệm vụ không thanh toán hết số dự toán giao do đơn vị đã tiết kiệm trong chi tiêu.

e) Chi sự nghiệp môi trường:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 1.914.151.819.941 đồng, đạt 82,1% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 673.813.271.963 đồng, đạt 89% dự toán. Năm 2017, Thành phố đã đảm bảo bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực môi trường như thu gom, xử lý rác thải khu vực nội thành và ngoại thành; thực hiện nhiệm vụ quan trắc, xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí,... trên địa bàn Thành phố. Kinh phí thực hiện giảm so với dự toán chủ yếu là do khối lượng thực hiện thấp hơn so với dự kiến.

f) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình thông tin, thể dục thể thao:

Quyết toán chi ngân sách địa phương: Sự nghiệp văn hóa thông tin 877.306.373.064 đồng, đạt 87,4% dự toán; sự nghiệp phát thanh truyền hình thông tin 122.980.461.519 đồng, đạt 95,2% dự toán; sự nghiệp thể dục thể thao 631.214.881.085 đồng, đạt 93,3% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố: Sự nghiệp văn hóa thông tin 427.235.099.658 đồng, đạt 92,6% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu là do đơn vị tiết kiệm chi tiêu thông qua công tác đặt hàng có giảm giá đối với một số nhiệm vụ chuyên môn của ngành; Sự nghiệp phát thanh truyền hình thông tin 55.930.000.000 đồng, đạt 96,8% dự toán; Sự nghiệp thể dục thể thao 527.598.186.495 đồng, đạt 93,4% dự toán, số kinh phí giảm chủ yếu là kinh phí chế độ dinh dưỡng và tiền công của vận động viên không sử dụng, nguyên nhân là do một số vận động viên được triệu tập lên đội tuyển quốc gia; một số huấn luyện viên, vận động viên của bộ môn đi tập huấn, thi đấu nước ngoài; công tác điều chuyển vận động viên giữa các tuyển.

g) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 2.885.409.344.950 đồng, đạt 87% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 490.113.640.480 đồng, đạt 89,5% dự toán. Ngân sách Thành phố đã đảm bảo kịp thời kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, chính sách đối với người cao tuổi, người khuyết tật; chính sách đối với các hộ nghèo và hộ cận nghèo; kinh phí hoạt động của các trung tâm nuôi dưỡng, giáo dục các đối tượng bảo trợ xã hội và các nhiệm vụ chi đảm bảo xã hội theo phân cấp. Phần kinh phí chưa thực hiện chủ yếu do trong năm 2017 giảm thực hiện chi nuôi dưỡng đối tượng xã hội, mua sắm tài sản, trang cấp tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nuôi dưỡng đối tượng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy. Bên cạnh đó, số lượng các đối tượng thực tế vào các trung tâm xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội giảm so với dự kiến đầu năm.

h) Chi sự nghiệp kinh tế:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 6.902.077.407.793 đồng, đạt 85,6% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 5.273.012.108.058 đồng, đạt 86,6% dự toán, đảm bảo kịp thời kinh phí phục vụ các đề án, chương trình phát triển nông nghiệp, các dự án khảo sát quy hoạch, công tác bảo trì, sửa chữa các công trình giao thông, quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước, duy trì công viên cây xanh, thoát nước, chiếu sáng và thực hiện các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế khác theo quy định; về cơ bản, đáp ứng kịp thời nhu cầu kinh phí để xử lý các vấn đề dân sinh bức xúc phát sinh trên địa bàn Thành phố. Kinh phí thực hiện giảm so với dự toán chủ yếu là do kinh phí đặt hàng dịch vụ thủy lợi: Tại thời điểm lập dự toán 2017, Thành phố tạm tính đề giao dự toán theo định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 20/02/2013 và số 7926/QĐ-UBND ngày 27/12/2013. Tuy nhiên, sau khi rà soát quy trình đơn giá, năm 2017 Thành phố phê duyệt phương án đặt hàng theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 và số 1752/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 nên chi phí giảm (454,6 tỷ đồng). Bên cạnh đó, khối lượng thực tế của công tác duy trì các dịch vụ công ích khác (công tác duy tu để điều thủy lợi, quản lý, bảo trì hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, duy trì hệ thống chiếu sáng các tuyến đường quốc

lộ, tình lộ...) thấp hơn dự toán (199,2 tỷ đồng). Ngoài ra, số quyết toán chưa đạt dự toán một phần là do giảm trừ thông qua công tác quyết toán các công trình, dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, tiết kiệm chi cho ngân sách; một phần hủy dự toán do hết nhiệm vụ chi theo quy định.

i) Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 7.452.956.422.029 đồng, đạt 90,3% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 1.561.350.866.406 đồng, đạt 85,2% so với dự toán; đảm bảo kinh phí hoạt động bộ máy của các cơ quan hành chính, Đảng, đoàn thể và các khoản chi phục vụ công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực. Các đơn vị cơ bản bám sát dự toán HĐND Thành phố giao; số kinh phí chưa thực hiện chủ yếu là kinh phí chuyển nguồn theo quy định của các cơ quan Đảng, kinh phí tự chủ của các cơ quan hành chính của Thành phố; một phần thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi hành chính chưa cấp thiết theo các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, HĐND và UBND Thành phố.

k) Chi thường xuyên khác:

Quyết toán chi ngân sách địa phương 970.178.185.477 đồng, đạt 83,2% dự toán.

Quyết toán chi ngân sách cấp Thành phố 250.434.612.787 đồng, đạt 87,7% dự toán, đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao cho các đơn vị ngành dọc; chi cho công tác liên kết, hợp tác với các tỉnh bạn và một số khoản chi khác theo dự toán đã giao; phần kinh phí giảm theo khối lượng công việc thực tế của các đơn vị và hủy dự toán theo quy định.

2. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Thành phố:

Số quyết toán chi cho các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Thành phố là 1.578.410.589.896 đồng; trong đó, vốn đầu tư là: 1.482.764.434.668 đồng, vốn sự nghiệp là 95.646.155.228 đồng (đã được tổng hợp trong các lĩnh vực chi). Cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, Thành phố đã bố trí kinh phí đối ứng đảm bảo thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia¹⁷, đồng thời đảm bảo kinh phí thực hiện các Chương trình theo mục tiêu của Thành phố¹⁸; qua đó đã bước đầu mang lại sự chuyển biến đáng kể đối với hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, góp phần rút ngắn khoảng cách về đảm bảo thông tin, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân; đặc biệt, chương trình mục tiêu công nghệ thông tin của Thành phố đã góp phần cải thiện cơ sở vật chất phục vụ công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, góp phần phục vụ nhanh chóng, giải quyết hiệu quả nhu cầu của nhân dân Thủ đô. Các Chương trình mục tiêu Quốc gia được triển khai đã tạo cơ hội và điều kiện để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao dân trí, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động; góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở

¹⁷ Các Chương trình MTQG về: giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới.

¹⁸ Chương trình công nghệ thông tin, giảm thiểu ùn tắc giao thông.

vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội. Hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu được tăng cường đã tạo đà cho phát triển kinh tế xã hội và nâng cao đời sống trực tiếp cho người dân trên địa bàn Thành phố.

(Chi tiết theo Phụ lục 5 đính kèm)

3. Chi chuyển nguồn:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2017 sang năm 2018 là 35.295.818.581.206 đồng; trong đó:

3.1. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố:

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2017 sang năm 2018 là 17.511.727.645.447 đồng. Số chi chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố năm 2017 giảm 6,9% so với năm 2016, cụ thể như sau:

a) Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương chưa phân bổ theo quy định là 5.680.899.327.000 đồng.

b) Chuyển nguồn chi thường xuyên các nhiệm vụ theo quy định là 500.561.991.100 đồng¹⁹. Đối với các khoản chi chuyển nguồn của các đơn vị sự nghiệp, theo chỉ đạo của UBND Thành phố, các đơn vị rà soát thực hiện theo đúng quy định²⁰. Số chi chuyển nguồn thường xuyên ngân sách cấp Thành phố năm 2017 đã giảm 42,5% so với năm 2016.

c) Chi chuyển số dư tạm ứng và dự toán của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sang năm 2018 để tiếp tục theo dõi và hoàn tất thủ tục chi ngân sách là 11.330.266.327.347 đồng²¹. Số chi chuyển nguồn đầu tư ngân sách cấp Thành phố năm 2017 tăng 63,9% so với năm 2016. Toàn bộ số tăng chi chuyển nguồn là số dư tạm ứng của các dự án đầu tư XD CB đã triển khai thực hiện nhưng chưa hoàn thiện đầy đủ hồ sơ để quyết toán chi ngân sách. Năm 2017, UBND Thành phố đã chỉ đạo quyết liệt và áp dụng nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình trọng điểm. Trong năm, Thành phố phát sinh một số dự án gặp khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, một số dự án phải thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án, điều chỉnh giá gói thầu... dẫn đến số giải ngân thấp. UBND Thành phố cũng đã chủ động rà soát nghiên cứu, thực hiện điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tăng hiệu quả chi ngân sách. Tuy nhiên, kết quả thực hiện vẫn chưa đạt được như mong muốn nên kết thúc năm vẫn còn nhiều khoản tạm ứng vốn đầu tư XD CB chưa đủ thủ tục quyết toán và một phần kế hoạch vốn đầu tư XD CB chưa thực hiện phải chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

¹⁹ Trong đó: chuyển nguồn kinh phí tự chủ 163.398 triệu đồng; kinh phí CCTL dự tại đơn vị sử dụng ngân sách 4.762 triệu đồng; kinh phí của các đề tài khoa học trong thời gian thực hiện 83.028 triệu đồng; kinh phí bổ sung sau ngày 30/9/2017 là 229.291 triệu đồng; kinh phí mua sắm đã có đầy đủ thủ tục là 20.083 triệu đồng.

²⁰ Điều 64 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

²¹ Trong đó: dự tạm ứng các dự án XD CB 9.634.477 triệu đồng; dự toán 1.695.789 triệu đồng.

3.2. Chi chuyển nguồn của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã:

Chi chuyển nguồn ngân sách các quận, huyện, thị xã; xã phường, thị trấn năm 2016 là 17.784.090.935.759 đồng; trong đó, kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và các khoản tại cấp ngân sách là 10.184.922.064.539 đồng, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 6.601.911.708.660 đồng²², kinh phí sự nghiệp là 997.257.162.560 đồng.

Đối với cấp quận, huyện, thị xã, chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 tăng 14,5% so với năm 2016 (*tăng 2.253.994 triệu đồng*), chủ yếu do tăng chi chuyển nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định (*tăng 2.197.210 triệu đồng*), tăng chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB theo quy định (*tăng 675.294 triệu đồng*). Số chuyển nguồn thường xuyên năm 2017 của các quận, huyện, thị xã đã giảm 36,6% so với năm 2016 (*giảm 575.877 triệu đồng*).

3.3. Đánh giá chung về công tác chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018 của thành phố Hà Nội:

Năm 2017, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn đã quy định chi tiết về đối tượng, nội dung được chuyển nguồn. Qua đó, đã giảm thiểu thủ tục hành chính và giúp cơ quan tài chính, Kho bạc nhà nước các cấp chủ động trong việc thực hiện chuyển nguồn ngân sách. Về cơ bản, thực hiện chủ trương của HĐND Thành phố về việc tăng cường quản lý chi và quyết toán chi ngân sách, thực hiện giảm chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm, tăng hiệu quả chi ngân sách; UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách được giao ngay từ đầu năm, đẩy mạnh công tác thanh toán tạm ứng vốn đầu tư XDCB và quyết toán dự án hoàn thành để hạn chế việc chuyển nguồn. Kết thúc năm ngân sách 2017, các đơn vị đã rà soát chặt chẽ việc chuyển nguồn sang năm 2018 đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục 4, 6, 7, 8, 9 đính kèm)

4. Chi trả lãi vay và hoàn trả nợ gốc các khoản huy động:

Thành phố đã chi 746.219.948.752 đồng để thực hiện hoàn trả Ngân hàng phát triển khoản nợ gốc vốn vay Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn; trả nợ gốc khoản vốn vay nước ngoài cho Chương trình Phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Hà Nội; chi trả lãi Trái phiếu xây dựng Thủ đô; trả lãi khoản vay lại vốn nước ngoài để đầu tư các dự án đường sắt đô thị và thực hiện Chương trình nước sạch vệ sinh nông thôn tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng. Về tổng thể, công tác chi trả nợ vay của Thành phố đã được thực hiện kịp thời, chi trả đúng hạn toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định.

II.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; chủ trương của Thành ủy, Nghị quyết HĐND Thành phố về kinh tế - xã hội

²² Trong đó: dự tạm ứng các dự án XDCB 4.923.044 triệu đồng.

và quản lý điều hành tài chính, ngân sách năm 2017 theo hướng cơ cấu lại thu chi ngân sách đảm bảo tăng các khoản thu có tính bền vững, tăng chi đầu tư phát triển;²³; ngay sau khi HĐND Thành phố ra nghị quyết thông qua phương án phân bổ ngân sách Thành phố, UBND Thành phố đã quyết định giao dự toán ngân sách năm 2017 cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để phân bổ và triển khai thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND Thành phố đã chủ động ban hành Chương trình hành động số 43/CTr-UBND ngày 24/02/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; ban hành 20 kế hoạch và 01 chỉ thị khắc phục những tồn tại, hạn chế, đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng, kết quả hoạt động toàn diện các lĩnh vực trên địa bàn Thành phố. Về tổng thể, trong năm 2017, công tác quản lý tài chính - ngân sách được điều hành đúng quy định, chặt chẽ, linh hoạt, cân đối ngân sách; đáp ứng kịp thời vốn cho các công trình trọng điểm theo tiến độ, cho các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố; bố trí đầy đủ nguồn lực ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo an sinh xã hội, trong đó đã chú trọng đến giáo dục đào tạo và chăm lo đời sống cho nhân dân. Các nguồn vốn phát sinh trong năm, UBND Thành phố đã quyết định phân bổ cho các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố. Trong quá trình tổ chức thực hiện và thanh quyết toán, các khoản chi ngân sách đều được cơ quan Kho bạc nhà nước, tài chính các cấp kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

1. Về chi đầu tư phát triển:

Thành phố đã tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm, quan trọng của Thành phố, như: hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng khu vực nông nghiệp nông thôn, làng nghề, môi trường; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, vùng xa trung tâm, vốn cho các dự án nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất về giáo dục, y tế, văn hóa theo hướng chuẩn quốc gia và phù hợp với quy hoạch ngành, đảm bảo thực hiện các Chương trình đã được Thành ủy thông qua, HĐND Thành phố quyết nghị. Ngoài ra, đã rà soát cơ cấu ngân sách theo hướng ưu tiên dành nguồn lực cho chi đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố; đã tổ chức họp giao ban và có văn bản đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; áp dụng cơ chế linh hoạt thanh toán vốn giải phóng mặt bằng cho các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố và nhiều giải pháp khác để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng²⁴; chỉ đạo quyết liệt các Chủ đầu tư trong công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành trong năm theo Chỉ

²³ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2017; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2017...

²⁴ Các Công văn số: 2367/UBND-KHĐT ngày 16/5/2017; 3976/UBND-KHĐT ngày 15/8/2017; 6163/UBND-KHĐT ngày 04/12/2017.

thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và đã đạt được các kết quả tích cực.

Tuy nhiên, kết thúc năm vẫn còn dư một phần kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản do một số nguyên nhân như: (1) công tác giải phóng mặt bằng còn chậm do gặp khó khăn trong khâu xác định nguồn gốc đất; (2) một số chủ đầu tư còn chậm hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh thiết kế - dự toán công trình; (3) một số dự án sử dụng vốn ODA đấu thầu quốc tế phải xử lý tình huống phát sinh; (4) việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng vẫn còn bất cập hiện đang được Quốc hội xem xét, sửa đổi; (5) Một số Chủ đầu tư còn chưa thực sự quyết liệt, kịp thời trong tổ chức thực hiện; (6) Công tác phối hợp triển khai quy trình thủ tục cho các dự án đầu tư của Thành phố có lúc có nơi còn chưa đạt hiệu quả cao... ảnh hưởng đến kết quả chung của Thành phố...

2. Về chi thường xuyên:

Ngân sách các cấp đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Trung ương và Thành phố; đáp ứng đủ, kịp thời theo định mức, chính sách, chế độ và các mục tiêu theo Nghị quyết HĐND Thành phố đề ra; tập trung và chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo các chế độ chính sách về người có công, các gia đình thương binh liệt sỹ, chăm lo hỗ trợ người nghèo; kinh phí cho lĩnh vực môi trường; lĩnh vực giáo dục đào tạo tiếp tục được quan tâm, các phòng học được tập trung đầu tư nhằm từng bước chuẩn hóa trường lớp học đã tác động có hiệu quả tới chất lượng dạy và học; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực y tế thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân; đảm bảo kinh phí cho lĩnh vực giao thông, đô thị phát triển vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, thực hiện các giải pháp về chống ùn tắc giao thông. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng của ngân sách kịp thời xử lý các sự cố về thiên tai, dẽ kè, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh. Thành phố đã triển khai quyết liệt và có hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 19/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN năm 2017, một số nội dung đã đạt được như sau:

(1) Chủ động thực hiện cơ cấu lại ngân sách để tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển: trong quá trình xây dựng dự toán năm 2017, UBND Thành phố đã quyết liệt chỉ đạo việc tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán và thực hiện cơ cấu lại các khoản chi theo hướng dành nguồn, bổ sung dự phòng ngân sách và trả các khoản nợ gốc của Thành phố, cụ thể: đã tiết giảm 1.496 tỷ đồng để bổ sung dự phòng ngân sách, sẵn sàng đáp ứng cho các nhiệm vụ đột xuất phát sinh của Thành phố (1.000 tỷ đồng) và bố trí nguồn chi trả các khoản nợ gốc đã huy động cho đầu tư phát triển đến kỳ hạn trả nợ trong năm 2017 (496 tỷ đồng).

(2) Hủy dự toán đối với các khoản chi thường xuyên được giao đầu năm cho các đơn vị đến hết ngày 30/6/2017 chưa phân bổ; dừng thực hiện và hủy dự toán đối với các kinh phí mua sắm, sửa chữa, chống xuống cấp đã phân bổ nhưng đến ngày 30/6/2017 chưa triển khai thực hiện, các khoản kinh phí đã phân bổ nhưng không còn nhiệm vụ thực hiện để bổ sung dự phòng ngân sách

các cấp. Tổng số kinh phí thu hồi bổ sung dự phòng ngân sách các cấp là 951.199 triệu đồng (trong đó: ngân sách cấp Thành phố là 937.409 triệu đồng; ngân sách các quận, huyện, thị xã là 13.790 triệu đồng).

(3) Đẩy mạnh việc thực hiện khoán chi cho các đơn vị từ cấp thành phố đến cấp xã phường theo đúng quy định. Năm 2017, 100% các cơ quan hành chính của Thành phố đã thực hiện khoán chi, 100% các đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao tự chủ tài chính. Trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan Tài chính các cấp, các đơn vị đã xây dựng các giải pháp quản lý nội bộ để tiết kiệm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp, tạo nguồn tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

(4) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình, định mức, đơn giá duy trì dịch vụ công ích theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, hiệu quả; từ đó đẩy mạnh công tác đấu thầu, đặt hàng. Trong năm 2017, Thành phố cũng đã tiếp tục triển khai thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức đấu thầu tập trung, cụ thể: đã đấu thầu 26 gói thầu công ích dịch vụ vệ sinh môi trường giai đoạn 2017-2020, giảm so với đăng ký nhu cầu của các cơ quan, đơn vị là 170,2 tỷ đồng; đã đấu thầu các gói thầu cung cấp thiết bị văn phòng, điều hòa nhiệt độ, bàn ghế học sinh, cung cấp trang thiết bị, vật tư y tế, giảm so với đăng ký của các đơn vị là 52,7 tỷ đồng.

(5) Thành phố luôn nghiêm túc triển khai thực hiện các quy định của Nhà nước về tài chính ngân sách, tích cực hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc của các đơn vị sử dụng ngân sách, doanh nghiệp và chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền trong việc tháo gỡ các tồn tại trong quá trình điều hành ngân sách.

(6) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố luôn được quản lý, sử dụng đúng tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Thành phố cũng đã triển khai thí điểm phương án thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại 08 cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố từ tháng 3/2017²⁵. Công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước cũng đã được tích cực quan tâm, triển khai theo kế hoạch.

(7) Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND Thành phố đã thành lập ban chỉ đạo, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện. Đến nay, đã hoàn thành công tác rà soát và đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN của Thành phố đối với 09/12 lĩnh vực theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ²⁶. Đồng thời, các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã đã thực hiện giao quyền tự chủ tài chính và hướng dẫn chi thường xuyên năm 2017 cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

²⁵ Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, quận Hà Đông, quận Long Biên, huyện Gia Lâm, huyện Thanh Trì.

²⁶ Đã ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công 09 lĩnh vực gồm: y tế và dân số; giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ; thông tin truyền thông và báo chí; lao động, thương binh và xã hội; nông nghiệp và phát triển nông thôn; lĩnh vực tư pháp, văn hóa thể thao, tài nguyên và môi trường; 03 lĩnh vực gồm: giao thông vận tải, xây dựng, công thương không có dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN.

một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, UBND Thành phố đã ban hành đầy đủ các quyết định giá dịch vụ đối với 06 dịch vụ có phát sinh trên địa bàn Thành phố²⁷.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

1. Cân đối ngân sách địa phương²⁸:

1.1. Tổng thu ngân sách địa phương:	138.553.802.721.472 đồng
- Thu được hưởng theo phân cấp:	87.530.014.839.062 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	2.119.834.382.147 đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017:	34.339.389.199.732 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2016:	14.564.564.300.531 đồng
1.2. Tổng chi ngân sách địa phương:	107.108.354.133.472 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách địa phương:	71.517.266.165.875 đồng
- Chi nộp ngân sách cấp Trung ương:	295.269.386.391 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2017 sang năm 2018:	35.295.818.581.206 đồng
1.3. Vay của ngân sách địa phương:	1.697.461.996.213 đồng
1.4. Trả nợ gốc của ngân sách địa phương:	145.713.151.616 đồng
1.5. Kết dư ngân sách địa phương:	32.997.197.432.597 đồng
2. Cân đối ngân sách cấp Thành phố:	
2.1. Tổng thu ngân sách cấp Thành phố:	82.407.393.729.905 đồng
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	59.181.598.012.458 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	2.119.834.382.147 đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017:	18.809.292.500.458 đồng
- Thu kết dư ngân sách năm 2016:	2.208.440.011.531 đồng
- Thu nộp từ ngân sách cấp Quận, Huyện:	88.228.823.311 đồng
2.2. Tổng chi ngân sách cấp Thành phố:	69.324.115.522.262 đồng
- Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố:	31.388.441.668.310 đồng

²⁷ Sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ sử dụng đồ, phà; dịch vụ trông giữ xe; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

²⁸ So với số liệu thu, chi ngân sách địa phương trong Biên bản xác nhận số liệu giữa Kho bạc Nhà nước Hà Nội - Sở Tài chính, số quyết toán thu, chi ngân sách địa phương trong Báo cáo quyết toán không bao gồm các khoản sau: thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp huyện: 20.128.676.822.114 đồng; thu (chi) bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã: 6.998.681.760.265 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp huyện nộp lên ngân sách cấp Thành phố: 88.228.823.311 đồng; thu (chi) từ ngân sách cấp xã nộp lên ngân sách cấp huyện: 61.675.129.073 đồng, vay của NSDP: 1.697.461.996.213 đồng và chi trả nợ gốc: 145.713.151.616 đồng.

- Chi bổ sung cho ngân sách cấp Quận, Huyện: 20.128.676.822.114 đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018: 17.511.727.645.447 đồng
- Chi nộp trả ngân sách Trung ương: 295.269.386.391 đồng
- 2.3. Vay của ngân sách Thành phố: 1.697.461.996.213 đồng
- 2.4. Trả nợ gốc của ngân sách Thành phố: 145.713.151.616 đồng
- 2.5. Kết dư ngân sách cấp Thành phố: 14.635.027.052.240 đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2017:

1. Về quy trình xây dựng Báo cáo: Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2017 đã được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo quyết toán của 30 quận, huyện, thị xã và các đơn vị dự toán ngân sách cấp Thành phố; đã so sánh, đối chiếu khớp đúng với số liệu hạch toán kế toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước Hà Nội (Có Biên bản đối chiếu số liệu đính kèm).

2. Về kết quả kiểm toán đối với báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2017:

Thực hiện Quyết định số 1404/QĐ-KTNN ngày 20/6/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của thành phố Hà Nội, các tổ kiểm toán thuộc Đoàn Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm toán tại các đơn vị của Thành phố từ ngày 25/6/2018 đến ngày 23/8/2018.

Sau quá trình làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Kiểm toán nhà nước đã kiểm tra chi tiết và thống nhất với số liệu tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2017 của Thành phố. Ngoài ra, Kiểm toán nhà nước có kiến nghị giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư đối với số tăng thu tiền sử dụng đất của huyện Sóc Sơn chuyển nguồn nhưng chưa lập phương án chi tiết cho từng dự án (6.130 triệu đồng). UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan giải trình, tiếp thu, thực hiện điều chỉnh và đã tổng hợp vào Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017.

Trên đây là báo cáo Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban KT&NS-HĐND Thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, TKBT, TH, KT;
- Lưu: VT, KT(Hà).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

DANH MỤC PHỤ LỤC

TT	Tên phụ lục	Ký hiệu
1	Quyết toán ngân sách địa phương năm 2017	Phụ lục 1
2	Quyết toán ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2017	Phụ lục 2
3	Quyết toán thu ngân sách Nhà nước năm 2017	Phụ lục 3
4	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2017	Phụ lục 4
5	Quyết toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu Thành phố năm 2017	Phụ lục 5
6	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp quận, huyện, thị xã năm 2017	Phụ lục 6
7	Quyết toán chi ngân sách theo một số lĩnh vực của từng quận, huyện, thị xã năm 2017	Phụ lục 7
8	Quyết toán chi đơn vị sử dụng ngân sách cấp Thành phố theo các lĩnh vực năm 2017	Phụ lục 8
9	Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản các dự án, công trình thuộc nguồn vốn đầu tư ngân sách cấp Thành phố năm 2017	Phụ lục 9
+	<i>Các dự án nguồn XDCB tập trung, CTMT và ODA giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.1</i>
+	<i>Các dự án XDCB nguồn xổ số kiến thiết giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.2</i>
+	<i>Các dự án XDCB nguồn trái phiếu chính phủ giải ngân qua Kho bạc Nhà nước Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.3</i>
+	<i>Các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội</i>	<i>Phụ lục 9.4</i>
10	Tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ Thành phố giao các đơn vị ngành dọc năm 2017	Phụ lục 10
11	Biểu tổng hợp kinh phí bổ sung cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của Thành phố năm 2017	Phụ lục 11
12	Tổng hợp sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2017 theo lĩnh vực	Phụ lục 12
13	Danh sách các dự án đầu tư XDCB cấp Thành phố chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành năm 2017	Phụ lục 13
14	Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán quyết toán ngân sách Thành phố Hà Nội năm 2016	Phụ lục 14

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán
		Trung ương giao	HĐND Thành phố giao	
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	204.772.000.000.000	204.772.000.000.000	212.547.270.270.509
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	185.772.000.000.000	185.772.000.000.000	192.007.830.954.303
2	Thu từ dầu thô	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000	2.334.220.971.779
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	17.200.000.000.000	17.200.000.000.000	18.165.047.272.188
4	Thu viện trợ			40.171.072.239
B	Thu ngân sách địa phương	78.539.245.000.000	78.539.245.000.000	138.553.802.721.472
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	75.845.123.000.000	75.845.123.000.000	87.530.014.839.062
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.694.122.000.000	2.694.122.000.000	2.119.834.382.147
	- Bổ sung có mục tiêu	2.694.122.000.000	2.694.122.000.000	2.119.834.382.147
3	Thu kết dư ngân sách năm 2016			14.564.564.300.531
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017			34.339.389.199.732
C	Chi ngân sách địa phương	78.043.245.000.000	78.043.245.000.000	107.108.354.133.472
I	Chi trong cân đối ngân sách địa phương	78.043.245.000.000	78.043.245.000.000	71.517.266.165.875
1	Chi đầu tư phát triển	32.722.103.000.000	32.722.103.000.000	31.076.555.782.848
2	Chi thường xuyên	42.067.663.000.000	42.067.663.000.000	39.829.743.585.891
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	726.119.000.000	726.119.000.000	600.506.797.136
4	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL			
6	Dự phòng ngân sách	2.516.900.000.000	2.516.900.000.000	
II	Chi nộp ngân sách cấp Trung ương			295.269.386.391
III	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2016 sang năm 2017			35.295.818.581.206
D	Vay của NSDP			1.697.461.996.213
E	Trả nợ gốc của NSDP	496.000.000.000	496.000.000.000	145.713.151.616
F	Kết dư ngân sách địa phương			32.997.197.432.597

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		
I	Nguồn thu ngân sách cấp Thành phố	61.373.351.000.000	82.407.393.729.905
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	58.679.229.000.000	59.181.598.012.458
2	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	2.694.122.000.000	2.119.834.382.147
	- Bổ sung có mục tiêu	2.694.122.000.000	2.119.834.382.147
3	Thu kết dư ngân sách năm 2016		2.208.440.011.531
2	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017		18.809.292.500.458
4	Thu ngân sách cấp Quận, Huyện hoàn trả		88.228.823.311
II	Chi ngân sách cấp Thành phố	60.877.351.000.000	69.324.115.522.262
1	Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố	40.481.419.000.000	30.777.474.871.174
2	Chi bổ sung cho ngân sách Quận, Huyện	17.765.605.000.000	20.128.676.822.114
	- Bổ sung cân đối	13.991.872.000.000	13.991.872.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	3.773.733.000.000	6.136.804.822.114
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018		17.511.727.645.447
4	Chi nộp trả ngân sách Trung ương		295.269.386.391
5	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	726.119.000.000	600.506.797.136
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000
7	Dự phòng ngân sách	1.893.748.000.000	
III	Thu vay của NSDP		1.697.461.996.213
IV	Chi trả nợ gốc của NSDP	496.000.000.000	145.713.151.616
V	Kết dư ngân sách cấp Thành phố		14.635.027.052.240
B	NGÂN SÁCH QUẬN, HUYỆN (GỒM CẢ NGÂN SÁCH XÃ PHƯỜNG)		
I	Nguồn thu ngân sách quận, huyện	34.931.499.000.000	76.363.314.636.992
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	17.165.894.000.000	28.348.416.826.604
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	17.765.605.000.000	20.128.676.822.114
	- Bổ sung cân đối	13.991.872.000.000	13.991.872.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	3.773.733.000.000	6.136.804.822.114
3	Thu kết dư ngân sách năm 2016		12.356.124.289.000
4	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017		15.530.096.699.274
II	Chi ngân sách quận, huyện	34.931.499.000.000	58.001.144.256.635
1	Chi trong cân đối ngân sách Quận, Huyện	34.308.347.000.000	40.128.824.497.565
2	Chi nộp trả ngân sách cấp Thành phố		88.228.823.311
3	Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018		17.784.090.935.759
4	Dự phòng ngân sách	623.152.000.000	
III	Kết dư ngân sách Quận, Huyện		18.362.170.380.357

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
A	Thu NSNN trên địa bàn	204.772.000.000.000	212.547.270.270.509	103,8%
I	Thu nội địa	185.772.000.000.000	192.007.830.954.303	103,4%
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	59.051.500.000.000	44.304.462.329.967	75,0%
	- Thuế giá trị gia tăng	17.584.500.000.000	12.891.850.120.639	73,3%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.420.000.000.000	4.069.854.966.252	92,1%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.996.000.000.000	27.242.105.600.279	73,6%
	- Thuế tài nguyên	51.000.000.000	100.651.642.797	197,4%
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	24.653.000.000.000	22.753.158.959.134	92,3%
	Thuế giá trị gia tăng	9.178.000.000.000	6.485.199.966.957	70,7%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.902.000.000.000	4.461.998.247.186	114,4%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.800.000.000.000	10.529.258.688.968	97,5%
	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	110.000.000.000	303.824.802.284	276,2%
	Thuế tài nguyên	3.000.000.000	2.521.162.770	84,0%
	Thu từ khí và lãi khí được chia	660.000.000.000	970.356.090.969	147,0%
3	Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD	34.893.600.000.000	33.652.577.487.436	96,4%
	Thuế giá trị gia tăng	22.077.600.000.000	18.673.201.893.322	84,6%
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	910.000.000.000	1.023.959.107.590	112,5%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.901.000.000.000	13.946.673.065.036	117,2%
	Thuế tài nguyên	5.000.000.000	8.743.421.488	174,9%
4	Lệ phí trước bạ	5.031.000.000.000	5.762.210.138.765	114,5%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		156.357.396	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	310.000.000.000	443.604.490.589	143,1%
7	Thuế Thu nhập cá nhân	19.200.000.000.000	17.405.831.349.266	90,7%
8	Thuế bảo vệ môi trường	5.350.000.000.000	5.375.266.411.291	100,5%
9	Thu phí và lệ phí	7.053.000.000.000	14.857.610.171.499	210,7%
	Phí và lệ phí trung ương	6.503.000.000.000	13.822.847.258.985	212,6%
	Phí và lệ phí địa phương	550.000.000.000	1.034.762.912.514	188,1%
10	Tiền sử dụng đất	20.000.000.000.000	33.825.681.640.162	169,1%
11	Tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		1.116.576.487.376	
12	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	2.410.000.000.000	4.847.222.269.010	201,1%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	200.000.000.000	365.832.039.263	182,9%
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.000.000.000	30.668.345.903	511,1%
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	400.000.000.000	515.677.479.046	128,9%
16	Thu khác ngân sách	7.023.900.000.000	6.498.443.823.528	92,5%
	+ Thu khác ngân sách	7.023.900.000.000	6.282.595.212.321	89,4%
	+ Các khoản huy động, đóng góp		215.848.611.207	
17	Thu Xổ số kiến thiết	190.000.000.000	252.851.174.672	133,1%

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Quyết toán	Tỷ lệ QT/DT
II	Thu từ dầu thô	1.800.000.000.000	2.334.220.971.779	129,7%
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	17.200.000.000.000	18.165.047.272.188	105,6%
1	Thuế xuất khẩu	240.000.000.000	92.885.708.183	38,7%
2	Thuế nhập khẩu	4.605.000.000.000	4.066.811.002.206	88,3%
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	850.000.000.000	330.947.531.399	38,9%
4	Thuế bảo vệ môi trường XNK	5.000.000.000	5.372.226.804	107,4%
5	Thuế giá trị gia tăng	11.500.000.000.000	13.527.958.571.123	117,6%
6	Thu khác		141.072.232.473	
IV	Thu viện trợ		40.171.072.239	
B	Vay của NSNN		1.697.461.996.213	
C	Thu kết dư NS năm trước		14.564.564.300.531	
D	Thu chuyển nguồn		34.339.389.199.732	
F	Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương		2.119.834.382.147	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Thực hiện 2016	Dự toán đầu năm			Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung			Thực hiện năm 2017			Tỷ lệ % QT/DT điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó	
				Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NSTP	NSQH (gồm cả NSXP)
	TỔNG CHI (A+B)	127.156.831.774.495	78.539.245.000.000	43.607.746.000.000	34.931.499.000.000	144.412.207.144.707	75.160.149.438.033	69.252.057.706.674	134.531.329.819.851	69.469.828.673.878	65.061.501.145.973			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	127.156.831.774.495	78.043.245.000.000	43.111.746.000.000	34.931.499.000.000	143.916.207.144.707	74.664.149.438.033	69.252.057.706.674	134.385.616.668.235	69.324.115.522.262	65.061.501.145.973			
1	Chi đầu tư phát triển	28.408.996.712.901	32.722.103.000.000	20.987.953.000.000	11.734.150.000.000	36.368.821.360.690	18.912.015.974.823	17.456.805.385.867	31.076.555.782.848	15.574.765.993.498	15.501.789.789.350	85,45%	82,35%	88,80%
1	Chi đầu tư cho các dự án	28.156.207.970.217	31.637.103.000.000	19.902.953.000.000	11.734.150.000.000	35.045.835.468.584	17.589.030.082.717	17.456.805.385.867	29.753.569.890.742	14.251.780.101.392	15.501.789.789.350	84,90%	81,03%	88,80%
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>													
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					6.710.091.315.954	610.970.274.014	6.099.121.041.940	6.243.977.455.603	551.128.581.979	5.692.848.873.624		90,21%	93,34%
-	Chi khoa học và công nghệ					298.146.188.501	298.146.188.501		141.771.000.000	141.771.000.000			47,55%	
-	Chi quốc phòng					367.107.467.837	330.691.106.302	36.416.361.535	337.139.910.437	303.866.868.302	33.273.042.135		91,89%	91,37%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					616.544.025.490	600.170.972.490	16.373.053.000	613.468.099.190	597.835.582.190	15.632.517.000		99,61%	95,48%
-	Chi y tế, dân số và gia đình					691.587.208.329	607.450.292.629	84.136.915.700	617.071.930.819	544.834.747.829	72.237.182.990		89,69%	85,86%
-	Chi văn hóa thông tin					2.058.827.181.039	55.260.053.764	2.003.567.127.275	1.700.896.258.573	47.169.662.150	1.653.726.596.423		85,36%	82,54%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					259.419.814.000	218.164.000.000	41.255.814.000	254.098.569.720	213.322.688.320	40.775.881.400		97,78%	98,84%
-	Chi thể dục thể thao					149.228.510.600	39.050.000.000	110.178.510.600	142.918.489.858	39.050.000.000	103.868.489.858		100,00%	94,27%
-	Chi bảo vệ môi trường					587.270.534.705	543.725.898.653	43.544.636.052	543.351.590.838	503.930.847.600	39.420.743.238		92,68%	90,53%
-	Chi các hoạt động kinh tế					21.769.876.937.072	14.255.927.014.614	7.513.949.922.458	17.733.401.843.603	11.284.060.319.298	6.449.341.524.305		79,15%	85,83%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					1.142.529.414.339	29.427.328.950	1.113.102.085.389	1.058.522.085.111	24.784.881.724	1.033.737.203.387		84,22%	92,87%
-	Chi bảo đảm xã hội					146.256.222.237	46.953.000	146.209.269.237	132.127.697.508	24.922.000	132.102.775.508		53,08%	90,35%
-	Chi đầu tư khác					248.950.648.681		248.950.648.681	234.824.959.482		234.824.959.482			94,33%
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>													
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn trong nước	24.994.758.259.317	29.073.031.000.000	17.338.881.000.000		33.177.066.154.315	15.720.260.768.448	17.456.805.385.867	28.067.588.365.865	12.565.798.576.515	15.501.789.789.350	84,60%	79,93%	88,80%
-	Chi XDCB bằng nguồn vốn ngoài nước	3.161.449.710.900	2.564.072.000.000	2.564.072.000.000		1.868.769.314.269	1.868.769.314.269		1.685.981.524.877	1.685.981.524.877		90,22%	90,22%	
2	Chi bổ sung vốn cho các Quỹ, vốn ủy thác	200.000.000.000	820.000.000.000	820.000.000.000		1.070.000.000.000	1.070.000.000.000		1.070.000.000.000	1.070.000.000.000		100,00%	100,00%	
3	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	22.788.742.684	50.000.000.000	50.000.000.000		50.692.974.845	50.692.974.845		50.692.974.845	50.692.974.845		100,00%	100,00%	
4	Chi đầu tư phát triển khác	30.000.000.000	215.000.000.000	215.000.000.000		202.292.917.261	202.292.917.261		202.292.917.261	202.292.917.261		100,00%	100,00%	
II	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.439.053.317.885	726.119.000.000	726.119.000.000		726.119.000.000	726.119.000.000		600.506.797.136	600.506.797.136		82,70%	82,70%	
III	Chi thường xuyên	35.843.382.910.351	41.411.680.000.000	18.837.483.000.000	22.574.197.000.000	43.942.456.281.657	17.079.880.609.258	26.862.575.672.399	39.829.743.585.891	15.202.708.877.676	24.627.034.708.215	90,64%	89,01%	91,68%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	10.979.129.482.986	13.099.650.000.000	2.451.168.000.000	10.648.482.000.000	13.171.323.411.268	2.155.764.792.078	11.015.558.619.190	12.743.106.530.184	2.051.403.479.365	10.691.703.050.819	96,75%	95,16%	97,06%
2	Chi khoa học và công nghệ	180.024.005.545	760.235.000.000	760.235.000.000		470.848.707.067	470.848.707.067		223.766.945.297	223.766.945.297		47,52%	47,52%	
3	Chi quốc phòng	881.823.266.925	942.709.000.000	342.350.000.000	600.359.000.000	1.149.426.316.646	568.056.000.000	581.370.316.646	1.067.586.927.090	525.656.000.000	541.930.927.090	92,88%	92,54%	93,22%
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	834.884.999.579	523.953.000.000	225.861.000.000	298.092.000.000	855.192.517.141	260.975.538.791	594.216.978.350	851.526.057.966	260.138.268.791	591.387.789.175	99,57%	99,68%	99,52%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	3.062.210.047.075	3.472.736.000.000	3.225.242.000.000	247.494.000.000	3.354.779.793.913	3.025.578.666.773	329.201.127.140	3.187.482.229.496	2.882.256.398.376	305.225.831.120	95,01%	95,26%	92,72%
6	Chi văn hóa thông tin	759.359.167.397	684.755.000.000	455.552.000.000	229.203.000.000	1.004.393.287.344	461.512.421.074	542.880.866.270	877.306.373.064	427.235.099.658	450.071.273.406	87,35%	92,57%	82,90%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	165.822.177.592	128.831.000.000	57.800.000.000	71.031.000.000	129.218.723.314	57.800.000.000	71.418.723.314	122.980.461.519	55.930.000.000	67.050.461.519	95,17%	96,76%	93,88%
8	Chi thể dục thể thao	534.104.915.031	611.328.000.000	525.019.000.000	86.309.000.000	676.762.036.164	564.976.527.743	111.785.508.421	631.214.881.085	527.598.186.495	103.616.694.590	93,27%	93,38%	92,69%
9	Chi bảo vệ môi trường	2.193.290.083.487	2.423.021.000.000	890.681.000.000	1.532.340.000.000	2.330.286.387.159	756.706.734.000	1.573.579.653.159	1.914.151.819.941	673.813.271.963	1.240.338.547.978	82,14%	89,05%	78,82%
10	Chi các hoạt động kinh tế	5.247.752.694.326	7.632.880.000.000	6.411.333.000.000	1.221.547.000.000	8.065.375.883.177	6.092.377.562.506	1.972.998.520.671	6.902.077.407.793	5.273.012.108.058	1.629.065.299.735	85,58%	86,55%	82,57%
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.821.814.410.581	7.146.365.000.000	1.951.383.000.000	5.194.982.000.000	8.252.794.111.812	1.831.882.344.753	6.420.911.767.059	7.452.956.422.029	1.561.350.866.406	5.891.605.555.623	90,31%	85,23%	91,76%
12	Chi bảo đảm xã hội	2.274.262.983.905	3.211.900.000.000	1.013.370.000.000	2.198.530.000.000	3.315.574.498.368	547.756.508.691	2.767.817.989.677	2.885.409.344.950	490.113.640.480	2.395.295.704.470	87,03%	89,48%	86,54%
13	Chi thường xuyên khác	848.636.501.960	773.317.000.000	527.489.000.000	245.828.000.000	1.166.480.608.284	285.645.005.782	880.835.602.502	970.178.185.477	250.434.612.787	719.743.572.690	83,17%	87,67%	81,71%
14	Chi trợ giá	1.060.268.171.962												
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		655.983.000.000	655.983.000.000										

STT	Nội dung chi	Thực hiện 2016	Dự toán đầu năm			Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung			Thực hiện năm 2017			Tỷ lệ % QT/DT điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó	
				Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		Ngân sách Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NS Thành phố	NSQH (gồm cả NSXP)		NSTP	NSQH (gồm cả NSXP)
V	Dự phòng ngân sách		2.516.900.000.000	1.893.748.000.000	623.152.000.000									
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	10.460.000.000	10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000		10.460.000.000	10.460.000.000		100,00%	100,00%	
VII	Chi chuyển nguồn	34.339.389.199.732				35.295.818.581.206	17.511.727.645.447	17.784.090.935.759	35.295.818.581.206	17.511.727.645.447	17.784.090.935.759			
VIII	Chi bổ sung cho cấp dưới	24.009.440.101.865			-	27.127.358.582.379	20.128.676.822.114	6.998.681.760.265	27.127.358.582.379	20.128.676.822.114	6.998.681.760.265			
1	Bổ sung cân đối	8.877.329.613.000				17.121.175.712.372	13.991.872.000.000	3.129.303.712.372	17.121.175.712.372	13.991.872.000.000	3.129.303.712.372			
2	Bổ sung có mục tiêu	15.132.110.488.865				10.006.182.870.007	6.136.804.822.114	3.869.378.047.893	10.006.182.870.007	6.136.804.822.114	3.869.378.047.893			
IX	Chi hoàn trả các cấp NS	106.109.531.761			-	445.173.338.775	295.269.386.391	149.903.952.384	445.173.338.775	295.269.386.391	149.903.952.384			
B	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP		496.000.000.000	496.000.000.000		496.000.000.000	496.000.000.000		145.713.151.616	145.713.151.616		29,38%	29,38%	

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ THÀNH PHỐ NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên chương trình mục tiêu	Dự toán năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang											Quyết toán		
		Tổng số	Ngân sách Trung ương					Ngân sách địa phương							
			Tổng cộng	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng cộng	ĐTPT		Sự nghiệp		Tổng số	ĐTPT	Sự nghiệp
				Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2017	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2017		Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2017	Chuyển nguồn năm trước sang	Dự toán giao năm 2017			
	Tổng cộng (A+B)	2.249.852.272.805	0	0	0	0	0	2.249.852.272.805	207.843.172.399	1.795.850.424.950	3.270.175.456	242.888.500.000	1.578.410.589.896	1.482.764.434.668	95.646.155.228
A	Chương trình mục tiêu Quốc gia	1.968.158.597.349	0	0	0	0	0	1.968.158.597.349	207.843.172.399	1.757.250.424.950	0	3.065.000.000	1.463.564.326.068	1.460.540.041.068	3.024.285.000
I	Chương trình giảm nghèo bền vững	73.594.329.773	0	0	0	0	0	73.594.329.773	70.529.329.773	0	0	3.065.000.000	56.127.981.973	53.103.696.973	3.024.285.000
II	Chương trình xây dựng nông thôn mới	1.894.564.267.576	0	0	0	0	0	1.894.564.267.576	137.313.842.626	1.757.250.424.950	0	0	1.407.436.344.095	1.407.436.344.095	0
B	Chương trình mục tiêu của Thành phố	281.693.675.456	0	0	0	0	0	281.693.675.456	0	38.600.000.000	3.270.175.456	239.823.500.000	114.846.263.828	22.224.393.600	92.621.870.228
I	Chương trình công nghệ thông tin	169.659.057.456	0	0	0	0	0	169.659.057.456	0	0	1.085.557.456	168.573.500.000	20.510.138.211	0	20.510.138.211
II	Chương trình giảm thiểu ùn tắc giao thông	112.034.618.000	0	0	0	0	0	112.034.618.000	0	38.600.000.000	2.184.618.000	71.250.000.000	94.336.125.617	22.224.393.600	72.111.732.017

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH CẤP QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên quận, huyện, thị xã	Dự toán năm 2017					Quyết toán 2017 (số quận, huyện thực rút trong năm 2017)			So sánh QT/DT (%)	
		Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Bao gồm		Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu
			Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu				Bổ sung cân đối	Bổ sung mục tiêu		
				Tổng số	Trong đó						
					QĐ 6768/QĐ-UBND	Bổ sung trong năm					
	Tổng số	20.171.113.046.950	13.991.872.000.000	6.179.241.046.950	3.773.733.000.000	2.405.508.046.950	20.128.676.822.114	13.991.872.000.000	6.136.804.822.114	100	99,3
1	Quận Hoàn Kiếm	61.565.675.000		61.565.675.000	10.446.000.000	51.119.675.000	61.565.675.000	0	61.565.675.000		100,0
2	Quận Ba Đình	54.871.805.000		54.871.805.000	20.155.000.000	34.716.805.000	54.871.805.000	0	54.871.805.000		100,0
3	Quận Đống Đa	86.887.730.000		86.887.730.000	27.945.000.000	58.942.730.000	86.887.730.000	0	86.887.730.000		100,0
4	Quận Hai Bà Trưng	60.271.301.000		60.271.301.000	13.115.000.000	47.156.301.000	60.271.301.000	0	60.271.301.000		100,0
5	Quận Thanh Xuân	69.458.029.000		69.458.029.000	14.225.000.000	55.233.029.000	68.460.323.514	0	68.460.323.514		98,6
6	Quận Tây Hồ	24.784.215.000		24.784.215.000	7.767.000.000	17.017.215.000	24.784.215.000	0	24.784.215.000		100,0
7	Quận Cầu Giấy	60.490.842.000		60.490.842.000	13.613.000.000	46.877.842.000	60.061.267.000	0	60.061.267.000		99,3
8	Quận Hoàng Mai	49.271.775.000		49.271.775.000	15.317.000.000	33.954.775.000	44.040.965.000	0	44.040.965.000		89,4
9	Quận Long Biên	42.412.034.000		42.412.034.000	12.788.000.000	29.624.034.000	42.412.034.000	0	42.412.034.000		100,0
10	Quận Hà Đông	183.290.389.000	136.284.000.000	47.006.389.000	12.348.000.000	34.658.389.000	181.136.679.000	136.284.000.000	44.852.679.000	100	95,4
11	Quận Nam Từ Liêm	75.540.312.000		75.540.312.000	4.346.000.000	71.194.312.000	75.540.312.000	0	75.540.312.000		100,0
12	Quận Bắc Từ Liêm	62.276.905.000	32.432.000.000	29.844.905.000	8.334.000.000	21.510.905.000	61.505.905.000	32.432.000.000	29.073.905.000	100	97,4
13	Thị xã Sơn Tây	802.870.152.000	528.083.000.000	274.787.152.000	177.989.000.000	96.798.152.000	801.078.237.600	528.083.000.000	272.995.237.600	100	99,3
14	Huyện Thanh Trì	610.407.255.000	460.970.000.000	149.437.255.000	112.722.000.000	36.715.255.000	610.407.255.000	460.970.000.000	149.437.255.000	100	100,0
15	Huyện Gia Lâm	866.214.844.000	618.309.000.000	247.905.844.000	184.252.000.000	63.653.844.000	866.214.844.000	618.309.000.000	247.905.844.000	100	100,0
16	Huyện Sóc Sơn	1.540.442.503.000	966.501.000.000	573.941.503.000	327.079.000.000	246.862.503.000	1.535.489.864.050	966.501.000.000	568.988.864.050	100	99,1
17	Huyện Đông Anh	1.196.822.677.950	817.427.000.000	379.395.677.950	129.114.000.000	250.281.677.950	1.196.822.677.950	817.427.000.000	379.395.677.950	100	100,0
18	Huyện Mê Linh	815.540.890.000	615.976.000.000	199.564.890.000	151.131.000.000	48.433.890.000	815.540.890.000	615.976.000.000	199.564.890.000	100	100,0
19	Huyện Quốc Oai	1.243.547.198.000	818.396.000.000	425.151.198.000	319.537.000.000	105.614.198.000	1.243.539.198.000	818.396.000.000	425.143.198.000	100	100,0
20	Huyện Chương Mỹ	1.401.439.641.000	990.637.000.000	410.802.641.000	238.994.000.000	171.808.641.000	1.401.439.641.000	990.637.000.000	410.802.641.000	100	100,0
21	Huyện Thanh Oai	953.350.172.000	715.097.000.000	238.253.172.000	155.681.000.000	82.572.172.000	944.677.809.000	715.097.000.000	229.580.809.000	100	96,4
22	Huyện Ứng Hòa	1.142.180.020.000	866.348.000.000	275.832.020.000	164.154.000.000	111.678.020.000	1.142.180.020.000	866.348.000.000	275.832.020.000	100	100,0
23	Huyện Mỹ Đức	1.329.422.543.000	1.003.814.000.000	325.608.543.000	246.390.000.000	79.218.543.000	1.329.422.543.000	1.003.814.000.000	325.608.543.000	100	100,0
24	Huyện Thường Tín	986.996.321.000	766.748.000.000	220.248.321.000	131.355.000.000	88.893.321.000	986.996.321.000	766.748.000.000	220.248.321.000	100	100,0
25	Huyện Phú Xuyên	1.110.161.205.000	828.820.000.000	281.341.205.000	182.997.000.000	98.344.205.000	1.110.161.205.000	828.820.000.000	281.341.205.000	100	100,0
26	Huyện Ba Vì	1.670.854.446.000	1.109.589.000.000	561.265.446.000	446.014.000.000	115.251.446.000	1.668.012.652.400	1.109.589.000.000	558.423.652.400	100	99,5
27	Huyện Phúc Thọ	1.000.906.014.000	661.825.000.000	339.081.014.000	199.546.000.000	139.535.014.000	986.319.299.600	661.825.000.000	324.494.299.600	100	95,7
28	Huyện Thạch Thất	1.016.819.032.000	754.732.000.000	262.087.032.000	207.616.000.000	54.471.032.000	1.016.819.032.000	754.732.000.000	262.087.032.000	100	100,0
29	Huyện Đan Phượng	785.318.186.000	600.207.000.000	185.111.186.000	104.212.000.000	80.899.186.000	785.318.186.000	600.207.000.000	185.111.186.000	100	100,0
30	Huyện Hoài Đức	866.698.935.000	699.677.000.000	167.021.935.000	134.551.000.000	32.470.935.000	866.698.935.000	699.677.000.000	167.021.935.000	100	100,0

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA TỪNG QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên quận, huyện, thị xã	Quyết toán năm	Bao gồm									Hoàn trả ngân sách thành phố	Chuyển nguồn sang năm 2018
			Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên						
			Tổng số	Trong đó chi đầu tư XDCB	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Bảo vệ môi trường	Giáo dục đào tạo và dạy nghề			Khoa học công nghệ	Sự nghiệp môi trường							
	Tổng cộng	58.001.144.256.635	15.501.789.789.350	15.501.789.789.350	5.692.848.873.624	39.420.743.238	24.627.034.708.215	10.691.706.950.819	-	1.240.838.547.978	88.228.823.311	17.784.090.935.759	
1	Hoàn Kiếm	1.719.837.868.750	306.344.768.000	306.344.768.000	99.792.287.000	-	814.026.034.488	226.007.520.905	-	54.082.389.228	8.496.400.000	590.970.666.262	
2	Ba Đình	2.081.008.483.397	377.173.702.196	377.173.702.196	257.637.941.556	-	714.353.109.198	308.201.192.475	-	54.497.980.022	1.547.106.000	987.934.566.003	
3	Đống Đa	2.010.074.605.387	247.910.244.424	247.910.244.424	95.988.024.221	-	1.003.598.924.123	404.838.933.928	-	63.284.503.000	1.873.142.000	756.692.294.840	
4	Hai Bà Trưng	2.152.893.717.078	104.193.044.589	104.193.044.589	53.901.818.404	-	942.791.216.244	340.583.377.747	-	57.992.310.345	2.228.566.000	1.103.680.890.245	
5	Thanh Xuân	2.188.604.413.543	558.612.113.230	558.612.113.230	305.177.106.469	-	832.384.870.245	325.007.784.047	-	45.409.337.295		797.607.430.068	
6	Tây Hồ	1.236.820.780.976	120.360.349.431	120.360.349.431	33.064.857.771	-	553.914.148.314	216.873.236.466	-	58.616.964.000	711.311.000	561.834.972.231	
7	Cầu Giấy	2.347.078.471.689	649.492.436.423	649.492.436.423	443.115.661.910	-	725.319.173.144	296.346.223.771	-	67.556.939.118	6.016.089.000	966.250.773.122	
8	Hoàng Mai	2.719.599.871.077	286.895.726.461	286.895.726.461	139.557.556.750	-	833.603.915.267	336.719.799.055	-	78.983.510.709	695.900.000	1.598.404.329.349	
9	Long Biên	4.128.719.293.106	651.497.567.003	651.497.567.003	390.881.185.998	-	829.809.556.493	390.816.212.907	-	91.247.000.000	239.800.000	2.647.172.369.610	
10	Hà Đông	2.587.417.569.314	700.177.527.084	700.177.527.084	271.517.474.100	-	874.428.810.865	404.136.076.268	-	91.468.203.200	2.398.487.000	1.010.412.744.365	
11	Nam Từ Liêm	2.663.776.058.891	1.026.702.273.956	1.026.702.273.956	483.584.574.496	4.554.020.000	522.057.763.590	207.818.853.754	-	49.050.640.146	5.573.777.161	1.109.442.244.184	
12	Bắc Từ Liêm	2.238.573.456.006	584.814.848.062	584.814.848.062	204.366.046.276	-	657.158.913.786	259.420.865.112	-	44.251.023.104	5.934.766.163	990.664.927.995	
13	Sơn Tây	1.244.821.600.412	418.388.592.372	418.388.592.372	141.345.699.001	544.079.000	545.529.359.446	228.529.230.120	-	43.347.077.814	624.959.500	280.278.689.094	
14	Thanh Trì	1.626.913.099.466	540.596.992.773	540.596.992.773	155.154.564.500	154.175.000	732.272.445.718	348.965.504.885	-	30.107.739.000	2.400.787.000	351.642.873.975	
15	Gia Lâm	2.214.213.033.517	732.523.632.724	732.523.632.724	296.804.494.425	-	798.366.968.036	350.754.453.592	-	44.293.100.857	246.570.000	683.075.862.757	
16	Sóc Sơn	2.113.926.639.213	762.656.405.246	762.656.405.246	212.078.107.938	-	1.114.169.856.402	548.966.826.506	-	31.827.276.944	7.816.908.000	229.283.469.565	
17	Đông Anh	2.388.786.708.876	902.609.588.580	902.609.588.580	191.422.308.231	8.031.135.000	1.135.703.273.945	580.174.919.619	-	38.549.294.957	1.756.786.957	348.717.059.394	
18	Mê Linh	1.166.968.987.573	337.660.416.438	337.660.416.438	113.942.244.495	-	704.915.955.946	308.502.707.059	-	27.405.847.000	1.282.614.000	123.110.001.189	
19	Quốc Oai	2.038.344.961.587	900.500.637.481	900.500.637.481	229.905.669.311	9.569.541.802	894.465.835.889	444.271.150.000	-	25.625.209.300	136.759.953	243.241.728.264	
20	Chương Mỹ	1.835.907.348.482	429.464.481.042	429.464.481.042	130.056.360.569	-	1.062.865.578.768	479.160.540.728	-	16.289.948.442	66.370.000	343.510.918.672	
21	Thanh Oai	1.569.996.233.701	582.400.162.900	582.400.162.900	215.623.439.000	-	765.685.687.130	337.055.277.200	-	24.502.498.057	165.700.000	221.744.683.671	
22	Ứng Hoà	1.435.647.140.797	398.983.722.385	398.983.722.385	145.690.406.589	5.925.411.436	838.007.933.644	379.951.408.252	-	28.588.669.066	2.823.596.000	195.831.888.768	
23	Mỹ Đức	1.691.556.874.891	615.729.509.400	615.729.509.400	175.716.550.000	-	845.510.845.150	383.533.677.800	-	23.620.577.500		230.316.520.341	
24	Thường Tín	1.342.496.190.269	279.062.320.234	279.062.320.234	89.310.184.650	26.100.000	883.154.141.350	381.747.323.510	-	23.465.094.100	1.737.484.272	178.542.244.413	
25	Phù Xuyên	1.411.466.199.226	398.051.268.292	398.051.268.292	162.561.433.700	36.694.000	895.168.905.885	389.292.497.371	-	14.269.472.000	19.583.924.588	98.662.100.461	
26	Ba Vì	2.060.584.505.352	600.640.964.303	600.640.964.303	130.718.033.400	2.902.564.000	1.231.162.841.409	494.534.751.848	-	29.878.789.750	6.815.772.836	221.964.926.804	
27	Phúc Thọ	1.294.230.911.603	462.456.099.015	462.456.099.015	125.455.854.226	5.289.533.000	739.803.589.494	287.333.947.935	-	21.922.209.700	5.519.622.620	86.451.600.474	
28	Thạch Thất	1.500.082.394.529	469.991.331.737	469.991.331.737	130.389.193.921	1.487.490.000	788.003.044.751	381.849.013.768	-	19.724.162.101	829.779.000	241.258.239.041	
29	Đan Phượng	1.119.280.333.852	377.494.564.805	377.494.564.805	120.595.331.117	-	638.891.310.572	284.187.381.031	-	19.623.140.323	485.265.361	102.409.193.114	
30	Hoài Đức	1.871.516.504.075	678.404.498.764	678.404.498.764	147.494.463.600	900.000.000	709.910.698.923	366.126.263.160	-	21.357.640.900	220.578.900	482.980.727.488	

QUYẾT TOÁN CHI ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
	TỔNG CỘNG	19.495.231.000.000	342.350.000.000	225.861.000.000	2.451.168.000.000	760.235.000.000	3.225.242.000.000	455.552.000.000	57.800.000.000	525.019.000.000	890.681.000.000	6.413.098.000.000	1.951.383.000.000	1.013.370.000.000	1.183.472.000.000
1	Văn phòng UBND Thành phố	91.294.000.000				23.142.000.000							67.655.000.000		497.000.000
2	Văn phòng HĐND Thành phố	42.441.000.000											42.441.000.000		
3	Sở Ngoại vụ	56.710.000.000										847.000.000	55.863.000.000		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	75.782.000.000				2.500.000.000						28.480.000.000	44.802.000.000		
5	Sở Tư pháp	83.566.000.000			985.000.000								43.114.000.000		39.467.000.000
6	Sở Công thương	204.113.000.000			1.095.000.000							57.278.000.000	145.740.000.000		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	187.779.000.000				163.342.000.000							24.437.000.000		
8	Sở Tài chính	83.076.000.000										16.131.000.000	66.945.000.000		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.535.063.000.000			1.508.318.000.000								26.745.000.000		
10	Sở Y tế	2.317.534.000.000			31.819.000.000		2.253.372.000.000						32.343.000.000		
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	640.716.000.000			89.407.000.000						4.291.000.000		40.806.000.000	506.212.000.000	
12	Sở Văn hóa và Thể thao	837.472.000.000			300.000.000			288.822.000.000		525.019.000.000		941.000.000	22.390.000.000		
13	Sở Thông tin và Truyền thông	134.830.000.000			1.758.000.000	25.358.000.000			57.800.000.000				32.614.000.000		17.300.000.000
14	Sở Nội vụ	98.984.000.000			35.623.000.000			3.574.000.000					59.787.000.000		
15	Thanh tra Thành phố	32.207.000.000											32.207.000.000		
16	Thành ủy Hà Nội	257.729.000.000			6.180.000.000		20.903.000.000						211.537.000.000		19.109.000.000
17	Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội	39.176.000.000											39.176.000.000		
18	Thành đoàn Hà Nội	118.909.000.000			22.214.000.000			55.694.000.000				2.798.000.000	38.203.000.000		
19	Hội Liên hiệp phụ nữ	22.134.000.000			1.049.000.000								21.085.000.000		
20	Hội Nông dân Thành phố	13.739.000.000											13.739.000.000		
21	Hội Cựu chiến binh Thành phố	13.060.000.000			792.000.000								12.268.000.000		
22	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	20.446.000.000			20.446.000.000										
23	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	51.520.000.000			51.520.000.000										
24	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	73.749.000.000			73.749.000.000										
25	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	9.727.000.000			9.727.000.000										
26	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	15.611.000.000			15.611.000.000										
27	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	12.208.000.000			12.208.000.000										
28	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	21.995.000.000			21.995.000.000										
29	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội	102.006.000.000			433.000.000			90.462.000.000				11.111.000.000			
30	Trường Cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà Nội	11.016.000.000			11.016.000.000										
31	Trường Cao đẳng Thương mại du lịch Hà Nội	11.715.000.000			11.715.000.000										

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
32	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	20.204.000.000			20.204.000.000										
33	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Tây	38.190.000.000			38.190.000.000										
34	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	10.319.000.000			9.352.000.000		967.000.000								
35	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	8.842.000.000			8.842.000.000										
36	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	8.473.000.000			8.473.000.000										
37	Trung tâm giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	9.093.000.000												9.093.000.000	
38	Ban Dân tộc thành phố Hà Nội	18.250.000.000											18.250.000.000		
39	Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hà Nội	25.707.000.000			1.340.000.000	24.367.000.000									
40	Bảo Kinh tế và Đô thị	6.771.000.000													6.771.000.000
41	Sở Du lịch	74.733.000.000			1.000.000.000							1.000.000.000	20.233.000.000		52.500.000.000
42	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	10.547.000.000			1.800.000.000							8.747.000.000			
43	Sở Giao thông vận tải	2.043.023.000.000			4.215.000.000							1.828.920.000.000	209.888.000.000		
44	Ban quản lý các KCN và CX	15.128.000.000										2.623.000.000	12.505.000.000		
45	Viện QHXD Hà Nội	37.570.000.000										37.570.000.000			
46	Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội	68.784.000.000			1.847.000.000	1.526.000.000						45.098.000.000	20.313.000.000		
47	Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội	1.530.000.000										1.530.000.000			
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	6.534.000.000			30.000.000								6.504.000.000		
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	116.988.000.000			345.000.000						15.190.000.000	61.386.000.000	40.067.000.000		
50	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.932.543.000.000			2.570.000.000							1.721.023.000.000	208.950.000.000		
51	Sở Xây dựng	2.714.437.000.000									871.200.000.000	1.634.810.000.000	208.427.000.000		
53	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp thành phố HN	7.166.000.000											7.166.000.000		
54	Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT thành phố HN														
55	Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố HN														
56	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố HN														
57	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố HN														
58	Trung tâm CCRD														
59	Hội Chữ thập đỏ	7.253.000.000											7.253.000.000		

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
60	Hội Luật gia	1.225.000.000											1.225.000.000		
61	Hội Nhà báo	1.542.000.000											1.542.000.000		
62	Liên hiệp các Hội KHKT	1.992.000.000											1.992.000.000		
63	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	12.109.000.000											12.109.000.000		
64	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật thành phố Hà Nội	9.421.000.000											9.421.000.000		
65	Hội Người mù thành phố	3.977.000.000											3.977.000.000		
66	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố Hà Nội	6.902.000.000											6.902.000.000		
67	Hội Đồng Y thành phố Hà Nội	3.762.000.000											3.762.000.000		
68	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.600.000.000													1.600.000.000
69	Hội Nạn nhân chất độc da cam	1.050.000.000													1.050.000.000
70	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	1.200.000.000													1.200.000.000
71	Hội Cứu trợ trẻ em khuyết tật	1.000.000.000													1.000.000.000
72	Hội người khuyết tật thành phố	1.350.000.000													1.350.000.000
73	Hội khuyến học thành phố	800.000.000													800.000.000
74	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.400.000.000													1.400.000.000
75	Hỗ trợ các Hội khác	5.000.000.000													5.000.000.000
76	Công an Thành phố	180.412.000.000		180.412.000.000											
77	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	45.449.000.000		45.449.000.000											
78	Bộ Tư lệnh Thủ đô	342.350.000.000	342.350.000.000												
79	Cầu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000													1.400.000.000
80	Ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh thành phố Hà Nội	21.700.000.000													21.700.000.000
81	Công ty Cổ phần sách Hà Nội	200.000.000													200.000.000
82	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	17.000.000.000						17.000.000.000							
83	Cục Thuế Hà Nội	7.500.000.000													7.500.000.000
84	Tòa án nhân dân Thành phố	16.610.000.000													16.610.000.000
85	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	3.470.000.000													3.470.000.000
86	Kho bạc Nhà nước Hà Nội	3.100.000.000													3.100.000.000
87	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	9.500.000.000													9.500.000.000
88	Cục Thống kê Hà Nội	5.060.000.000													5.060.000.000
89	Liên đoàn Lao động Thành phố	14.025.000.000													14.025.000.000
90	Đoàn ĐBQH Hà Nội	3.300.000.000													3.300.000.000

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
91	Kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	950.000.000.000					950.000.000.000								
92	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000			20.000.000.000										
93	Chi thi đua khen thưởng (Quỹ khen thưởng)	47.000.000.000											47.000.000.000		
94	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội														
95	Quỹ Bảo trì đường bộ														
96	Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo TPHN)	100.000.000.000												100.000.000.000	
97	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch, cấp bách (giao các QHTX thực hiện)	43.760.000.000										43.760.000.000			
98	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Linh - Hà Đông (Sở Giao thông vận tải).	200.000.000.000										200.000.000.000			
99	Vốn ngoài nước	45.000.000.000										45.000.000.000			
100	Các đơn vị ngành dọc khác	5.000.000.000													5.000.000.000
101	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn.	365.000.000.000												365.000.000.000	
102	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	100.000.000.000													100.000.000.000
103	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn.	30.000.000.000											30.000.000.000		
104	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)	50.000.000.000													50.000.000.000
105	Kinh phí truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng	30.000.000.000												30.000.000.000	
106	Kinh phí mua xe ô tô chuyển dùng cho các sở, ngành	37.580.000.000													37.580.000.000
107	Chương trình Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố	100.000.000.000										100.000.000.000			
108	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển tiếp quy định tại Quyết định 41/2016/QĐ-UBND (nhiệm vụ của Thành phố do các quận, huyện, thị xã đang triển khai dở dang)	300.000.000.000										300.000.000.000			
109	Kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho học sinh các cấp	200.000.000.000			200.000.000.000										

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán đầu năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
110	Kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020	205.000.000.000			205.000.000.000										
111	Chi hoàn trả các khoản thu ngân sách	100.000.000.000													100.000.000.000
112	Chương trình công nghệ thông tin	520.000.000.000				520.000.000.000									
113	Chương trình giảm thiểu ùn tắc giao thông)	76.360.000.000										76.360.000.000			
114	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	3.065.000.000												3.065.000.000	
115	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	187.685.000.000										187.685.000.000			
116	Chi thực hiện CCTL và tình giãn biến chế	655.983.000.000													655.983.000.000

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
	TỔNG CỘNG	17.160.545.932.962	568.056.000.000	260.975.538.791	2.155.764.792.078	533.406.480.071	3.025.666.863.973	461.512.421.074	57.800.000.000	564.976.527.743	756.706.734.000	6.110.254.354.006	1.832.024.706.753	547.756.508.691	285.645.005.782
1	Văn phòng UBND Thành phố	94.660.655.736				23.732.656.182							70.927.999.554		
2	Văn phòng HĐND Thành phố	57.713.916.668											57.713.916.668		
3	Sở Ngoại vụ	64.986.640.620											64.986.640.620		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	145.373.758.860				69.262.000.000						28.387.100.000	47.724.658.860		
5	Sở Tư pháp	74.472.586.510			985.000.000								44.632.436.359		28.855.150.151
6	Sở Công thương	204.715.740.128			830.000.000							58.592.816.000	145.292.924.128		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	223.651.301.492				199.586.730.371							24.064.571.121		
8	Sở Tài chính	77.558.403.398										11.717.898.600	65.840.504.798		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.559.451.622.834			1.532.156.345.780								27.295.277.054		
10	Sở Y tế	2.212.693.063.539			20.299.000.000		2.159.120.723.388						33.273.340.151		
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	717.993.848.282			133.433.259.940						4.291.000.000		43.472.898.693	536.796.689.649	
12	Sở Văn hóa và Thể thao	864.262.172.876			300.000.000			302.697.124.491		534.827.527.743		2.027.600.000	24.409.920.642		
13	Sở Thông tin và Truyền thông	297.899.156.485			262.000.000	194.455.905.891			57.800.000.000				28.081.250.594		17.300.000.000
14	Sở Nội vụ	83.393.981.035			9.930.000.000			3.719.000.000				23.270.080.000	46.474.901.035		
15	Thanh tra Thành phố	34.486.000.000				1.742.000.000							32.744.000.000		
16	Thành ủy Hà Nội	284.577.277.081			6.180.000.000		20.903.000.000						255.853.277.081		1.641.000.000
17	Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội	40.421.064.502											40.421.064.502		
18	Thành đoàn Hà Nội	119.024.831.230			22.769.549.496			56.334.620.295				2.802.033.439	37.118.628.000		
19	Hội Liên hiệp phụ nữ	22.672.003.356			1.049.000.000								21.623.003.356		
20	Hội Nông dân Thành phố	13.765.816.075											13.765.816.075		
21	Hội Cựu chiến binh Thành phố	13.277.305.822			792.000.000								12.485.305.822		
22	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	23.373.363.943			23.373.363.943										
23	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	68.390.995.000			68.390.995.000										
24	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	62.884.217.846			62.884.217.846										
25	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	9.641.000.000			9.641.000.000										
26	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	16.086.807.145			16.086.807.145										
27	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	13.110.000.000			13.110.000.000										
28	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	57.753.058.000			57.753.058.000										
29	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội	95.814.575.822			433.000.000			92.754.575.822				2.627.000.000			
30	Trường Cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà Nội	13.546.000.000			13.546.000.000										
31	Trường Cao đẳng Thương mại du lịch Hà Nội	12.805.445.686			12.805.445.686										
32	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	43.039.479.000			43.039.479.000										
33	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Tây	41.093.911.000			41.093.911.000										

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
34	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	9.773.000.000			8.806.000.000		967.000.000								
35	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	11.076.768.139			11.076.768.139										
36	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	8.893.103.000			8.893.103.000										
37	Trung tâm giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	10.376.009.042												10.376.009.042	
38	Ban Dân tộc thành phố Hà Nội	10.225.982.435											10.225.982.435		
39	Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hà Nội	23.505.561.540			790.945.103	22.714.616.437									
40	Bảo Kinh tế và Đô thị	6.771.000.000													6.771.000.000
41	Sở Du lịch	71.493.000.000			500.000.000								16.044.000.000		54.949.000.000
42	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	86.484.394.411			1.800.000.000							84.684.394.411			
43	Sở Giao thông vận tải	2.147.039.021.736			3.611.000.000							1.931.848.488.000	211.579.533.736		
44	Ban quản lý các KCN và CX	19.167.600.000										2.662.600.000	16.505.000.000		
45	Viện QHXD Hà Nội	54.628.759.005										54.628.759.005			
46	Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội	61.707.348.966				1.323.571.190						39.370.952.776	21.012.825.000		
47	Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội	1.530.000.000										1.530.000.000			
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	7.218.204.278			30.000.000								7.188.204.278		
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	89.337.393.493			345.000.000						16.466.720.000	26.737.646.011	45.788.027.482		
50	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.999.485.454.811			2.067.000.000							1.789.936.408.943	207.482.045.868		
51	Sở Xây dựng	2.447.906.831.943									735.949.014.000	1.661.092.624.721	50.865.193.222		
53	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp thành phố HN	19.329.382.274	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.028.977.000	7.300.405.274	-	-
54	Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT thành phố HN	59.004.304.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	59.004.304.000	-	-	-
55	Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố HN	10.776.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.776.000.000	-	-	-
56	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố HN	7.687.142.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.687.142.100	-	-	-
57	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố HN	92.115.543.000			6.701.543.000		52.265.000.000	3.000.000.000		30.149.000.000					
58	Trung tâm CCRD	2.765.894.804					2.765.894.804								
59	Hội Chữ thập đỏ	7.593.237.000											7.593.237.000		
60	Hội Luật gia	1.175.000.000											1.175.000.000		
61	Hội Nhà báo	2.008.821.280											2.008.821.280		
62	Liên hiệp các Hội KHKT	1.992.000.000											1.992.000.000		

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
63	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	12.109.000.000											12.109.000.000		
64	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật thành phố Hà Nội	13.156.458.308											12.572.648.308	583.810.000	
65	Hội Người mù thành phố	3.995.258.171											3.995.258.171		
66	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố Hà Nội	7.623.189.586											7.623.189.586		
67	Hội Đồng Y thành phố Hà Nội	3.762.000.000											3.762.000.000		
68	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.796.800.000													1.796.800.000
69	Hội Nạn nhân chất độc da cam	1.106.000.000													1.106.000.000
70	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	1.200.000.000													1.200.000.000
71	Hội Cứu trợ trẻ em khuyết tật	1.000.000.000													1.000.000.000
72	Hội người khuyết tật thành phố	1.350.000.000													1.350.000.000
73	Hội khuyến học thành phố	800.000.000													800.000.000
74	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.400.000.000													1.400.000.000
75	Hỗ trợ các Hội khác	97.500.000													97.500.000
76	Công an Thành phố	195.068.920.500		195.068.920.500											
77	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	65.906.618.291		65.906.618.291											
78	Bộ Tư lệnh Thủ đô	568.056.000.000	568.056.000.000												
79	Cầu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000													1.400.000.000
80	Ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh thành phố Hà Nội	21.700.000.000													21.700.000.000
81	Công ty Cổ phần sách Hà Nội	200.000.000													200.000.000
82	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	3.007.100.466						3.007.100.466							
83	Cục Thuế Hà Nội	8.380.000.000													8.380.000.000
84	Tòa án nhân dân Thành phố	16.610.000.000													16.610.000.000
85	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	3.470.000.000													3.470.000.000
86	Kho bạc Nhà nước Hà Nội	3.100.000.000													3.100.000.000
87	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	9.500.000.000													9.500.000.000
88	Cục Thống kê Hà Nội	5.060.000.000													5.060.000.000
89	Liên đoàn Lao động Thành phố	14.525.000.000													14.525.000.000
90	Đoàn ĐBQH Hà Nội	3.300.000.000													3.300.000.000
91	Kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	789.645.245.781						789.645.245.781							

S T T	Tên Sự, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
92	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000			20.000.000.000										
93	Chi thi đua khen thưởng (Quỹ khen thưởng)	47.000.000.000											47.000.000.000		
94	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội	20.589.000.000				20.589.000.000									
95	Quỹ Bảo trì đường bộ	120.698.000.000										120.698.000.000			
96	Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo TP HN)														
97	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch, cấp bách (giao các QHTX thực hiện)	178.143.529.000										178.143.529.000			
98	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Lịnh - Hà Đông (Số Giao thông vận tải).														
99	Vốn ngoài nước														
100	Các đơn vị ngành dọc khác														
101	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn.														
102	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	26.121.000.000													26.121.000.000
103	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn.														
104	Vốn thanh quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)														
105	Kinh phí truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng														
106	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành														
107	Chương trình Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố														
108	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển tiếp quy định tại Quyết định 41/2016/QĐ-UBND (nhiệm vụ của Thành phố do các quận, huyện, thị xã đang triển khai dở dang)														
109	Kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho học sinh các cấp														
110	Kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020														
111	Chi hoàn trả các khoản thu ngân sách	54.012.555.631													54.012.555.631

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
112	Chương trình công nghệ thông tin														
113	Chương trình giảm thiểu ùn tắc giao thông)														
114	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững														
115	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới														
116	Chi thực hiện CCTL và tính gián biên chế														

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
	TỔNG CỘNG	15.202.708.877.676	525.656.000.000	260.138.268.791	2.051.403.479.365	223.766.945.297	2.882.256.398.376	427.235.099.658	55.930.000.000	527.598.186.495	673.813.271.963	5.273.012.108.058	1.561.350.866.406	490.113.640.480	250.434.612.787
1	Văn phòng UBND Thành phố	67.792.476.465				16.173.952.201							51.618.524.264		
2	Văn phòng HĐND Thành phố	51.484.162.053											51.484.162.053		
3	Sở Ngoại vụ	58.577.337.656											58.577.337.656		
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	111.387.044.019				45.495.252.019						25.448.072.049	40.443.719.951		
5	Sở Tư pháp	69.423.956.770			910.852.000								40.183.238.346		28.329.866.424
6	Sở Công thương	185.677.654.344			596.840.000							52.652.987.605	132.427.826.739		
7	Sở Khoa học và Công nghệ	98.691.775.562				78.642.474.845							20.049.300.717		
8	Sở Tài chính	55.187.852.284										9.453.374.061	45.734.478.223		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.519.913.766.269			1.493.289.074.915								26.624.691.354		
10	Sở Y tế	2.096.186.681.934			15.786.039.372		2.052.208.277.623						28.192.364.939		
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	647.959.525.205			126.198.812.124						4.049.209.511		32.688.399.403	485.023.104.167	
12	Sở Văn hóa và Thể thao	818.693.207.768			247.150.000			280.504.080.263		517.040.592.392		264.724.000	20.636.661.113		
13	Sở Thông tin và Truyền thông	136.968.536.801			181.599.474	45.433.412.574			55.930.000.000				22.330.124.287		13.093.400.466
14	Sở Nội vụ	51.059.743.493			4.644.422.500			3.409.176.395				9.610.657.000	33.395.487.598		
15	Thanh tra Thành phố	32.135.778.640											32.135.778.640		
16	Thành ủy Hà Nội	185.562.987.909			4.709.989.460		14.912.323.168						164.648.946.365		1.291.728.916
17	Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội	37.155.120.943											37.155.120.943		
18	Thành đoàn Hà Nội	114.348.980.071			22.764.527.818			53.836.431.415				2.629.718.170	35.118.302.668		
19	Hội Liên hiệp phụ nữ	21.635.526.628			973.965.970								20.661.560.658		
20	Hội Nông dân Thành phố	12.883.313.001											12.883.313.001		
21	Hội Cựu chiến binh Thành phố	12.357.216.977			581.202.696								11.776.014.281		
22	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	22.716.648.643			22.716.648.643										
23	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	66.338.828.000			66.338.828.000										
24	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	50.624.514.380			50.624.514.380										
25	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	9.431.360.000			9.431.360.000										
26	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	16.003.474.145			16.003.474.145										
27	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	11.603.656.873			11.603.656.873										
28	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội	43.561.974.000			43.561.974.000										
29	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long Hà Nội	86.453.107.119			149.966.000			86.303.141.119							
30	Trường Cao đẳng Điện tử điện lạnh Hà Nội	13.521.003.200			13.521.003.200										
31	Trường Cao đẳng Thương mại du lịch Hà Nội	12.788.242.686			12.788.242.686										
32	Trường Cao đẳng nghề công nghệ cao Hà Nội	31.006.770.800			31.006.770.800										
33	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Tây	41.083.206.000			41.083.206.000										

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
34	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	9.757.880.000			8.790.880.000		967.000.000								
35	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	10.983.188.172			10.983.188.172										
36	Trường cao đẳng công nghệ và môi trường	8.867.721.200			8.867.721.200										
37	Trung tâm giáo dục lao động hướng nghiệp thanh niên	5.090.536.313												5.090.536.313	
38	Ban Dân tộc thành phố Hà Nội	9.063.328.042											9.063.328.042		
39	Viện nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hà Nội	16.920.105.673			789.236.730	16.130.868.943									
40	Bảo Kinh tế và Đô thị	6.766.300.203													6.766.300.203
41	Sở Du lịch	58.579.403.404												13.336.390.584	45.243.012.820
42	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội	66.305.481.544			1.687.642.000							64.617.839.544			
43	Sở Giao thông vận tải	2.111.993.765.820			3.535.122.046							1.918.942.373.017	189.516.270.757		
44	Ban quản lý các KCN và CX	18.852.426.587										2.662.600.000	16.189.826.587		
45	Viện QH XD Hà Nội	41.668.324.500										41.668.324.500			
46	Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội	48.250.958.875				1.301.984.715						27.373.795.170	19.575.178.990		
47	Quy Phát triển đất thành phố Hà Nội	236.209.679										236.209.679			
48	Ban chỉ đạo GPMB TP	5.271.088.586			30.000.000								5.241.088.586		
49	Sở Tài nguyên và Môi trường	80.446.343.340			315.139.000						14.286.712.322	24.090.161.397	41.754.330.621		
50	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.496.234.845.045			1.934.099.500							1.293.657.291.939	200.643.453.606		
51	Sở Xây dựng	2.179.001.053.086									655.477.350.130	1.478.707.288.824	44.816.414.132		
53	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp thành phố HN	18.427.558.480										11.419.007.000	7.008.551.480		
54	Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT thành phố HN	58.919.464.000										58.919.464.000			
55	Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố HN	8.737.450.369										8.737.450.369			
56	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố HN	4.624.521.000										4.624.521.000			
57	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội thành phố HN	37.246.750.764			4.756.329.661		21.757.657.000	175.170.000		10.557.594.103					
58	Trung tâm CCRD	2.765.894.804					2.765.894.804								
59	Hội Chữ thập đỏ	7.457.460.352											7.457.460.352		
60	Hội Luật gia	1.166.499.598											1.166.499.598		
61	Hội Nhà báo	1.847.189.909											1.847.189.909		
62	Liên hiệp các Hội KHKT	1.852.824.838											1.852.824.838		

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
63	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	11.547.990.638											11.547.990.638		
64	Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật thành phố Hà Nội	9.662.566.541											9.662.566.541		
65	Hội Người mù thành phố	3.779.605.955											3.779.605.955		
66	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị thành phố Hà Nội	7.601.703.591											7.601.703.591		
67	Hội Đồng Y thành phố Hà Nội	3.524.838.400											3.524.838.400		
68	Hội Cựu thanh niên xung phong	1.796.800.000													1.796.800.000
69	Hội Nạn nhân chất độc da cam	1.106.000.000													1.106.000.000
70	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi	1.200.000.000													1.200.000.000
71	Hội Cứu trợ trẻ em khuyết tật	1.000.000.000													1.000.000.000
72	Hội người khuyết tật thành phố	1.350.000.000													1.350.000.000
73	Hội khuyến học thành phố	800.000.000													800.000.000
74	Ban đại diện Hội người cao tuổi Thành phố Hà Nội	1.399.999.960													1.399.999.960
75	Hỗ trợ các Hội khác	97.500.000													97.500.000
76	Công an Thành phố	194.657.050.500		194.657.050.500											
77	Cảnh sát phòng cháy chữa cháy	65.481.218.291		65.481.218.291											
78	Bộ Tư lệnh Thủ đô	525.656.000.000	525.656.000.000												
79	Cầu lạc bộ Thăng Long	1.400.000.000													1.400.000.000
80	Ngân hàng chính sách xã hội - chi nhánh thành phố Hà Nội	7.746.190.000													7.746.190.000
81	Công ty Cổ phần sách Hà Nội	20.931.330													20.931.330
82	Công ty TNHH nhà nước MTV Nhà xuất bản Hà Nội	3.007.100.466						3.007.100.466							
83	Cục Thuế Hà Nội	8.379.716.000													8.379.716.000
84	Tòa án nhân dân Thành phố	11.354.712.068													11.354.712.068
85	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	3.255.205.000													3.255.205.000
86	Kho bạc Nhà nước Hà Nội	3.095.777.000													3.095.777.000
87	Viện kiểm sát nhân dân Thành phố	9.500.000.000													9.500.000.000
88	Cục Thống kê Hà Nội	5.042.503.344													5.042.503.344
89	Liên đoàn Lao động Thành phố	13.890.368.500													13.890.368.500
90	Đoàn ĐBQH Hà Nội	3.141.045.125													3.141.045.125
91	Kinh phí mua BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, ... do Thành phố quản lý	789.645.245.781					789.645.245.781								

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
92	Chi đào tạo thu hút nhân tài (Quỹ ưu đãi khuyến khích tài năng)	20.000.000.000			20.000.000.000										
93	Chi thi đua khen thưởng (Quỹ khen thưởng)	47.000.000.000											47.000.000.000		
94	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hà Nội	20.589.000.000				20.589.000.000									
95	Quỹ Bảo trì đường bộ	120.698.000.000									120.698.000.000				
96	Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo (Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo TPHN)														
97	Kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch, cấp bách (giao các QHTX thực hiện)	116.598.248.734										116.598.248.734			
98	Trợ giá vận tải hành khách công cộng tuyến xe điện trên cao Cát Linh - Hà Đông (Sở Giao thông vận tải).														
99	Vốn ngoài nước														
100	Các đơn vị ngành dọc khác														
101	Kinh phí tặng quà cho cán bộ hưu trí, mất sức, quà cho các đối tượng chính sách nhân ngày tết và các ngày lễ lớn.														
102	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ liên kết, hợp tác với tỉnh bạn	26.121.000.000													26.121.000.000
103	Kinh phí tổ chức các hoạt động phục vụ các sự kiện chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn.														
104	Vốn thành quyết toán các dự án hoàn thành (các dự án sử dụng vốn sự nghiệp)														
105	Kinh phí truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng														
106	Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng cho các sở, ngành														
107	Chương trình Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố														
108	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển tiếp quy định tại Quyết định 41/2016/QĐ-UBND (nhiệm vụ của Thành phố do các quận, huyện, thị xã đang triển khai dở dang)														
109	Kinh phí đào tạo ngoại ngữ cho học sinh các cấp														
110	Kinh phí thực hiện Đề án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020														
111	Chi hoàn trả các khoản thu ngân sách	54.012.555.631													54.012.555.631

S T T	Tên Sở, Ngành, Đơn vị	Quyết toán năm													
		Tổng số	Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
			Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
112	Chương trình công nghệ thông tin														
113	Chương trình giảm thiểu ùn tắc giao thông)														
114	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững														
115	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới														
116	Chi thực hiện CCTL và tính gián biến chế														

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kinh phí quyết toán													
		Tổng số	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hoá thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác
1	Quyết toán các dự án nguồn XDCB tập trung, chương trình mục tiêu, ngân sách Trung ương hỗ trợ, ODA giải ngân qua kho bạc	11.847.633.208.231	303.866.868.302	597.835.582.190	519.706.187.115	141.771.000.000	544.834.747.829	47.169.662.150	213.322.688.320	39.050.000.000	503.930.847.600	8.911.335.821.001	24.784.881.724	24.922.000	
2	Quyết toán các dự án nguồn XSKT giải ngân qua kho bạc	31.366.237.864			31.366.237.864										
3	Quyết toán các dự án nguồn trái phiếu Chính phủ	164.394.562.300			56.157.000							164.338.405.300			
4	Quyết toán các dự án XDCB vốn ngân sách giải ngân qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	2.208.386.092.997										2.208.386.092.997			
	Tổng số	14.251.780.101.392	303.866.868.302	597.835.582.190	551.128.581.979	141.771.000.000	544.834.747.829	47.169.662.150	213.322.688.320	39.050.000.000	503.930.847.600	11.284.060.319.298	24.784.881.724	24.922.000	

**QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ, ODA
GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
	Tổng số	21.461.533.198.706	4.651.288.007.356	16.810.245.191.350	11.847.633.208.231	7.900.706.453.046	1.713.193.537.429	
I	Quốc phòng	353.478.104.705	122.750.387.880	230.727.716.825	303.866.868.302	49.087.956.403	523.280.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh Thành phố Hà Nội (giai đoạn 1)	274.964.000	274.964.000	0	274.000.000	0	964.000	
2	Công trình phòng thủ STN 02.3	10.227.716.825	0	10.227.716.825	10.227.716.825	0	0	
3	STN.01.1	31.205.566.727	13.205.566.727	18.000.000.000	22.865.711.477	8.339.855.250	0	
4	Doanh trại Sư đoàn fBB301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (giai đoạn 1)	64.552.520.000	26.552.520.000	38.000.000.000	63.962.875.000	589.645.000	0	
5	Trường bắn khu vực Hòa Thạch	22.500.000.000	0	22.500.000.000	22.220.000.000	280.000.000	0	
6	Doanh trại Ban CHQS huyện Mỹ Đức	13.627.665.000	1.627.665.000	12.000.000.000	9.442.733.000	4.184.932.000	0	
7	Dự án đầu tư xây dựng doanh trại Tiểu đoàn 4, Tiểu đoàn 6 và khối trực thuộc eBB692/fBB301/BTL Thủ đô Hà Nội	9.269.867.000	9.269.867.000	0	0	9.269.867.000	0	
8	Dự án mở rộng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Thành phố Hà Nội	155.794.145.926	50.794.145.926	105.000.000.000	130.248.927.000	25.127.218.926	418.000.000	
9	Dự án cải tạo, nâng cấp Nhà Trung tâm Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	14.130.393.000	14.130.393.000	0	14.115.801.000	0	14.592.000	
10	Dự án cải tạo, nâng cấp đường điện hạ thế, trạm biến áp cơ quan Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	1.902.867.000	1.902.867.000	0	1.853.033.000	0	49.834.000	
11	Khu huấn luyện bơi Trung đoàn 692/sư đoàn BB301	3.695.961.000	3.695.961.000	0	3.656.071.000	0	39.890.000	
12	Cải tạo nâng cấp trường QS Hà Nội	20.000.000	20.000.000	0	0	20.000.000	0	
13	Dự án di dân tái định cư trường bắn Đồng Dơi	26.276.438.227	1.276.438.227	25.000.000.000	25.000.000.000	1.276.438.227	0	
II	An ninh và trật tự an toàn xã hội	600.849.472.490	278.356.472.490	322.493.000.000	597.835.582.190	2.966.294.000	47.596.300	
14	Cơ sở làm việc Công an Thị xã Sơn Tây	47.935.864.890	24.935.864.890	23.000.000.000	47.935.864.890	0	0	
15	Hệ thống xử lý nước thải gây ô nhiễm môi trường tại Trại tạm giam số 1 thuộc Công an thành phố Hà Nội	8.035.324.000	8.035.324.000	0	8.033.406.000	0	1.918.000	
16	Cơ sở làm việc Công an huyện Mê Linh	3.194.816.200	2.194.816.200	1.000.000.000	3.194.816.200	0	0	
17	Cơ sở làm việc Công an huyện ứng Hòa	11.858.270.300	11.858.270.300	0	11.857.701.300	0	569.000	
18	Cơ sở làm việc CAH huyện Mỹ Đức	31.612.300.000	25.612.300.000	6.000.000.000	31.612.300.000	0	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
19	Đầu tư trang thiết bị PCCC, CHCN và cơ sở vật chất cho các phòng CSPCCC khu vực Đống Đa, Gia Lâm, Thường Tín, Ứng Hòa, Đan Phượng và Thạch Thất	476.439.626.000	184.639.626.000	291.800.000.000	473.852.332.000	2.587.294.000	0	
20	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Long Biên	5.345.244.100	5.345.244.100	0	5.345.244.100	0	0	
21	Trụ sở phòng cảnh sát PCCC Cầu Giấy	15.511.027.000	15.511.027.000	0	15.355.175.000	155.000.000	852.000	
22	Đầu tư trang TB PCCC, cứu hộ, cứu nạn và cơ sở vật chất cho 10 phòng cảnh sát PCCC khu vực hiện ca	224.000.000	224.000.000	0	0	224.000.000	0	
23	Xây dựng lại nhà B Công an TP Hà Nội	42.000.000	0	42.000.000	41.555.700	0	444.300	
24	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế Bệnh viện Công an TP Hà Nội	34.000.000	0	34.000.000	0	0	34.000.000	
25	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Phú Xuyên	48.000.000	0	48.000.000	47.933.000	0	67.000	
26	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Ba Vì	61.000.000	0	61.000.000	59.941.000	0	1.059.000	
27	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai	42.000.000	0	42.000.000	41.006.000	0	994.000	
28	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai	50.000.000	0	50.000.000	45.729.000	0	4.271.000	
29	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Đông Ngạc, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	40.000.000	0	40.000.000	39.682.000	0	318.000	
30	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Thượng Cát, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	10.000.000	0	10.000.000	9.969.000	0	31.000	
31	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	10.000.000	0	10.000.000	9.969.000	0	31.000	
32	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Đức Thắng, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	40.000.000	0	40.000.000	39.682.000	0	318.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
33	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Cổ Nhuế 1, Q. Bắc Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	40.000.000	0	40.000.000	39.682.000	0	318.000	
34	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Tây Mỗ, Q. Nam Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	42.000.000	0	42.000.000	41.786.000	0	214.000	
35	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	46.000.000	0	46.000.000	45.749.000	0	251.000	
36	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm thuộc Công an TP Hà Nội	46.000.000	0	46.000.000	45.749.000	0	251.000	
37	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội	34.000.000	0	34.000.000	33.476.000	0	524.000	
38	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội	34.000.000	0	34.000.000	33.676.000	0	324.000	
39	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc CA phường Thanh Lương, Q. Hai Bà Trưng thuộc Công an thành phố Hà Nội	34.000.000	0	34.000.000	33.676.000	0	324.000	
40	Đầu tư xây dựng đồn CA Tiền Phong, huyện Mê Linh thuộc Công an thành phố Hà Nội	40.000.000	0	40.000.000	39.482.000	0	518.000	
III	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	634.622.695.552	141.592.261.052	493.030.434.500	519.706.187.115	89.100.789.732	25.815.718.705	
41	Xây dựng, cải tạo Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Bắc Thăng Long	191.497.000	0	191.497.000	191.497.000	0	0	
42	Trường THPT Yên Viên	2.623.503.000	100.000.000	2.523.503.000	2.623.503.000	0	0	
43	Trường THPT Yên Hòa	2.403.879.000	0	2.403.879.000	2.403.879.000	0	0	
44	Xây dựng công trình Nhà hiệu bộ, nhà lớp học bộ môn và nhà tập đa năng Trường THPT Thanh Oai B	354.591.000	0	354.591.000	353.187.000	0	1.404.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
45	Cải tạo, nâng cấp tổng thể Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	57.000.000	57.000.000	0	0	57.000.000	0	
46	Xây dựng mới Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	75.000.000	75.000.000	0	0	75.000.000	0	
47	Xây dựng cơ sở 2 Trường Trung cấp nghề nấu ăn và nghiệp vụ khách sạn Hà Nội	60.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000	0	
48	Mua sắm trang thiết bị dạy học trường Cao đẳng y tế Hà Đông	35.427.000	0	35.427.000	35.427.000	0	0	
49	Cải tạo, nâng cấp Trường cao đẳng y tế Hà Nội	341.616.500	0	341.616.500	341.616.500	0	0	
50	Đầu tư xây dựng trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong Hà Nội, cơ sở Hà Đông	101.321.000	101.321.000	0	0	101.321.000	0	
51	Cải tạo XD trường cán bộ Đội Lê Duẩn GD 2	7.123.998.000	123.998.000	7.000.000.000	7.107.497.998	0	16.500.002	
52	Trường THPT Phan Huy Chú, Quốc Oai	78.055.545.189	28.055.545.189	50.000.000.000	44.251.210.474	29.416.581.426	4.387.753.289	
53	Trường THPT Bắc Lương Sơn	11.409.165.600	11.409.165.600	0	10.724.780.000	680.400.000	3.985.600	
54	Trường THPT Nguyễn Du, Thanh Oai	44.334.526.000	6.334.526.000	38.000.000.000	41.185.914.000	3.148.612.000	0	
55	Xây dựng Trường THPT Thạch Bàn, quận Long Biên	5.869.000.000	0	5.869.000.000	5.311.000.000	0	558.000.000	
56	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều	57.501.000.000	0	57.501.000.000	57.500.603.647	0	396.353	
57	Trường THPT Đông Mỹ, Thanh Trì	53.000.000.000	0	53.000.000.000	51.153.205.000	1.846.795.000	0	
58	Xây dựng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề huyện Quốc Oai	24.030.000.000	30.000.000	24.000.000.000	23.536.571.700	493.428.300	0	
59	Trường phổ thông dân tộc nội trú Ba Vì	6.757.615.000	6.757.615.000	0	5.724.307.000	501.956.000	531.352.000	
60	Trường PTTH Khương Đình	9.074.564.904	4.074.564.904	5.000.000.000	1.059.409.000	5.049.323.900	2.965.832.004	
61	Xây dựng trường Tiểu học trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	34.121.253.440	4.121.253.440	30.000.000.000	26.575.753.440	7.545.500.000	0	
62	Xây dựng trường THCS Đặng Xá trong khu đô thị Đặng Xá 2, huyện Gia Lâm	29.873.298.000	4.873.298.000	25.000.000.000	22.757.847.970	7.115.450.030	0	
63	Xây dựng trường Trung cấp dạy nghề chất lượng cao thị xã Sơn Tây	262.105.000	262.105.000	0	0	262.105.000	0	
64	Trường THPT Sơn Tây	13.059.134.919	13.059.134.919	0	13.040.030.800	13.289.076	5.815.043	
65	Trường THPT Hoài Đức C	233.694.700	233.694.700	0	233.694.700	0	0	
66	Trường THPT Phú Xuyên A	14.429.000.000	8.429.000.000	6.000.000.000	14.429.000.000	0	0	
67	Xây dựng trường THPT Xuân Phương	35.500.000.000	0	35.500.000.000	35.067.330.000	432.670.000	0	
68	Xây dựng, mở rộng Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây giai đoạn I	84.629.536.300	31.629.536.300	53.000.000.000	80.951.472.500	1.410.000.000	2.268.063.800	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
69	Xây dựng nhà Giảng đường, Ký túc xá, Trung tâm khám chữa bệnh, Xưởng Dược và các hạng mục phụ trợ của Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	547.021.700	0	547.021.700	535.826.700	0	11.195.000	
70	Xây dựng Trường Đại học thu do Hà Nội	60.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000	0	
71	Xây dựng mới Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tại xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh	369.000.000	369.000.000	0	0	369.000.000	0	
72	Đầu tư nghề trọng điểm: Cơ điện tử cấp độ quốc tế của Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	14.000.000.000	0	14.000.000.000	13.935.514.000	0	64.486.000	
73	Xây dựng cải tạo, nâng cấp trường Trung cấp nghề Công đoàn Hà Nội	201.561.000	201.561.000	0	0	201.561.000	0	
74	Trường PTTH Liên Hà	46.891.578.000	18.891.578.000	28.000.000.000	46.891.578.000	0	0	
75	Trường THPT Kim Liên	949.441.000	949.441.000	0	949.000.000	0	441.000	
76	Trường THPT Ngô Thị Nhậm, Thanh Trì	973.126.000	973.126.000	0	973.000.000	0	126.000	
77	XD cải tạo Trường THPT Trần Đăng Ninh	1.270.404.000	100.000.000	1.170.404.000	1.270.404.000	0	0	
78	Trường THPT Mỹ Đức A	632.462.300	0	632.462.300	632.462.300	0	0	
79	Trường THPT Đại Cường (GD3)	1.586.033.000	0	1.586.033.000	1.586.033.000	0	0	
80	Trường THPT Trần Nhân Tông	30.000.000.000	0	30.000.000.000	0	30.000.000.000	0	
81	Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc TP Hà Nội	17.634.797.000	260.797.000	17.374.000.000	6.373.631.386	260.797.000	11.000.368.614	
82	Cải thiện điều kiện vệ sinh các trường học	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000	
IV	Khoa học và công nghệ	347.642.414.607	55.180.414.607	292.462.000.000	141.771.000.000	205.871.279.306	135.301	
83	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản phát triển vùng hoa Tây Tựu, Từ Liêm	2.769.331.306	2.769.331.306	0	0	2.769.331.306	0	
84	Tăng cường năng lực của viện KHCN và kinh tế xây dựng Hà Nội nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	
85	XD trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên Hà Nội	343.543.948.000	52.081.948.000	291.462.000.000	141.442.000.000	202.101.948.000	0	
86	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu dịch vụ chuyển giao công nghệ và giám định công nghệ	329.135.301	329.135.301	0	329.000.000	0	135.301	
V	Y tế, dân số và gia đình	731.889.117.389	162.397.439.442	569.491.677.947	544.834.747.829	179.404.462.110	7.649.907.450	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
87	Hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế các bệnh viện tại Hà Nội	173.763.360	173.763.360	0	173.763.360	0	0	
88	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hòa Nhai	34.500.000	34.500.000	0	0	34.500.000	0	
89	Nhà trung tâm Kỹ Thuật cao Và một số hạng mục công trình phụ trợ Bệnh viện đa khoa Hoài Đức	1.752.062.998	0	1.752.062.998	1.751.041.000	0	1.021.998	
90	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quốc Oai	1.295.279.086	984.000.000	311.279.086	308.779.087	0	986.499.999	
91	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất	1.984.109.751	0	1.984.109.751	1.975.709.100	0	8.400.651	
92	Nâng cấp trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	385.701.595	0	385.701.595	385.701.595	0	0	
93	Hợp phần Bệnh viện đa khoa Sơn Tây thuộc dự án phát triển bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II	3.536.000.000	3.536.000.000	0	3.532.846.617	0	3.153.383	
94	Cải tạo nâng cấp Bệnh viện đa khoa Đống Đa	600.000.000	600.000.000	0	600.000.000	0	0	
95	Xây dựng nhà chăm sóc sức khỏe sinh sản trung tâm y tế Hà Đông	309.263.217	0	309.263.217	309.263.217	0	0	
96	Xây dựng trạm y tế phường Hà Cầu	100.000.000	100.000.000	0	100.000.000	0	0	
97	Xây dựng trạm y tế phường Yên Nghĩa, Hà Đông	1.129.175.000	0	1.129.175.000	1.129.175.000	0	0	
98	Trạm y tế xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai	721.025.000	721.025.000	0	0	721.025.000	0	
99	Xây dựng trạm y tế xã Thanh Mai, Thanh Oai	323.000.000	323.000.000	0	323.000.000	0	0	
100	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh	92.522.838.000	2.522.838.000	90.000.000.000	50.770.702.000	41.752.136.000	0	
101	Xây dựng trạm y tế xã Tân Triều	35.386.000	35.386.000	0	35.386.000	0	0	
102	Xây dựng trạm y tế xã Đại Áng	40.614.000	40.614.000	0	40.614.000	0	0	
103	Xây dựng trạm y tế xã Đông Mỹ	35.386.000	35.386.000	0	35.386.000	0	0	
104	Xây dựng trạm y tế xã Liên Ninh	35.386.000	35.386.000	0	35.386.000	0	0	
105	Xây dựng trạm y tế xã Cấn Hữu, Quốc Oai	564.489.000	564.489.000	0	0	136.488.000	428.001.000	
106	Xây dựng phòng khám đa khoa xã Tân Lĩnh	16.757.428.200	4.757.428.200	12.000.000.000	16.757.428.200	0	0	
107	Xây dựng trạm y tế xã Xuân Canh	8.092.788.000	3.092.788.000	5.000.000.000	6.946.151.000	1.146.637.000	0	
108	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Đông Anh	2.660.418.140	2.660.418.140	0	2.065.400.140	0	595.018.000	
109	Bệnh viện huyện Gia Lâm	6.589.086.300	0	6.589.086.300	4.178.556.289	0	2.410.530.011	
110	Xây dựng trạm y tế xã Đặng Xá, Gia Lâm	572.230.000	572.230.000	0	0	0	572.230.000	
111	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Đồng Tiến, ứng Hòa	3.200.000.000	3.200.000.000	0	3.200.000.000	0	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
112	Xây dựng trạm y tế xã Kim Sơn	100.000.000	100.000.000	0	100.000.000	0	0	
113	Xây dựng trạm y tế xã Xuân Sơn	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
114	Xây dựng trạm y tế xã Đường Lâm, Sơn Tây	7.764.465.000	7.764.465.000	0	7.335.515.000	0	428.950.000	
115	Xây dựng trạm y tế phường Phố Huế	26.903.581	26.903.581	0	0	26.903.581	0	
116	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Hồng Kỳ	842.755.200	842.755.200	0	499.795.000	0	342.960.200	
117	Xây dựng Trung tâm y tế huyện Sóc Sơn	23.327.521.650	3.327.521.650	20.000.000.000	23.205.104.000	122.417.650	0	
118	Xây dựng trạm y tế phường Mỹ Đình 1	10.960.000	10.960.000	0	0	10.960.000	0	
119	Xây dựng trạm y tế phường Phú Đô	8.970.000	8.970.000	0	0	8.970.000	0	
120	Xây dựng và cải tạo Bệnh viện đa khoa Đức Giang	1.191.000.000	1.191.000.000	0	911.000.000	280.000.000	0	
121	Dự án Cải tạo bệnh viện Xanh Pôn và xây dựng Nhà điều trị Nội khoa	28.817.587.000	2.817.587.000	26.000.000.000	27.907.525.000	61.000.000	849.062.000	
122	Nâng cấp Bệnh viện huyện Đông Anh	88.578.501.000	14.578.501.000	74.000.000.000	83.641.739.000	4.936.726.000	36.000	
123	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn	20.260.974.400	260.974.400	20.000.000.000	18.277.563.000	1.983.411.400	0	
124	Dự án xây dựng nâng cấp Bệnh viện Thanh Nhân Giai đoạn II	216.854.948.200	62.854.948.200	154.000.000.000	169.990.567.000	46.864.381.200	0	
125	Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản - giai đoạn 2	124.612.039.503	39.612.039.503	85.000.000.000	94.815.557.503	29.796.482.000	0	
126	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II	45.670.808.000	670.808.000	45.000.000.000	4.270.035.000	41.400.773.000	0	
127	Xây mới bệnh viện Nhi Hà Nội	4.575.000.000	3.575.000.000	1.000.000.000	0	4.553.000.000	22.000.000	
128	Nâng cấp BV tâm thần Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	715.754.208	715.754.208	0	353.328.000	360.940.000	1.486.208	
129	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín	1.450.000.000	0	1.450.000.000	0	1.450.000.000	0	
130	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	81.000.000	0	81.000.000	80.442.000	0	558.000	
131	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm	7.500.000.000	0	7.500.000.000	5.649.344.000	1.850.656.000	0	
132	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm	7.500.000.000	0	7.500.000.000	7.316.752.000	183.248.000	0	
133	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm	7.500.000.000	0	7.500.000.000	5.826.192.721	1.673.807.279	0	
134	Cải thiện điều kiện vệ sinh các trạm y tế	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	
VI	Văn hoá thông tin	133.034.408.239	82.799.408.239	50.235.000.000	47.169.662.150	85.021.795.524	842.950.565	
135	Tu bổ tôn tạo nhà lưu niệm Bác Hồ	270.000.000	270.000.000	0	256.182.435	0	13.817.565	
136	Bảo tàng Hà Tây	37.672.000	37.672.000	0	0	37.672.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
137	Du an nang cap mo rong di tích nha Ho Chu tích o va lam viec thang 12/1946	19.865.977.187	8.865.977.187	11.000.000.000	10.750.187.102	9.115.790.085	0	
138	Bảo tồn, tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn	10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	
139	Tu bổ tôn tạo di tích đền Quan Thánh	736.377	736.377	0	736.377	0	0	
140	Khu bảo tồn KV 4 khu du lịch văn hóa Sóc Sơn	90.000.000	90.000.000	0	0	90.000.000	0	
141	Bảo tàng Hà Nội	65.894.644.675	63.594.644.675	2.300.000.000	268.761.236	65.625.883.439	0	
142	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đình, chùa Lê Mật, phường Việt Hưng	26.935.000.000	0	26.935.000.000	26.386.000.000	0	549.000.000	
143	Tu bổ tôn tạo cụm di tích đình Cả - chùa Diên Phúc, xã Văn Khê	70.000.000	70.000.000	0	0	70.000.000	0	
144	Di tích đình Vĩnh Ninh huyện Thanh Trì	82.450.000	82.450.000	0	0	82.450.000	0	
145	Đình Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì	3.185.000.000	3.185.000.000	0	3.185.000.000	0	0	
146	Tu bổ, tôn tạo 17 miếu, diếm và giếng cổ (thuộc Làng Đường Lâm - xã Đường Lâm)	4.651.401.000	4.651.401.000	0	4.651.401.000	0	0	
147	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Trăm gian, huyện Chương Mỹ	43.000.000	43.000.000	0	0	0	43.000.000	
148	Tu bổ di tích đình Cam Thịnh	1.426.527.000	1.426.527.000	0	1.189.394.000	0	237.133.000	
149	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa đình Văn Khê xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	482.000.000	482.000.000	0	482.000.000	0	0	
VI	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	218.164.000.000	164.000.000	218.000.000.000	213.322.688.320	4.841.311.680	0	
150	Chuyển đổi công nghệ số hóa sản xuất - phát sóng truyền hình Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội giai đoạn 2013-2015	218.164.000.000	164.000.000	218.000.000.000	213.322.688.320	4.841.311.680	0	
VIII	Thể dục thể thao	39.103.462.400	53.462.400	39.050.000.000	39.050.000.000	53.462.400	0	
151	Cung thi đấu diễn kinh trong nhà	39.050.000.000	0	39.050.000.000	39.050.000.000	0	0	
152	Khu thể thao khuyết tật-Trung tâm đào tạo vận động viên cấp cao Hà Nội	53.462.400	53.462.400	0	0	53.462.400	0	
IX	Bảo vệ môi trường	1.157.463.069.538	150.258.069.538	1.007.205.000.000	503.930.847.600	110.292.795.018	543.239.426.920	
153	Đầu tư Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh bơm thoát nước Thụy Khuê đoạn to dốc La Pho đến Cổng Đỗ	40.521.000	40.521.000	0	0	40.521.000	0	
154	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung tại Cụm công nghiệp Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	4.120.843.000	4.120.843.000	0	590.841.000	3.391.000.000	139.002.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
155	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Huyện Thanh Trì (đường bờ trái sông Tô Lịch trên địa bàn xã Thanh Liệt)	9.721.451.000	1.121.451.000	8.600.000.000	7.458.228.000	1.830.337.000	432.886.000	
156	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Tây Hồ (Mương Thụy Khuê trên địa bàn phường Thụy Khuê và phường Bưởi)	4.600.000.000	0	4.600.000.000	380.376.684	4.178.906.182	40.717.134	
157	Dự án đầu tư cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đò	145.506.664.442	5.506.664.442	140.000.000.000	121.016.159.628	24.349.040.765	141.464.049	
158	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Thanh Xuân (đường bờ phải sông Tô Lịch trên địa bàn các phường Khương Trung, Khương Đình, Thượng Đình, Nhân Chính, Hạ Đình v	8.533.398.000	233.398.000	8.300.000.000	122.170.151	8.357.443.849	53.784.000	
159	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Cầu Giấy (đường bờ phải sông Tô Lịch trên địa bàn các phường Yên Hòa, Nghĩa Đô)	3.701.212.266	901.212.266	2.800.000.000	1.459.869.900	2.241.342.366	0	
160	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm tiểu thủ công nghiệp Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội	2.465.977.000	2.465.977.000	0	0	2.465.977.000	0	
161	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1.091.147.000	1.091.147.000	0	1.091.147.000	0	0	
162	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Hai Bà Trưng (sông Sét trên địa bàn phường Đồng Tâm)	1.504.109.000	1.504.109.000	0	1.410.018.000	94.091.000	0	
163	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II. Phần GPMB: Quận Hoàng Mai (đường ven sông Sét trên địa bàn các phường Tân Mai, Thịnh Liệt, Tương Mai và Giáp Bát)	5.268.940.427	5.268.940.427	0	111.609.000	514.065.788	4.643.265.639	
164	Dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - dự án II	109.709.319.693	57.319.319.693	52.390.000.000	77.994.918.060	11.665.576.584	20.048.825.049	
165	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đông, huyện Hoài Đức	128.995.942.678	48.995.942.678	80.000.000.000	105.837.038.651	23.158.904.027	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
166	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức	31.000.000	31.000.000	0	0	31.000.000	0	
167	Xây dựng nhà máy XLNT tập trung Yên Xá Thanh Trì	732.172.544.032	21.657.544.032	710.515.000.000	186.458.471.526	27.974.589.457	517.739.483.049	
X	Các hoạt động kinh tế	17.079.669.782.836	3.650.779.856.758	13.428.889.926.078	8.911.335.821.001	7.034.007.953.873	1.134.326.007.962	
168	XD cầu Nhật Tân(Lap DAKT)-BQLDA ha tang Ta Ngan	880.000.000	880.000.000	0	0	880.000.000	0	
169	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội	33.000.000.000	0	33.000.000.000	20.323.387.620	12.676.612.380	0	
170	Xây dựng đường Nguyễn Phong Sắc (đoạn to đường 32 dOn đường Hoàng Quốc Việt)	2.132.599.998	2.132.599.998	0	687.000.000	1.445.599.998	0	
171	Đường Lạc Long Quân (từ ngã ba giao với đê Nhật Tân đến nút Bưởi)	409.557.000	0	409.557.000	409.557.000	0	0	
172	Đường Nguyễn Hồng-Nguyễn Chí Thanh	789.707.760	789.707.760	0	0	0	789.707.760	
173	Xây dựng mới cầu Triển trên đường 70, huyện Từ Liêm	117.000.000	117.000.000	0	0	117.000.000	0	
174	Cải tạo chỉnh trang dọc bo HTKT tuyến đường 430 (Đoan 1 tu Viên Bông đen Cầu Đen; Doan 2 tu Bưu điện Hà Đông đen Ngoc Trúc)	70.000.000	70.000.000	0	0	70.000.000	0	
175	Nâng cấp, mở rộng đoạn tuyến đường từ Khu CN Hapro đến hết địa phận Hà Nội	791.593.530	791.593.530	0	0	791.593.530	0	
176	Cải thiện vận tải hành khách công cộng tại Hà Nội	59.807.000	59.807.000	0	0	59.807.000	0	
177	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Hạ đình	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
178	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Văn Cú và đường Nguyễn Sơn	86.000.000	86.000.000	0	0	86.000.000	0	
179	Bến xe Sơn Tây	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
180	Đường 429B (cầu Lão - Ba Thá), đoạn km 0 - km 8+600	60.935.310	60.935.310	0	0	60.935.310	0	
181	Đường tỉnh lộ 426 (ĐT 78 cũ) đoạn Km0-Km7+900	2.090.081.153	2.090.081.153	0	0	2.090.081.153	0	
182	Xây dựng cầu Trắng	129.729.000	129.729.000	0	0	129.729.000	0	
183	Xây dựng Cầu Quảng Tái tại Km6+585 trên đường 428 (75 cũ)	16.385.000	16.385.000	0	0	16.385.000	0	
184	Tuyến đường cơ động của Trung đoàn 692/Sư đoàn bộ binh 301	2.257.903.000	0	2.257.903.000	2.257.903.000	0	0	
185	Trung tâm đăng kiểm	672.327.894	672.327.894	0	0	0	672.327.894	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
186	Xây dựng bãi phế thải xây dựng tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh (X15)	60.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000	0	
187	Thu gom và xử lý nước thải đô thị tại khu vực quận Hà Đông và thị xã Sơn Tây, Hà Nội	600.000.000	600.000.000	0	0	600.000.000	0	
188	Hệ thống chiếu sáng tuyến đường 35 trên địa bàn huyện Sóc Sơn	2.594.655.600	2.594.655.600	0	0	2.594.655.600	0	
189	Đầu tư xây dựng công trình Hệ thống tiêu Hiệp Thuận	1.073.493.000	1.073.493.000	0	30.000.000	1.043.493.000	0	
190	Cải tạo nâng cấp và củng cố hoá kênh mương xã Võng Xuyên - Phúc Thọ	3.221.543.000	0	3.221.543.000	3.221.543.000	0	0	
191	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm dã chiến Xuân Phú huyện Phúc Thọ	4.538.993.200	4.538.993.200	0	4.518.807.000	19.908.000	278.200	
192	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý tiêu chuẩn ĐLCL của Chi cục TCDDLC HN	1.562.492.647	0	1.562.492.647	1.562.492.647	0	0	
193	Đường vành đai ngoài khu Bắc Phú Cát	1.430.756.926	1.430.756.926	0	0	1.430.756.926	0	
194	Cổng và đường vào khu công nghiệp bắc Phú Cát	94.018.473	94.018.473	0	0	94.018.473	0	
195	Nhà tang lễ Cầu Giấy	7.878.891.397	150.261.215	7.728.630.182	7.742.670.182	0	136.221.215	
196	Các công trình giao thông nông thôn 7 xã nghèo huyện Sóc Sơn	1.300.000.000	1.300.000.000	0	1.299.831.000	0	169.000	
197	Hỗ trợ đầu tư hệ thống giao thông nông thôn 8 xã nghèo Sóc Sơn	504.291.860	18.337.000	485.954.860	412.407.504	18.337.000	73.547.356	
198	Đầu tư sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ rau an toàn tại huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	103.276.000	103.276.000	0	0	103.276.000	0	
199	Xây dựng vùng sản xuất an toàn tập trung tại xã Sen Chiểu, huyện Phúc Thọ	127.630.000	127.630.000	0	0	127.630.000	0	
200	Xây dựng trạm bơm Xóm Cát	6.349.025.700	6.349.025.700	0	6.349.000.000	0	25.700	
201	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Thường lệ 1	190.000.000	190.000.000	0	189.187.745	0	812.255	
202	Cấp nước sạch xã Cồ Đô, Phong Vân, huyện Ba Vì	7.500.000.000	0	7.500.000.000	0	0	7.500.000.000	
203	Cấp nước sạch xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	1.500.000.000	0	1.500.000.000	0	0	1.500.000.000	
204	Cấp nước sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thùy huyện Thanh Oai	35.000.000.000	0	35.000.000.000	13.500.000.000	0	21.500.000.000	
205	Cấp nước sạch liên xã Liên Phương, Văn Tảo, Hà Hồi, Hồng Vân, Thư Phú huyện Thường Tín	59.438.000.000	0	59.438.000.000	20.770.900.000	0	38.667.100.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
206	Cấp nước sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên huyện Chương Mỹ	42.000.000.000	0	42.000.000.000	12.900.000.000	0	29.100.000.000	
207	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi huyện Chương Mỹ	114.960.787.600	29.960.787.600	85.000.000.000	68.505.057.708	46.455.729.892	0	
208	Cải thiện hệ thống tưới tiêu khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (Xây dựng trạm bơm Yên Nghĩa)	732.355.769.361	372.355.769.361	360.000.000.000	293.624.400.662	438.731.368.699	0	
209	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	467.022.797.520	56.072.797.520	410.950.000.000	212.945.143.168	254.077.654.352	0	
210	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố Hà Nội	285.218.000.000	220.218.000.000	65.000.000.000	122.138.984.569	163.079.015.431	0	
211	GPMB khu đất 4245m2 tại khu liên cơ Vân Hồ	65.204.180	65.204.180	0	0	65.204.180	0	
212	GPMB ô đất ĐH1 xã Đại Mỗ, xã Tây Mỗ huyện Từ Liêm để chuẩn bị xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Viện Kiểm sát quân sự và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng chuyển khỏi khu vực Thành cổ Hà Nội	881.481.596	881.481.596	0	0	881.481.596	0	
213	Cải tạo tránh ách tắc khu vực chùa hương	1.144.774.000	1.144.774.000	0	0	1.144.774.000	0	
214	Đường bờ suối Yên	138.630.000	138.630.000	0	0	138.630.000	0	
215	Đường nối từ vườn quốc gia Ba Vì đến Ao Vua	3.577.690.000	3.577.690.000	0	0	3.577.690.000	0	
216	Cầu Hội Xá	51.943.000	51.943.000	0	0	51.943.000	0	
217	Quy hoạch phát triển tổng thể ngành văn hoá thể thao đến năm 2020	24.000.000	24.000.000	0	0	24.000.000	0	
218	Hạ tầng dịch vụ chùa Tây Phương	3.131.504.000	3.131.504.000	0	0	3.131.504.000	0	
219	XD khu liên cơ Trụ sở các Hội Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân và Chữ thập đỏ	15.000.000	15.000.000	0	0	15.000.000	0	
220	Thí điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại phố Hai Bà Trưng	44.000.000	44.000.000	0	0	44.000.000	0	
221	Thí điểm hạ ngầm hệ thống các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin tại khu vực xung quanh hồ Hoàn Kiếm (phố Đinh Tiên Hoàng - Lê Thái Tổ)	20.000.000	20.000.000	0	0	20.000.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
222	Dự án khai thác quỹ đất và xây dựng tuyến phố hai bên đường vành đai 1 (đoạn Kim liên - ô Chợ Dừa - Cầu giấy)	50.000.000	50.000.000	0	50.000.000	0	0	
223	Đầu tư XD hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan khu vực khảo cổ 18 Hoàng Diệu	2.706.749.087	0	2.706.749.087	0	0	2.706.749.087	
224	Xây dựng điểm thông quan TP	122.500.000	122.500.000	0	0	122.500.000	0	
225	Cải tạo khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn	21.923.081.191	9.923.081.191	12.000.000.000	9.960.848.886	8.400.767.000	3.561.465.305	
226	Dự án xây dựng Trung tâm Hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên thành phố Hà Nội	8.000.000.000	0	8.000.000.000	6.788.775.404	1.211.224.596	0	
227	Nhà Văn hóa Học sinh - Sinh viên Hà Nội	100.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000	0	
228	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tỉnh lộ 428A đoạn qua địa bàn xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên	599.564.000	0	599.564.000	599.564.000	0	0	
229	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng quốc lộ 21B đoạn từ UBND xã Hòa Phú đến Chợ Dầu, huyện ứng Hòa	1.506.139.000	0	1.506.139.000	1.506.139.000	0	0	
230	Xây dựng Tòa nhà văn phòng các Hội và Hiệp hội tại ô đất D27 Khu đô thị mới Cầu Giấy	81.022.000	81.022.000	0	0	81.022.000	0	
231	Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo.	96.017.413.000	1.317.413.000	94.700.000.000	33.839.625.484	3.221.540.706	58.956.246.810	
232	Tuyến đường sắt đô thị TPHN tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	911.228.000	38.228.000	873.000.000	464.274.800	445.588.000	1.365.200	
233	Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	4.267.028.148.529	187.094.148.529	4.079.934.000.000	1.654.414.283.636	2.025.989.201.870	586.624.663.023	
234	HTKT lập báo cáo nghiên cứu khả thi tuyến đường sắt đô thị Hà Nội đoạn Ga Hà Nội - Hoàng Mai	96.542.400	84.542.400	12.000.000	11.356.200	84.542.400	643.800	
235	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
236	Xây dựng đường Nguyễn Hoàng Tôn (đoạn toạ quận uỷ Tây Hồ đOn đường Phạm Văn Đồng)	153.500.000	153.500.000	0	0	153.500.000	0	
237	Tuyến phố Hàng Bài - Phố Huế - Bạch Mai (trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng)	6.175.317.000	0	6.175.317.000	5.957.577.000	0	217.740.000	
238	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn 2	119.000.000	119.000.000	0	0	119.000.000	0	
239	ĐA xây dựng hạ tầng GTĐT giai đoạn 1	308.629.845	308.629.845	0	0	308.629.845	0	
240	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Đông Nam đường Trần Duy Hưng	214.393.000	214.393.000	0	0	214.393.000	0	
241	Công viên Tuổi trẻ Thủ đô - XD hạ tầng kỹ thuật công viên	1.265.899.432	1.265.899.432	0	0	1.265.899.432	0	
242	XD HTKT ô đất 1.14 HH Láng Hạ Thanh Xuân để đấu giá QSD đất	320.000.000	320.000.000	0	0	320.000.000	0	
243	Xây dựng hạ tầng tuyến đường và hai bên đường Láng Hạ - Thanh Xuân	1.175.000.000	1.175.000.000	0	0	1.175.000.000	0	
244	Dự án đèn bù, chuẩn bị mặt bằng để xây dựng tuyến đường và các ô đất hai bên đường Láng Hạ - Thanh Xuân	350.000.000	350.000.000	0	55.600.000	294.400.000	0	
245	XDHTKT khu đất 2,5 ha (ô đất 4.1CC) ven đường Láng Hạ Thanh Xuân để đấu giá QSD đất	16.000.000	16.000.000	0	5.000.000	11.000.000	0	
246	XD Tuyến đường Lang Ha - Thanh Xuan kéo dài (đoạn từ Khuat Duy Tien đến đường 70, hết địa phận HN)	102.000.000	102.000.000	0	0	102.000.000	0	
247	Xây dựng HTKT khu vực bố trí trụ sở các Tổng công ty tại khu đô thị mới Cầu Giấy	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
248	Xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước Cổ Nhuế, Đồng Bông 1 và Đồng Bông 2 khu vực phía Tây Hà Nội	49.209.767.013	28.209.767.013	21.000.000.000	25.187.688.582	8.932.671.686	15.089.406.745	
249	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào 2 dự án thí điểm xây dựng nhà ở cho công nhân thuê tại xã Kim Chung huyện Đông Anh	22.945.750	22.945.750	0	0	22.945.750	0	
250	Bãi đỗ xe chuyên dụng của Công ty Môi trường đô thị	49.763.000	49.763.000	0	0	49.763.000	0	
251	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải công nghiệp để phát điện	43.135.594.586	43.135.594.586	0	5.699.101.616	212.035.100	37.224.457.870	
252	Đường Ngô Quyền (GD1)	1.736.297.000	1.736.297.000	0	0	1.736.297.000	0	
253	Đường Thanh Bình	216.497.000	216.497.000	0	0	216.497.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
254	Xây dựng các tuyến đường tiếp giáp các dự án liên quan khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông	20.892.902.910	13.792.902.910	7.100.000.000	14.965.079.007	5.927.823.903	0	
255	Dự án các nhà tạm cư cưỡng chế GPMB khu đô thị Mỗ Lao	53.197.000	0	53.197.000	0	0	53.197.000	
256	Đường tránh QL 32 đoạn qua thị trấn Tây Đằng	38.000.000.000	0	38.000.000.000	20.651.172.000	17.348.128.000	700.000	
257	Dự án xây dựng công trình đảm bảo giao thông vùng bãi xã Minh Châu, huyện Ba Vì	867.146.000	0	867.146.000	867.146.000	0	0	
258	ĐA cải tạo, nâng cấp hồ Tây Ninh xã Tòng bát huyện Ba Vì	141.141.000	0	141.141.000	141.141.000	0	0	
259	Dự án đầu tư xây dựng đường tỉnh 421 (ĐT 81 cũ) đoạn Thạch Thán đến Xuân Mai(Km5+196- KM17)	42.397.561.700	2.397.561.700	40.000.000.000	10.997.270.700	1.140.585.000	30.259.706.000	
260	Trạm bơm tiêu Đông Yên, xã Đông Yên	10.885.671.000	10.885.671.000	0	2.764.867.000	4.058.974.000	4.061.830.000	
261	Hồ chứa nước Đồng Bò, xã Đồng Xuân, huyện Quốc Oai	31.043.092.000	6.043.092.000	25.000.000.000	4.528.444.000	26.514.648.000	0	
262	Dự án đầu tư xây dựng đường trục chính Bắc - Nam, đô thị Quốc Oai	156.361.118.000	21.361.118.000	135.000.000.000	64.451.522.000	91.909.596.000	0	
263	Củng cố tuyến đê bồi hiện có kết hợp đường giao thông từ thôn Cổ Hiền, xã Tuyết Nghĩa đến trường PTTH Minh Khai, xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai	158.587.000	0	158.587.000	0	0	158.587.000	
264	Nâng cấp các tuyến bờ bao Sông Tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	1.700.000.000	0	1.700.000.000	1.697.000.000	0	3.000.000	
265	Đường tỉnh 419 đoạn qua thị trấn Liên quan, huyện Thạch Thất (K4+842- K5+587 và đoạn K6+874- K7+730)	56.181.930	56.181.930	0	0	56.181.930	0	
266	Cải tạo, nâng cấp đường 419 từ Km0+600 (ngã ba giao với quốc lộ 32) đến Km4+482	60.341.467.000	341.467.000	60.000.000.000	51.179.918.000	9.161.549.000	0	
267	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 (Km7+730 đến Km11+552), huyện Thạch Thất	4.556.968.060	4.556.968.060	0	634.688.000	662.890.060	3.259.390.000	
268	Đường Cẩm Yên - Đồng Chũm	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
269	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đầu giá QSD đất tại xí nghiệp 27/7 huyện Thạch Thất	38.897.000	0	38.897.000	38.897.000	0	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
270	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Săn (phần kênh và công trình trên kênh)	107.897.031.400	27.897.031.400	80.000.000.000	11.526.414.590	96.370.616.810	0	
271	Nâng cấp, cải tạo đề tài Tích lý trình từ K 6+00-K16+500 huyện Thạch Thất	685.298.000	685.298.000	0	684.989.000	0	309.000	
272	ĐA KCH kênh N5 và đường Địa Muối huyện Thanh Oai	1.236.909.000	0	1.236.909.000	1.236.909.000	0	0	
273	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ sở giết mổ giai súc, gia cầm tập trung tại xã Bình Minh, huyện Thanh Oai	4.893.600.000	4.893.600.000	0	840.000.000	0	4.053.600.000	
274	Xử lý cấp bách các đoạn sạt lở có nguy cơ vỡ bờ kênh Yên Cốc, huyện Thanh Oai	38.353.000	0	38.353.000	38.353.000	0	0	
275	Dự án tu sửa, kéo dài kè My Dương đề tài Đáy, huyện Thanh Oai	114.326.000	0	114.326.000	114.326.000	0	0	
276	Dự án tu sửa, kéo dài kè Xuyên Dương đề tài Đáy huyện Thanh Oai	18.486.000.000	4.486.000.000	14.000.000.000	13.917.027.000	4.568.973.000	0	
277	Dự án cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Nhuệ kết hợp giao thông huyện Thanh Oai	42.033.000.000	13.033.000.000	29.000.000.000	10.588.800.000	27.836.593.000	3.607.607.000	
278	Cải tạo, chỉnh trang đường nối từ Quốc lộ 21B (ngã ba Thạch Bích) đi huyện Chương Mỹ, huyện Thanh Oai	28.243.135.000	8.243.135.000	20.000.000.000	21.522.927.000	6.720.208.000	0	
279	Xây dựng tuyến đường nối to đường Nguyễn Văn Co qua đường Nguyễn Sơn tới đường Ngọc Thụy đi khu ĐTM Thạch Bàn Quận Long Biên	124.178.000.000	0	124.178.000.000	124.018.371.417	159.611.557	17.026	
280	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui-Cầu Đuống (phố Ngõ Gia Tự)	42.839.941.000	2.273.941.000	40.566.000.000	40.566.000.000	2.273.941.000	0	
281	XD tuyến đường từ Ngọc Thụy đi ĐTM Thạch Bàn (đoạn từ đề tài ngân sông Hồng đến nút giao với đường lên cầu Vĩnh Tuy)	268.598.000	268.598.000	0	32.658.166	235.939.834	0	
282	Cải tạo hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường Ngọc Lâm, Gia Thụy, Bồ Đề- quận Long Biên- Hà Nội	3.500.000.000	0	3.500.000.000	3.500.000.000	0	0	
283	Xây dựng tuyến đường từ Ngọc Thụy đi khu đô thị mới Thạch Bàn (đoạn từ đường Thạch Bàn đến khu Đô thị mới Thạch Bàn) quận Long Biên	228.057.000.000	0	228.057.000.000	228.057.000.000	0	0	
284	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 5 kéo dài đến cầu Đuống	116.975.616.160	460.616.160	116.515.000.000	116.515.000.000	460.616.160	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
285	Xây dựng tuyến đường nối từ quốc lộ 1 B vào khu đô thị mới Việt Hưng (bao gồm cả HTKT hai bên đường)	8.759.000.000	0	8.759.000.000	8.759.000.000	0	0	
286	Xây dựng đường trên tuyến đề tả Hồng, hữu Đuống đoạn từ cầu Chương Dương đến đường 5 kéo dài	88.357.896.917	1.896.917	88.356.000.000	88.357.896.917	0	0	
287	Xây dựng tuyến đường Thạch Bàn từ đề Sông Hồng đến đường Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên	68.400.457.077	39.333.115	68.361.123.962	68.112.657.254	219.141.569	68.658.254	
288	Cải tạo, chỉnh trang đồng bộ HTKT tuyến đường Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên	2.517.487.000	2.517.487.000	0	2.460.487.000	0	57.000.000	
289	XD HTKT khu đất phục vụ đấu giá QSD đất từ cầu chui đến cầu Đông trù (DA2)	98.000.000	98.000.000	0	0	98.000.000	0	
290	Chuẩn bị mặt bằng xây dựng cụm công trình phường Gia Thụy	2.188.349.600	2.188.349.600	0	590.573.875	1.597.775.725	0	
291	Xây dựng tuyến đường 25m từ đề sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Pháp Alexandre Yersin)	127.705.507.916	47.205.507.916	80.500.000.000	108.597.409.458	19.108.096.394	2.064	
292	Xây dựng tuyến đường gom từ Khu công nghiệp Phú Nghĩa A ra quốc lộ 6	2.000.000.100	2.000.000.100	0	100	0	2.000.000.000	
293	Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang tuyến đường quốc lộ 6, đoạn km 19+920 đến km 22+220, qua địa phận thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ	268.088.183.671	118.088.183.671	150.000.000.000	92.566.556.926	175.521.626.745	0	
294	XD tuyến đường từ khu TT Hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông (Giai đoạn 2)	1.190.000.000	0	1.190.000.000	286.000.000	904.000.000	0	
295	Xây dựng Đường Tráng Việt - Khu công nghiệp Quang Minh - Quốc lộ 2 - Huyện Mê Linh	106.132.000	106.132.000	0	0	106.132.000	0	
296	Đầu tư xây dựng Đường từ Khu Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đi thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	11.629.190.899	11.629.190.899	0	10.027.213.507	1.145.873.960	456.103.432	
297	Cải tạo nâng cấp Đường 35 Huyện Mê Linh (từ Đại Thịnh đến Quang Minh)	74.417.140.982	12.417.140.982	62.000.000.000	42.786.777.290	31.629.822.813	540.879	
298	Nạo vét kênh đâm Và xã Tiên Phong, huyện Mê Linh	29.000.000.000	0	29.000.000.000	19.428.507.000	9.571.493.000	0	
299	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An, huyện Thanh Trì	111.078.000	111.078.000	0	0	111.078.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
300	Cải tạo nâng cấp đường liên xã Vĩnh Quỳnh - Ngọc Hồi - Đại Áng	964.672.000	0	964.672.000	964.672.000	0	0	
301	Lấy nước sông Hồng qua kênh Hồng Vân phục vụ sản xuất và cải tạo môi trường huyện Thanh Trì	284.748.000	284.748.000	0	0	284.748.000	0	
302	Xây dựng đường nối Pháp Vân tới khu đầu giá Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì	58.175.546.000	175.546.000	58.000.000.000	49.433.579.000	868.322.000	7.873.645.000	
303	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc nương Hoà Bình	26.004.424.000	6.004.424.000	20.000.000.000	22.581.565.000	3.422.859.000	0	
304	Dự án GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất ĐDC phục vụ GPMB của dự án Phát triển giao thông đô thị Hà Nội và một số dự án khác trên địa bàn huyện Thanh Trì - HN	212.468.800	212.468.800	0	212.468.800	0	0	
305	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới tiêu Tân Phú - Đại Thành	7.243.190.000	7.243.190.000	0	6.183.752.000	0	1.059.438.000	
306	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu Ngọc Liệp - Nghĩa Hương - Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	22.700.000.000	0	22.700.000.000	19.951.475.000	2.748.525.000	0	
307	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421A và 421B đoạn qua địa phận huyện Quốc Oai (đoạn từ cầu vượt Sài Sơn đi chùa Thầy đến đường 421A giáp ranh huyện Phúc Thọ	124.622.627.000	14.622.627.000	110.000.000.000	14.510.635.000	102.811.992.000	7.300.000.000	
308	Xây dựng vùng sản xuất RAT xã Tây Đằng, huyện Ba Vì	3.938.260.000	3.938.260.000	0	0	0	3.938.260.000	
309	Cải tạo nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 411C (đoạn qua Đình Bảng - Yên Kỳ - Tông Bạt) huyện Ba Vì	37.097.381.000	97.381.000	37.000.000.000	11.629.724.800	25.467.656.200	0	
310	Nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 411, đoạn qua địa phận huyện Ba Vì	74.514.887.700	4.514.887.700	70.000.000.000	27.765.552.900	46.749.334.800	0	
311	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	27.982.190.314	27.982.190.314	0	12.658.690.810	33.444.233	15.290.055.271	
312	Xây dựng tuyến đường ngõ 124 Âu Cơ	28.082.803.400	28.082.803.400	0	12.624.867.100	0	15.457.936.300	
313	Hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tây	16.143.638.000	1.143.638.000	15.000.000.000	14.449.544.495	840.101.000	853.992.505	
314	HTKT khu đất 1 ha phía sau phủ Tây Hồ phục vụ đầu giá QSD đất	232.159.369	0	232.159.369	232.159.369	0	0	
315	Đường nối quốc lộ 1 A và 6 A	121.000.000	121.000.000	0	0	121.000.000	0	
316	QH tổng thể phát triển KTXH Quận Cầu Giấy đến năm 2020	20.000.000	20.000.000	0	0	20.000.000	0	
317	Xây dựng đường bảo tàng dân tộc học đến đường 32	302.684.000.000	0	302.684.000.000	302.046.003.320	637.996.680	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
318	Xây dựng đường Trần Đăng Ninh kéo dài, quận Cầu Giấy	340.000.000.000	0	340.000.000.000	193.618.475.545	146.381.524.455	0	
319	Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	211.468.478.391	211.468.478.391	0	123.076.342.769	17.661.490.209	70.730.645.413	
320	Xây dựng tuyến đường 2,5 (đoạn trên địa bàn Quận Cầu Giấy)	244.000.000	244.000.000	0	0	244.000.000	0	
321	Đường đê Bưởi - Ngọc Khánh - Nghĩa Đô	67.751.000	67.751.000	0	67.751.000	0	0	
322	Cải tạo, nâng cấp đường 179 đoạn từ dốc đê Văn Giang đến bến phà Văn Đức	14.660.000.000	5.660.000.000	9.000.000.000	9.051.665.136	5.608.334.864	0	
323	Đường Dốc Hội - Đại học NN I	32.205.929.000	2.205.929.000	30.000.000.000	25.955.494.000	6.250.435.000	0	
324	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phú Đồng	24.504.000.000	0	24.504.000.000	0	24.503.829.170	170.830	
325	XD tuyến đường Đông Dư - Dương xá	81.039.000.000	0	81.039.000.000	0	81.038.580.346	419.654	
326	Xây dựng trạm bơm Cửa Đình xã Văn Đức huyện Gia Lâm	847.860.000	0	847.860.000	796.868.000	0	50.992.000	
327	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy xã Phú Lưu Tế, huyện Mỹ Đức	204.012.061	204.012.061	0	0	204.012.061	0	
328	Kè chống sạt lở kết hợp làm đường giao thông bờ hữu sông Đáy từ hạ lưu cầu Tế Tiêu đến bệnh viện huyện Mỹ Đức	3.244.000.000	3.244.000.000	0	100.000.000	3.144.000.000	0	
329	Dự án nâng cấp, cải tạo chỉnh trang đồng bộ hạ tầng kỹ thuật tuyến đường tỉnh 424 đoạn từ ngã 5 Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa đến hết địa phận xã Phú Lưu tế, huyện Mỹ Đức	236.703.000	236.703.000	0	236.703.000	0	0	
330	Cải tạo, nâng cấp và cứng hóa bờ kênh kết hợp giao thông kênh tưới Đồi Trám, kênh tiêu N4B, huyện Mỹ Đức	21.000.000.000	0	21.000.000.000	21.000.000.000	0	0	
331	Xây dựng trạm bơm Cầu Đò - Chân Chim	40.616.551.000	14.616.551.000	26.000.000.000	39.786.281.000	519.270.000	311.000.000	
332	Đường Đục Khê Tiên Mai	686.311.000	686.311.000	0	0	686.311.000	0	
333	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ Km62+050 đến Km68+707 (từ Bệnh viện huyện đến xã Dốc Tín, Km1+685 đến Km8+342 theo lý trình cũ)	163.651.003.000	23.651.003.000	140.000.000.000	160.306.885.000	3.344.118.000	0	
334	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy khu vực sát đường 419 xã Hương Sơn huyện Mỹ Đức	100.000.000	100.000.000	0	100.000.000	0	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
335	Nâng cấp, cải tạo xây dựng tuyến đường tỉnh lộ 419, đoạn Km44+00 đến Km60+00 huyện Mỹ Đức	173.621.223.000	13.621.223.000	160.000.000.000	130.677.692.000	42.943.531.000	0	
336	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã: Trung Tú-Đồng Tân huyện ứng Hoà, TP Hà Nội	7.809.208.000	7.809.208.000	0	2.487.665.000	0	5.321.543.000	
337	Dự án nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình, huyện ứng Hòa	400.000.000	400.000.000	0	400.000.000	0	0	
338	Dự án KCH kênh N1 (kênh A trạm bơm Văn Đình) và cứng hóa kênh kết hợp phát triển giao thông nội đồng huyện ứng Hòa	40.981.263.000	9.981.263.000	31.000.000.000	29.801.553.000	11.179.710.000	0	
339	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Hồng Quang	6.940.483.000	6.940.483.000	0	0	0	6.940.483.000	
340	ĐA Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy xã Sơn Công huyện ứng hòa	15.000.000.000	0	15.000.000.000	13.508.166.000	1.491.834.000	0	
341	CT cải tạo lắp đặt HT chiếu sáng đường 429 qua khu tưởng niệm Hồ Chủ tịch, xã Nghiêm Xuyên; đường tỉnh lộ 427 qua địa phận Văn Phú-Hiền Giang	15.250.000.000	250.000.000	15.000.000.000	8.023.000.000	7.227.000.000	0	
342	Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tập trung xã Hà Hồi	10.492.802.000	10.492.802.000	0	8.509.264.000	1.983.538.000	0	
343	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nghiêm Xuyên	26.000.000.000	0	26.000.000.000	25.453.566.000	546.434.000	0	
344	Cứng hóa mặt đê kênh kết hợp làm đường giao thông đoạn kênh Từ Văn đến Kiều Thụy, huyện Thường Tín	31.500.000.000	4.500.000.000	27.000.000.000	20.645.313.000	10.854.687.000	0	
345	Dự án khu tái định cư vùng sạt lở Sông Hồng	437.866.000	437.866.000	0	0	437.866.000	0	
346	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến phố Tùng Thiện, Km 2+700,2 đến Km 4+700,2 Quốc lộ 21A, Thị xã Sơn Tây	29.825.503.712	14.825.503.712	15.000.000.000	21.197.876.402	8.627.627.310	0	
347	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vị (tỉnh lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây	631.836.454	631.836.454	0	136.538.000	495.298.454	0	
348	Xây dựng công trình kênh tiêu T0, huyện Đan Phượng	12.000.000.000	0	12.000.000.000	11.420.877.184	579.122.816	0	
349	Cải tạo, nâng cấp mặt đê Vân Cốc, huyện Đan Phượng	941.782.000	941.782.000	0	940.841.000	0	941.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
350	Củng cố cơ đê bao Liên Trung, huyện Đan Phượng	10.200.000.000	0	10.200.000.000	10.199.870.000	0	130.000	
351	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đoạn qua địa phận xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0	5.000.000.000	
352	Xây dựng tuyến đường VĐ3,5 (các đoạn Km1+700-Km2+50; Km2+550-Km3+340), huyện Hoài Đức	234.162.707.000	89.162.707.000	145.000.000.000	29.508.698.666	204.653.178.934	829.400	
353	Xây dựng đường Lại Yên - An Khánh (đoạn Cầu Khum - Cầu Địa Sáo)	11.051.623.600	11.051.623.600	0	4.007.719.000	7.043.904.600	0	
354	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 qua địa bàn huyện Phúc Thọ	3.091.681.707	91.681.707	3.000.000.000	3.086.651.007	5.030.700	0	
355	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê bồi ngăn lũ kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn xã Vân Phúc - Cẩm Đình huyện Phúc Thọ	13.000.000.000	0	13.000.000.000	13.000.000.000	0	0	
356	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường tỉnh lộ 421, đoạn qua địa phận huyện Phúc Thọ	60.000.000.000	0	60.000.000.000	58.220.616.000	1.779.384.000	0	
357	Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 (TL82 cũ), đoạn Km3-Km4+500 địa bàn huyện Phúc Thọ	18.000.000.000	0	18.000.000.000	0	18.000.000.000	0	
358	Dự án củng cố hóa mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Xuyên huyện Phú Xuyên	17.219.000	0	17.219.000	17.219.000	0	0	
359	Dự án củng cố hóa mặt bờ kênh làm đường giao thông nội đồng kênh tiêu trạm bơm Bái Đô huyện Phú Xuyên	157.445.000	0	157.445.000	157.145.000	0	300.000	
360	Xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn I)	53.389.928.100	53.389.928.100	0	25.655.407.000	10.000.000.000	17.734.521.100	
361	Kè chống sạt lở và củng cố hóa mặt đê sông Lương, huyện Phú Xuyên	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	
362	Đường Ngọc Khánh - Đê Bưởi - Nghĩa đồ	190.711.610	190.711.610	0	0	0	190.711.610	
363	Công viên Tuổi trẻ Thủ đô - Phần GPMB UBND quận HBT đảm nhận	69.182.000	69.182.000	0	0	69.182.000	0	
364	Mở rộng, nâng cấp đường Thanh Nhân (đoạn từ đường Bạch Mai đến Kim Ngưu)	1.431.795.445	1.431.795.445	0	233.702.000	0	1.198.093.445	
365	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Cầu Bãi, huyện Sóc Sơn	21.500.000.000	6.500.000.000	15.000.000.000	20.596.823.000	903.177.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
366	Nâng cấp trạm bơm Tân Phúc và một số tuyến kênh chính xã Hồng Kỳ	8.300.000.000	0	8.300.000.000	8.300.000.000	0	0	
367	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ Hàm Lợn, xã Nam Sơn	1.000.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	
368	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới thôn Xuân Bàng, thôn Liên Xuân, xã Nam Sơn	6.400.000.000	0	6.400.000.000	6.400.000.000	0	0	
369	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới thôn Đông Hạ, thôn Hoa Sơn, xã Nam Sơn	7.000.000.000	0	7.000.000.000	7.000.000.000	0	0	
370	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 - cụm công nghiệp tập trung	80.000.000.000	0	80.000.000.000	37.800.779.671	42.199.220.329	0	
371	Xây dựng tuyến đường chính hướng Đông tây thuộc cụm công nghiệp vừa và nhỏ huyện Sóc Sơn	14.889.505.560	14.889.505.560	0	14.177.552.560	0	711.953.000	
372	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	3.036.085.680	3.036.085.680	0	0	3.036.085.680	0	
373	Xây dựng công trình quản lý và phòng cháy chữa cháy rừng huyện Sóc Sơn	24.000.000.000	0	24.000.000.000	20.823.403.480	465.000.000	2.711.596.520	
374	Xây dựng tuyến đường từ sông Gạo đến đê sông Hồng	208.574.000	208.574.000	0	0	208.574.000	0	
375	Xây dựng tuyến đường từ hồ Đền Lũ đến đường Tây Kim Ngưu	100.000.000	100.000.000	0	0	100.000.000	0	
376	Xây dựng hạ tầng khu đầu giá Đền Lũ III	10.000.000	10.000.000	0	0	10.000.000	0	
377	Xây dựng tuyến đường nối tiếp từ khu Đền Lũ II đến đường Trương Định - Giáp Bát	2.571.751.559	2.571.751.559	0	6.685.000	1.200.001.000	1.365.065.559	
378	Tuyến đường 1/2 cầu Đền Lũ và đoạn đường phía Bắc khu CN Vinh Tuy	55.107.085.100	5.107.085.100	50.000.000.000	10.412.757.500	44.694.327.600	0	
379	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh	24.640.000	24.640.000	0	0	24.640.000	0	
380	Mở rộng nâng cấp đường Linh Nam	29.545.000	29.545.000	0	0	29.545.000	0	
381	Bồi thường hỗ trợ tái định cư phục vụ GPMB tạo quỹ đất sạch khu đất tại phường Yên Sở quận Hoàng Mai để thực hiện dự án XD HTKT khu đất đầu giá QSD đất xây dựng nhà ở	245.237.253	245.237.253	0	0	245.237.253	0	
382	GPMB và san nền sơ bộ khu đất 49,1 ha tại Khu đô thị mới Xuân Phương, huyện Từ Liêm để đầu giá QSD đất (DA 1)	5.078.781.000	5.078.781.000	0	0	5.078.781.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
383	Xây dựng HTKT khu đất để đầu tư quyền sử dụng đất trong Khu đô thị mới Xuân Phương	12.629.000	12.629.000	0	0	12.629.000	0	
384	Khu xử lý rác thải tại xã Tân Tiến huyện Chương Mỹ, Hà Nội	1.628.787.000	1.628.787.000	0	0	1.628.787.000	0	
385	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Lê Văn Lương - đường Láng để hạn chế ùn tắc giao thông	6.720.000	6.720.000	0	6.720.000	0	0	
386	Xây dựng đường vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng	599.145.600	599.145.600	0	0	599.145.600	0	
387	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới hồ Tân Xã huyện Thạch Thất kết hợp làm đường giao thông nông thôn	105.520.000	105.520.000	0	105.520.000	0	0	
388	Tiếp nhận và chỉnh trang mặt bằng do Bộ quốc phòng và 02 hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao(thuộc Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long)	61.280.000.000	280.000.000	61.000.000.000	175.719.825	61.104.280.175	0	
389	Dự án bảo tồn Nhà gác tác chiến và tổng bước cải tạo, hoàn trả không gian Điện Kính Thiên	14.000.000.000	0	14.000.000.000	0	14.000.000.000	0	
390	Bảo tồn tường hành cung phía tây khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội	891.000.000	891.000.000	0	890.278.000	0	722.000	
391	Cải tạo, công hóa mương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)	82.000.000	82.000.000	0	0	82.000.000	0	
392	Dự án Nhà khách UBND Thành phố 13-15 Lương Ngọc Quyến	4.502.121.412	502.121.412	4.000.000.000	1.661.506.074	2.840.615.338	0	
393	Xây dựng tuyến đường số 1 vào Trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	13.410.000.000	3.410.000.000	10.000.000.000	7.310.057.100	6.040.000.000	59.942.900	
394	Dự án đầu tư xây dựng tuyến phố Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ phố Tô Hiến Thành đến phố Đại Cồ Việt)	120.052.491.094	35.052.491.094	85.000.000.000	92.763.137.372	13.288.843.205	14.000.510.517	
395	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng tuyến đường 6Km đoạn từ Quốc lộ 3 đến đường Võ Văn Kiệt, huyện Đông Anh	881.342.000	0	881.342.000	881.342.000	0	0	
396	Xây dựng tuyến đường số 3 vào Trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	10.607.862.000	607.862.000	10.000.000.000	2.394.567.000	8.211.500.000	1.795.000	
397	Xây dựng công trình biểu tượng Cột cờ Hà Nội tại tỉnh Cà Mau	69.224.841.000	29.224.841.000	40.000.000.000	9.581.000.000	59.643.841.000	0	
398	Dự án đầu tư xây dựng Cải tạo các phòng họp, phòng làm việc, nhà ăn tại trụ sở UBND thành phố Hà Nội	77.000.000.000	0	77.000.000.000	67.925.234.000	9.074.766.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
399	Đường vành đai 2, đoạn Ngã Tư Sở - Ngã Tư Vọng	1.080.577.975.047	230.577.975.047	850.000.000.000	663.339.354.878	417.238.620.169	0	
400	Xây dựng đường vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục	860.575.840	591.575.840	269.000.000	268.501.600	591.575.840	498.400	
401	Trung tâm tích hợp dữ liệu - giai đoạn 2	60.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000	0	
402	Lát mái kè bờ hữu sông Đuống phường Ngọc Thụy và bờ tả sông Hồng tổ 27 phường Ngọc Lâm quận Long Biên	90.000.000	90.000.000	0	0	90.000.000	0	
403	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn huyện Quốc Oai	500.000.000	500.000.000	0	500.000.000	0	0	
404	Nâng cấp và xây dựng mô hình hiện đại hóa hệ thống tưới Hạ Dục huyện Chương Mỹ	50.000.000.000	0	50.000.000.000	33.612.239.000	16.387.761.000	0	
405	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T5, huyện Hoài Đức	92.000.000	92.000.000	0	91.382.000	0	618.000	
406	Nạo vét sông Giảng huyện Gia Lâm	864.654.000	864.654.000	0	842.639.000	0	22.015.000	
407	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực Đan Thê - Tông Bạt	5.055.798.000	5.055.798.000	0	4.220.065.000	835.298.000	435.000	
408	Nâng cấp tuyến đê hữu Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội (đoạn từ K2+030 đến K8+800 đê Vân Cốc, huyện Phúc Thọ, huyện Đan Phượng)	55.778.669.000	40.778.669.000	15.000.000.000	45.138.513.000	10.640.111.400	44.600	
409	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Đà, hữu Hồng huyện ba Vì	113.413.204.700	33.413.204.700	80.000.000.000	57.623.803.600	51.157.595.700	4.631.805.400	
410	Cải tạo, nâng cấp mặt đê tả Hồng đoạn từ K53+600 đến K60+850, huyện Đông Anh	20.481.705.000	6.951.705.000	13.530.000.000	20.239.706.000	241.999.000	0	
411	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1 huyện Đan Phượng	2.389.677.325	2.389.677.325	0	225.359.692	2.164.317.633	0	
412	Trạm bơm Thạch Nham	4.941.395.000	941.395.000	4.000.000.000	4.940.136.000	0	1.259.000	
413	Di chuyển, nâng cấp trạm bơm Đan Hoài	2.013.472.000	2.013.472.000	0	2.012.579.000	0	893.000	
414	Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Săn (phần đầu mối)	23.114.104.000	23.114.104.000	0	22.355.550.500	118.918.000	639.635.500	
415	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Xém	3.617.640.000	3.617.640.000	0	3.576.000.000	0	41.640.000	
416	Xử lý sạt lở Kè Vàng xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	2.582.805.000	2.582.805.000	0	2.582.000.000	0	805.000	
417	Nâng cấp kênh N2 hồ Đại Lải (đoạn tuyến trên địa bàn huyện Sóc Sơn)	18.756.176.000	4.756.176.000	14.000.000.000	18.756.176.000	0	0	
418	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm	20.980.000.000	200.000.000	20.780.000.000	17.041.418.000	3.903.582.000	35.000.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
419	Kiên cố hoá kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê	36.824.712.000	1.824.712.000	35.000.000.000	20.440.931.000	16.383.781.000	0	
420	Cải tạo nâng cấp công trình đầu mối và kiên cố hoá hệ thống trạm bơm Hồng Vân	43.000.000.000	0	43.000.000.000	14.800.000.000	28.200.000.000	0	
421	Xây dựng trạm bơm Thụy Phú huyện Phú Xuyên thành phố Hà Nội	65.794.839.000	25.794.839.000	40.000.000.000	34.568.363.000	31.226.476.000	0	
422	Dự án xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm tiêu Vĩnh Phúc xã Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	34.896.771.000	14.876.771.000	20.020.000.000	33.152.063.000	687.651.000	1.057.057.000	
423	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	273.000.000	273.000.000	0	273.000.000	0	0	
424	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	553.000.000	553.000.000	0	0	553.000.000	0	
425	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Đà khu vực xã Minh Quang huyện Ba Vì	873.000.000	0	873.000.000	372.106.000	500.894.000	0	
426	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng khu vực cuối kè An Cảnh, huyện Thường Tín	333.000.000	0	333.000.000	332.523.000	0	477.000	
427	Gia cố kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng thuộc địa bàn xã Chu Minh, huyện Ba Vì	219.000.000	0	219.000.000	218.672.000	0	328.000	
428	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì	18.453.000	18.453.000	0	0	18.453.000	0	
429	Nạo vét kênh tiêu Kiên Thành	3.738.713.000	0	3.738.713.000	3.738.713.000	0	0	
430	Kiên cố hóa kênh tiêu chính Thập Cửu - trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ	2.050.000.000	2.050.000.000	0	2.050.000.000	0	0	
431	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Lạc Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lạc Thượng 1 và 2	990.000.000	990.000.000	0	585.998.000	404.002.000	0	
432	Xử lý sạt lở bờ hữu sông Tô Lịch xã Khánh Hà huyện Thường Tín TP Hà Nội	660.000.000	0	660.000.000	659.556.000	0	444.000	
433	Xây dựng đường hành lang thượng lưu đê Hữu hồng kết hợp làm đường giao thông để di chuyển đường ra vào cảng Sơn Tây, thị xã Sơn Tây	467.000.000	0	467.000.000	466.495.000	0	505.000	
434	Xử lý tổng thể khu vực sạt lở khu vực kè Thanh Am và hai đầu cầu Đuống (giai đoạn I)	13.354.936.000	13.354.936.000	0	12.659.339.500	0	695.596.500	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
435	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống, huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	940.000.000	0	940.000.000	939.481.000	0	519.000	
436	Xử lý sự cố hư hỏng kè Thanh Diềm Mê Linh	193.640.000	0	193.640.000	193.640.000	0	0	
437	Trạm bơm tiêu Thân	28.100.000	0	28.100.000	28.100.000	0	0	
438	Củng hóa mặt đê kết hợp giao thông tuyến tả, hữu sông Cà Lồ	244.706.160	244.706.160	0	0	244.706.160	0	
439	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai	990.000.000	990.000.000	0	571.048.000	418.952.000	0	
440	Đường nối khu du lịch thắng cảnh Hương Sơn (Hà Nội) đến khu du lịch Tam Chúc - Khả Phong (Hà Nam)	144.000.000	144.000.000	0	0	88.187.000	55.813.000	
441	Dự án cải tạo đường từ chợ Sa (Cổ Loa) đi chợ Tó huyện Đông Anh	8.217.684.726	21.000.000	8.196.684.726	6.575.045.348	0	1.642.639.378	
442	Dự án Phát triển hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì	10.815.000.000	62.000.000	10.753.000.000	10.742.750.000	62.000.000	10.250.000	
443	Dự án XD đường VĐ1, đoạn Ô Chợ Dừa - Hoàng Cầu	380.457.000	380.457.000	0	380.457.000	0	0	
444	Xây dựng đoạn đường từ Khu tái định cư Nam Trung Yên đến đường Phạm Hùng (sát tường rào phía Bắc Bộ Tư lệnh Thủ đô)	141.033.000	141.033.000	0	141.033.000	0	0	
445	Dự án XD cải tạo nút giao thông Ô Chợ Dừa	33.900.000	33.900.000	0	0	33.900.000	0	
446	Sửa chữa, chống xuống cấp Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	500.000.000	0	500.000.000	0	0	500.000.000	
447	Đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại Khu LHXL chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	94.809.000	94.809.000	0	0	94.000.000	809.000	
448	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ	500.000.000	0	500.000.000	33.684.000	0	466.316.000	
449	Khu LHXLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội	246.589.568.522	76.589.568.522	170.000.000.000	14.878.837.000	231.710.731.000	522	
450	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật hồ Linh Quang	87.603.643.000	7.603.643.000	80.000.000.000	24.209.403.424	60.128.675.466	3.265.564.110	
451	Cải tạo thoát nước phố Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên	6.845.180.000	1.845.180.000	5.000.000.000	5.180.680.000	1.664.500.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
452	Cải tạo thoát nước phố Đội Cấn (từ Giang Văn Minh đến ngã ba Liễu Giai - Đội Cấn)	500.000.000	0	500.000.000	168.000.000	0	332.000.000	
453	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu Công viên hồ Ba Mẫu	20.400.000	20.400.000	0	0	20.400.000	0	
454	Xây dựng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Kim Liên	5.185.000.000	5.185.000.000	0	0	5.185.000.000	0	
455	Nâng cấp, cải tạo đường, hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào Khu xử lý chất thải Xuân Sơn	968.000.000	0	968.000.000	823.010.450	0	144.989.550	
456	Trang bị máy móc, thiết bị quan trắc, phân tích cho Trung tâm quan trắc và phân tích tài nguyên môi trường Hà Nội	1.181.732.682	0	1.181.732.682	1.181.722.682	0	10.000	
457	Cống hóa kênh Lạc Trung đoạn từ dốc Minh Khai đến sông Kim Ngưu	339.000.000	0	339.000.000	329.000.000	0	10.000.000	
458	Dự án cải tạo nâng cấp QL1A đoạn văn Điển-Ngọc hồi (Km185-Km 189) huyện Thanh trì, TP Hà Nội	131.549.187.000	6.549.187.000	125.000.000.000	31.282.272.931	100.266.913.676	393	
459	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây	95.841.352.407	34.841.352.407	61.000.000.000	22.066.803.712	73.774.548.695	0	
460	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng (đoạn La Thành - Thái Hà - Láng)	7.243.009.417	7.243.009.417	0	0	6.746.864.417	496.145.000	
461	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào Khu công nghiệp HAPRO	113.652.938.661	4.652.938.661	109.000.000.000	44.843.067.164	68.393.441.077	416.430.420	
462	Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 23B - Giai đoạn I (Hà Nội - nghĩa trang Thanh Tước)	2.728.877.028	2.228.877.028	500.000.000	149.911.500	2.578.965.528	0	
463	Xây dựng cầu Đàm Mơ	35.393.853.000	8.393.853.000	27.000.000.000	23.717.771.039	5.485.908.961	6.190.173.000	
464	Xây dựng cầu Bầu tại Km 13+550 trên đường tỉnh 429 (73 cũ)	394.691.000	394.691.000	0	0	394.691.000	0	
465	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh	1.700.000.000	150.000.000	1.550.000.000	150.000.000	1.550.000.000	0	
466	Xây dựng tuyến đường to trường Đại học Mỏ Địa chất vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long	65.207.878.800	207.878.800	65.000.000.000	1.374.948.812	63.832.929.988	0	
467	Dự án đầu tư xây dựng cầu Mỹ Hòa (cầu Bớt Xuyên) vượt sông Đáy - qua địa bàn huyện Mỹ Đức, huyện ứng Hòa	83.811.205.000	23.811.205.000	60.000.000.000	79.270.502.000	4.540.703.000	0	
468	Cải tạo nút giao thông Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	27.093.000.000	93.000.000	27.000.000.000	139.132.000	26.953.868.000	0	
469	Xây dựng cầu Mọc	18.868.864.000	7.268.864.000	11.600.000.000	18.631.835.600	0	237.028.400	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
470	Xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường hai bên cầu	7.143.040.752	4.959.200.108	2.183.840.644	2.731.238.000	4.110.633.108	301.169.644	
471	Xây dựng cầu vượt tại nút giao Ô Đông Mác- Nguyễn Khoái (giao giữa đường vành đai I với đường Lò Đúc, đường Kim Ngưu)	14.543.115.000	11.927.115.000	2.616.000.000	14.543.081.000	0	34.000	
472	Phát triển GTĐT Hà Nội	490.488.827.051	36.351.827.051	454.137.000.000	424.116.559.333	40.436.648.813	25.935.618.905	
473	Xây dựng cầu Bim 1 tại Km21+700 trên đường tỉnh 428 (75 cũ)	121.669.700	0	121.669.700	121.669.700	0	0	
474	Đường gom nối đường Đài Tư - Sài Đồng A ra quốc lộ 5	19.365.440.000	10.065.440.000	9.300.000.000	0	19.300.000.000	65.440.000	
475	Dự án xây dựng cầu vượt tại nút giao Cổ Linh và đường Cầu Vĩnh Tuy	56.821.623.000	31.647.623.000	25.174.000.000	56.696.879.000	124.744.000	0	
476	Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	31.950.000.000	1.700.000.000	30.250.000.000	1.867.000.000	67.000.000	30.016.000.000	
477	XD công trình đường trục phát triển Thị xã Sơn Tây lý trình km13+740,6 đến km14+704	33.274.466.000	1.274.466.000	32.000.000.000	11.795.664.900	21.478.801.100	0	
478	Xây dựng cầu vượt tại nút giao thông đường Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Sơn để hạn chế ùn tắc giao thông	150.000.000	150.000.000	0	64.000.000	86.000.000	0	
479	XD đường Quang Trung kéo dài từ ngã 3 Ba La đến hết bến xe Yên Nghĩa (Hà Đông)	229.841.000	229.841.000	0	0	229.841.000	0	
480	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Xuân Đình	50.000.000	50.000.000	0	0	50.000.000	0	
481	Xây dựng tuyến phố Đội Nhân quận Ba Đình	23.041.500	23.041.500	0	0	23.041.500	0	
482	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc)	14.669.012.200	2.169.012.200	12.500.000.000	0	14.669.012.200	0	
483	Hạ ngầm các tuyến cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyến đường Tôn Đức Thắng	3.219.588.920	259.237.500	2.960.351.420	2.960.351.420	103.293.500	155.944.000	
484	Đầu tư mở rộng đường Vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	514.803.000.000	195.073.000.000	319.730.000.000	154.759.682.674	360.043.317.326	0	
485	Xây dựng cầu, đường giao thông từ Khu đô thị Mỗ Lao nối với đường Lê Văn Lương kéo dài	1.607.270.000	0	1.607.270.000	1.582.943.000	0	24.327.000	
486	Đường vành đai 1 (đoạn Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái)	41.252.160.111	20.252.160.111	21.000.000.000	32.194.848.271	8.470.701.130	586.610.710	
487	Xây dựng cầu Ngọc Động, xã Đa Tốn huyện Gia Lâm (trên đường Kiều Kỵ)	2.997.585.000	2.997.585.000	0	2.997.000.000	0	585.000	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
488	Cầu Đào xuyên, xã Đa Tốn	71.000.000	71.000.000	0	70.750.000	0	250.000	
489	XD cầu 361 qua sông Tô Lịch	12.487.542.000	5.487.542.000	7.000.000.000	10.627.922.000	0	1.859.620.000	
490	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ (tuyến phía Tây đường sắt); huyện Phú Xuyên, HN	20.675.786.000	18.675.786.000	2.000.000.000	2.416.265.000	17.400.908.000	858.613.000	
491	Cổng hoá và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây	76.414.064.000	14.964.064.000	61.450.000.000	21.725.400.444	54.688.663.556	0	
492	Cầu Hòa Viên	3.500.000.000	0	3.500.000.000	3.493.033.000	0	6.967.000	
493	Cầu Ba Thá Km24+010 ĐT429 (ĐT73)	8.448.079.000	2.448.079.000	6.000.000.000	8.417.332.000	0	30.747.000	
494	Đường 5 kéo dài (Cầu Chui - Đồng Trù - Phương Trạch - Bắc Thăng Long)	10.708.762.000	6.108.762.000	4.600.000.000	2.181.254.800	8.287.626.245	239.880.955	
495	Cầu Phùng Xá	42.638.000	42.638.000	0	0	37.778.200	4.859.800	
496	Cầu Ngọc Hồi	180.970.000	180.970.000	0	180.970.000	0	0	
497	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh 414 (ĐT 87A cũ), từ Sơn Tây đến khu di tích K9 Km 0-km20	131.123.000	131.123.000	0	0	131.123.000	0	
498	Cầu Văn Phương Chương Mỹ	58.493.000	58.493.000	0	52.553.000	485.000	5.455.000	
499	Đường 446 (từ Km 0+00 đến Km 15+300)	142.643.400	142.643.400	0	0	142.643.400	0	
500	Xây dựng cầu Am	2.354.218.241	0	2.354.218.241	2.347.175.241	0	7.043.000	
501	Cầu Rồng trên đường 412B (91 cũ)	707.976.000	0	707.976.000	704.707.000	0	3.269.000	
502	Xây dựng cầu Thuận Lương	776.282.000	0	776.282.000	776.282.000	0	0	
503	Xây dựng tuyến đường nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến Quốc lộ 21, huyện Thạch Thất	958.239.000	958.239.000	0	0	958.239.000	0	
504	Cầu Chi Phú tại Km21+322 đường tỉnh lộ 423, huyện Ba Vì	172.924.000	0	172.924.000	172.924.000	0	0	
505	Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Láng Hạ - Thái Hà để hạn chế ùn tắc giao thông	2.233.634.258	0	2.233.634.258	2.233.634.258	0	0	
506	Cải tạo nâng cấp trung tâm điều khiển đèn tín hiệu giao thông và thiết bị ngoại vi giai đoạn 2008-2010 (giai đoạn I)	4.417.909.964	4.417.909.964	0	2.619.378.215	543.093.501	1.255.438.248	
507	Xây dựng nút cầu vượt tại nút giao đường Nam Hồng trên tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài để hạn chế ùn tắc giao thông	230.000.000	230.000.000	0	0	230.000.000	0	
508	Xây dựng hoàn thiện nút giao theo quy hoạch và cầu vượt tại nút giao đường chùa Bộc - Thái Hà để hạn chế ùn tắc giao thông	1.660.837.000	60.000.000	1.600.837.000	1.660.837.000	0	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
509	Hoàn thiện tuyến đường nối từ nút giao hầm Kim Liên đến tuyến đường Kim Liên mới	6.250.000	6.250.000	0	6.250.000	0	0	
510	Cải tạo, nâng cấp đoạn còn lại của tuyến đường 23B trên địa bàn huyện Mê Linh (từ nghĩa trang Thanh Trước đến hết địa phận huyện Mê Linh)	903.000.000	903.000.000	0	903.000.000	0	0	
511	Xây dựng tuyến đường Lê Trọng Tấn, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng kéo dài đến sông Lừ	29.352.028.000	29.352.028.000	0	28.509.513.500	842.514.500	0	
512	Xây dựng đường Trần Phú - Kim Mã	7.123.315.740	7.123.315.740	0	702.843.960	6.420.471.780	0	
513	Cải tạo, nâng cấp đường 16, huyện Sóc Sơn	238.300.027	238.300.027	0	0	238.300.027	0	
514	Đường Cát Linh - La Thành	39.000.000	39.000.000	0	39.000.000	0	0	
515	Nâng cấp quốc lộ 32 (đoạn Nam Thăng Long - cầu Diễn)	35.000.000	35.000.000	0	0	0	35.000.000	
516	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai bên đầu cầu giai đoạn I	4.170.500.000	4.170.500.000	0	92.000.000	4.078.500.000	0	
517	XD hoàn thiện nút GT Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến công trường Đại học Công đoàn	56.000.000	0	56.000.000	9.000.000	46.512.000	488.000	
518	Cầu cống Đồng quan I, II	370.348.000	370.348.000	0	0	370.348.000	0	
519	Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức	275.000.000	275.000.000	0	100.000.000	175.000.000	0	
520	Xây dựng đường gom Bắc Thăng Long - Nội Bài đoạn qua KCN Quang Minh I	33.105.103.292	23.605.103.292	9.500.000.000	11.662.142.961	21.442.960.331	0	
521	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 35 đoạn giữa tuyến từ Km4+469,12 đến Km12+733,55	2.566.100.000	566.100.000	2.000.000.000	1.132.100.000	1.187.100.000	246.900.000	
522	Mở rộng, nâng cấp đường 35 Sóc Sơn	20.623.667.373	3.623.667.373	17.000.000.000	7.274.194.840	6.452.122.026	6.897.350.507	
523	Dự án xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đư30/09/2017 ở Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông	90.000.000.000	0	90.000.000.000	3.574.853.000	86.425.147.000	0	
524	Xây dựng cầu Phú Tiên	5.000.000.000	0	5.000.000.000	800.441.000	4.199.559.000	0	
525	Xây dựng cầu Hạ Dục	5.000.000.000	0	5.000.000.000	57.379.000	4.942.621.000	0	
526	Cầu Hồng Phú	5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	
527	Xây dựng Cầu Gồm	5.000.000.000	0	5.000.000.000	42.577.000	4.957.423.000	0	
528	Cầu Suối Hai I trên đường 413 cũ (88 cũ)	2.000.000.000	0	2.000.000.000	35.421.000	1.964.579.000	0	
529	Xây dựng cầu Phú Thử tại Km6+680 trên đường 420 (84 cũ)	8.000.000.000	0	8.000.000.000	2.987.292.000	5.012.708.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
530	XD khu tái định cư CT1 và CT5	52.714.873.900	588.873.900	52.126.000.000	48.984.493.979	124.083.900	3.606.296.021	
531	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm	5.150.000.000	0	5.150.000.000	1.182.507.000	3.967.493.000	0	
532	Cải tạo, mở rộng đường Nguyễn Khoái (đoạn từ nút giao Lương Yên đến nút giao với đường Vành đai 1)	352.000.000	0	352.000.000	318.427.000	33.300.000	273.000	
533	Dự án xây dựng đoạn tuyến đường từ Nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)	203.410.000	203.410.000	0	0	203.410.000	0	
534	Hạ ngầm các tuyen cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyen đường Nguyễn Lương Bằng - Tây Sơn	1.964.641.300	0	1.964.641.300	1.910.700.300	0	53.941.000	
535	Hạ ngầm các tuyen cáp và đường dây điện, thông tin hiện đang đi nổi trên tuyen đường Trần Phú, quận Hà Đông	156.600.000	156.600.000	0	156.600.000	0	0	
536	Xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối Quốc lộ 1A với đường Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội	8.942.321.000	8.942.321.000	0	0	8.942.321.000	0	
537	Cầu Hoàng Thanh	106.770.000	106.770.000	0	0	106.770.000	0	
538	Tăng cường năng lực quản lý GTDT thành phố Hà Nội	47.000.000	47.000.000	0	0	47.000.000	0	
539	Xây dựng tuyến đường gom phía Nam khu công nghiệp Phú Nghĩa ra Quốc lộ 6 (đoạn qua điểm công nghiệp Tiên Phương và điểm công nghiệp Phú Nghĩa cũ)	144.000.000	0	144.000.000	70.450.000	72.939.000	611.000	
540	Xây dựng tuyến đường Ngô Thị Nhậm - Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng	141.000.000	0	141.000.000	33.000.000	99.315.000	8.685.000	
541	Xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt – đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch (vành đai 2,5)	724.000.000	0	724.000.000	707.716.000	15.234.000	1.050.000	
542	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín	209.000.000	0	209.000.000	58.955.000	149.934.300	110.700	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
543	Xây dựng tuyến đường vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường vành đai 3	424.000.000	0	424.000.000	0	423.348.000	652.000	
544	Xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	298.000.000	0	298.000.000	101.784.000	195.719.600	496.400	
545	Mở rộng tuyến đường Phan Kế Bính theo quy hoạch	48.000.000	0	48.000.000	0	47.294.000	706.000	
546	Xây dựng hầm chui nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai	459.000.000	0	459.000.000	0	438.890.000	20.110.000	
547	Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 419 từ xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến tiếp giáp xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	330.000.000	0	330.000.000	330.000.000	0	0	
548	Đ?U TƯ xd cầu Chiềng, tỉnh lộ 427, huyện Thường Tín	960.000.000	0	960.000.000	385.659.000	574.341.000	0	
549	Xây dựng đường Phương Mai - sông Lừ	72.067.250	25.067.250	47.000.000	9.000.000	62.357.250	710.000	
550	Xây dựng đường tỉnh 421B (ĐT 81 cũ) đoạn công trường quân sự đến QL6 (Km15-km17)	808.576.000	0	808.576.000	798.873.000	0	9.703.000	
551	Bến xe trung tâm	5.610.685.000	3.647.077.000	1.963.608.000	2.146.615.000	0	3.464.070.000	
552	Nâng cấp tỉnh lộ 423 (đoạn qua Từ Liêm - Hoài Đức)	299.900.000	299.900.000	0	0	299.900.000	0	
553	Đường 21B	30.308.500	30.308.500	0	0	30.308.500	0	
554	Đường tỉnh 418 (đường tỉnh 82) km4+500-km10	8.772.229.000	8.772.229.000	0	0	8.772.229.000	0	
555	Đường Tỉnh lộ 425(74cũ)	83.891.900	83.891.900	0	0	83.891.900	0	
556	Xây dựng cầu ái Mộ	1.082.168.000	82.168.000	1.000.000.000	261.254.000	464.580.000	356.334.000	
557	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện ứng Hoà	26.059.133.000	21.059.133.000	5.000.000.000	12.995.096.000	8.216.000.000	4.848.037.000	
558	Xây dựng tuyến đường vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)	90.263.631.821	25.263.631.821	65.000.000.000	6.323.396.724	83.940.235.097	0	
559	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng	5.025.690.161	5.025.690.161	0	6.659.637	5.019.030.524	0	
560	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi vành đai 4, Quận Bắc Từ Liêm	99.740.842.000	17.840.842.000	81.900.000.000	45.189.665.540	54.551.176.460	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
561	Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo - Jica. Phần GPMB: Quận Bắc Từ Liêm	10.155.398.900	155.398.900	10.000.000.000	331.823.931	9.823.574.969	0	
562	Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội - Phần GPMB do quận Bắc Từ Liêm thực hiện	1.616.675.784	916.675.784	700.000.000	725.568.716	891.107.068	0	
563	Đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1.396.481.038.371	462.481.038.371	934.000.000.000	1.112.075.219.637	284.405.818.734	0	
564	Cải tạo, nâng cấp mở rộng quốc lộ 32 đoạn Cầu Diễn - Nhôn (Km10+420 - Km14+493,65)	8.438.616.384	8.438.616.384	0	257.004.833	8.181.611.551	0	
565	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng khu tái định cư số 1 (Cổ Nhuế) để di dân GPMB KĐT Hà Nội	408.216.000	408.216.000	0	0	408.216.000	0	
566	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng tuyến đường số 3 vào trung tâm Khu ĐTM Tây Hồ Tây	473.800.000	473.800.000	0	0	473.800.000	0	
567	GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ xây dựng tuyến đường số 5 vào trung tâm Khu ĐTM Tây Hồ Tây	143.000.000	143.000.000	0	0	143.000.000	0	
568	Xây dựng đề pô của tuyến đường sắt đô thị thí điểm TPHN (đoạn từ Nhôn đến ga HN)	459.853.638	459.853.638	0	0	459.853.638	0	
569	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đầu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	977.860.200	977.860.200	0	0	977.860.200	0	
570	Phát triển thương mại siêu thị	150.000.000	150.000.000	0	0	150.000.000	0	
571	Khu công nghiệp thực phẩm Hapro	300.000.000	300.000.000	0	0	300.000.000	0	
572	Phát triển nguồn nhân lực an toàn giao thông tại Hà Nội	115.200.000	115.200.000	0	0	115.200.000	0	
573	Nâng cấp cải tạo tuyến đường Xuân Diệu	96.000.000	96.000.000	0	0	96.000.000	0	
574	Cải tạo chỉnh trang HTKT tuyến Nguyễn Trãi - Trần Phú	78.000.000	78.000.000	0	0	78.000.000	0	
575	Cải tạo chỉnh trang HTKT tuyến phố Trần Phú, Quang Trung	95.000.000	95.000.000	0	0	95.000.000	0	
576	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội	50.000.000	0	50.000.000	0	0	50.000.000	
577	Đầu tư xây dựng xưởng SX cầu kiện khung thép	27.000.000	27.000.000	0	0	27.000.000	0	
578	Đầu tư XD sản xuất gạch Granit	34.000.000	34.000.000	0	0	34.000.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
579	Dự án mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	5.929.072.852	5.929.072.852	0	0	5.929.072.852	0	
580	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (các trạm cấp nước sạch nông thôn)	19.429.965.250	19.429.965.250		19.429.965.250			
XI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	165.310.213.950	6.674.777.950	158.635.436.000	24.784.881.724	139.798.849.000	726.483.226	
580	Xây dựng hệ thống mạng máy tính diện rộng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương của Bộ Tư lệnh thủ đô	832.000.000	832.000.000	0	170.234.774	0	661.765.226	
581	Xây dựng nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm thuộc chi cục quản lý thị trường Hà Nội	8.000.000.000	0	8.000.000.000	7.936.129.000	0	63.871.000	
582	Xây dựng trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường số 16 trực thuộc CHI cục quản lý thị trường Hà Nội	86.000.000	86.000.000	0	0	86.000.000	0	
583	Cung thiếu nhi Hà Nội	200.000.000	200.000.000	0	0	200.000.000	0	
584	Cải tạo, nâng cấp Cung Thiếu nhi Hà Nội	3.045.347.000	3.045.347.000	0	2.916.000.000	128.500.000	847.000	
585	Phòng công chứng số 3	92.452.500	92.452.500	0	0	92.452.500	0	
586	Trụ sở cơ quan hành chính quận Hai Bà Trưng	31.382.500	31.382.500	0	0	31.382.500	0	
587	Trụ sở Viện Kiểm sát Nhân dân Huyện Đông Anh	1.667.595.950	1.667.595.950	0	1.636.845.950	30.750.000	0	
588	Cải tạo hệ thống PCCC trụ sở HĐND và UBND thành phố Hà Nội	527.436.000	0	527.436.000	527.436.000	0	0	
589	Dự án xây dựng Trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội tại số 9 phố Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	150.828.000.000	720.000.000	150.108.000.000	11.598.236.000	139.229.764.000	0	
XII	Bảo đảm xã hội	306.457.000	281.457.000	25.000.000	24.922.000	259.504.000	22.031.000	
590	Cải tạo nâng cấp trung tâm Chữa bệnh GDLĐXH số IV Hà Nội	120.111.000	120.111.000	0	0	120.111.000	0	
591	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội III	87.680.000	87.680.000	0	0	87.680.000	0	
592	Trung tâm Giáo dục lao động xã hội số VIII (Trung tâm giáo dục lao động xã hội Hà Tây cũ)	21.953.000	21.953.000	0	0	0	21.953.000	
593	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội số IV Hà Nội	25.000.000	0	25.000.000	24.922.000	0	78.000	
594	Trung tâm giáo dục lao động 06 thanh niên số 2	1.400.000	1.400.000	0	0	1.400.000	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
595	Tăng cường cơ sở vật chất Trung tâm bảo trợ xã hội 2 Hà Nội	50.313.000	50.313.000	0	0	50.313.000	0	

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
	Tổng số	31.814.655.000	31.814.655.000	0	31.366.237.864	448.417.136	0	
I	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	31.814.655.000	31.814.655.000	0	31.366.237.864	448.417.136	0	
1	Nhà trẻ 19/5 thị trấn Liên Quan	7.200.276.000	7.200.276.000	0	7.060.853.864	139.422.136	0	
2	Trường Mầm non trung tâm xã Lam Điền	5.970.000.000	5.970.000.000	0	5.970.000.000	0	0	
3	Trường Mầm non Kim Hoa	685.000.000	685.000.000	0	376.005.000	308.995.000	0	
4	Xây dựng trung tâm mầm non thôn Tiên Hội, xã Đông Hội	3.020.879.000	3.020.879.000	0	3.020.879.000	0	0	
5	Xây dựng trường Tiểu học Văn Đức	150.000.000	150.000.000	0	150.000.000	0	0	
6	Trường Mầm non trung tâm xã Hồng Sơn khu trung tâm	6.800.000.000	6.800.000.000	0	6.800.000.000	0	0	
7	Trường THCS xã Hòa Nam	3.400.000.000	3.400.000.000	0	3.400.000.000	0	0	
8	Trường THCS Quất Động	33.500.000	33.500.000	0	33.500.000	0	0	
9	Trường mầm non trung tâm Minh Tân	4.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0	
10	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học Trung Giã (khu B)	555.000.000	555.000.000	0	555.000.000	0	0	

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIẢI NGÂN QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
	Tổng số	258.209.561.500	258.209.561.500	0	164.394.562.300	27.653.842.500	66.161.156.700	
I	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	16.090.123.500	16.090.123.500	0	56.157.000	16.033.966.500	0	
1	Nhà ở sinh viên đại học sư phạm Hà Nội	94.157.000	94.157.000	0	56.157.000	38.000.000	0	
2	Dự án Đầu tư XD nhà ở cho học sinh, sinh viên tại Pháp Vân - Tứ Hiệp	2.653.821.500	2.653.821.500	0	0	2.653.821.500	0	
3	Nhà ở sinh viên Đại học điện lực	13.342.145.000	13.342.145.000	0	0	13.342.145.000	0	
II	Các hoạt động kinh tế	242.119.438.000	242.119.438.000	0	164.338.405.300	11.619.876.000	66.161.156.700	
4	ĐT XD công trình cấp nước trực chính hệ thống thủy lợi sông Nhuệ	165.549.536.000	165.549.536.000	0	99.388.379.300	0	66.161.156.700	
5	Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện Ba Vì	76.131.760.000	76.131.760.000	0	64.950.026.000	11.181.734.000	0	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới Trung Hà thay thế nhiệm vụ tưới của hồ suối Hai huyện Ba Vì	438.142.000	438.142.000	0	0	438.142.000	0	

QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN XDCB VỐN NGÂN SÁCH GIẢI NGÂN QUA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
	Tổng số	2.423.218.801.987	208.854.556.454	2.214.364.245.533	2.208.386.092.997	213.171.222.762	1.661.486.228	
	Các hoạt động kinh tế	2.423.218.801.987	208.854.556.454	2.214.364.245.533	2.208.386.092.997	213.171.222.762	1.661.486.228	
1	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB dải Bắc tuyến đường nối từ Quốc lộ 5 vào khu công nghiệp HAPRO	86.000.000	86.000.000			86.000.000		
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Tiên Dược Sóc Sơn	339.000.000	339.000.000			339.000.000		
3	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng đường 5 kéo dài và cầu Nhật Tân tại xã Vĩnh Ngọc	393.045.000	393.045.000		346.168.000	46.877.000		
4	Dự án xây dựng HTKT khu di dân TĐC phục vụ công tác GPMB khi triển khai dự án thành phần đầu tư bảo tồn, tôn tạo khu di tích Cổ Loa	245.446.000	245.446.000			245.446.000		
5	Dự án xây dựng khu TĐC xã Yên Thường	1.797.702.600	1.797.702.600		1.713.394.500	84.308.100		
6	Dự án xây dựng khu TĐC xã Ninh Hiệp	59.600	59.600			59.600		
7	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ di dân GPMB phía Tây Nam Đại học Thương Mại	560.089.200	560.089.200		410.160.300	149.928.900		
8	ĐA HTKT khu di dân GPMB tại Dịch Vọng, Cầu Giấy	951.427.398	951.427.398		905.391.398	46.036.000		
9	Xây dựng HTKT khu TĐC tại phường Long Biên phục vụ GPMB xây dựng cầu Vĩnh Tuy (Dự án 1: Chuẩn bị mặt bằng và san nền tạm)	2.171.261.051	2.171.261.051			2.171.261.051		
10	GPMB và san nền sơ bộ khu tái định cư phục vụ GPMB đường 5 kéo dài tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên (THDA)	20.143.877.791	20.143.877.791			20.143.877.791		
11	GPMB và san nền sơ bộ khu nhà ở TĐC tại phường Giang Biên	743.049.675	743.049.675			743.049.675		

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
12	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB đường 5 kéo dài tại phường Thượng Thanh (THDA)	384.170.000	384.170.000			384.170.000		
13	Xây dựng HTKT khu TĐC Đông Hội	3.445.000	3.445.000		3.445.000	0		
14	Xây dựng HTKT khu TĐC Xuân Canh, huyện Đông Anh	2.952.442.000	2.952.442.000		1.970.418.000	982.024.000		
15	Xây dựng khu công viên cây xanh, kết hợp di chuyển nghĩa trang Tầm Xá phục vụ GPMB đường 5 kéo dài và cầu Nhật Tân	251.813.200	251.813.200			251.813.200		
16	XD hoàn chỉnh HTKT đô thị khu nhà ở di dân GPMB phường Xuân La	14.000.000	14.000.000			14.000.000		
17	XD cơ sở HTKT khu TĐC và nhà ở Vai Réo xã Phú Cát	910.306.000	910.306.000			910.306.000		
18	Xây dựng HTKT khu TĐC Đồng Dinh cây gạo, thị xã Sơn Tây, HN	20.212.200	20.212.200			20.212.200		
19	Khu TĐC cho các hộ dân nằm ngoài 5,4km đê Sông Hồng thuộc thị xã Sơn Tây	349.000.000	349.000.000			349.000.000		
20	Xây dựng khu nhà ở di dân tại ô đất CT5 thuộc dự án GPMB đầu giá QSD đất xã Mỹ Đình	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
21	Xây dựng khu nhà ở di dân tại ô đất CT6 thuộc dự án GPMB đầu giá QSD đất xã Mỹ Đình	200.000.000	200.000.000			200.000.000		
22	Dự án ĐTXD nhà ở di dân GPMB phường Nhân Chính	43.871.000	43.871.000			43.871.000		
23	Nhà ở TĐC GPMB phường Khương Trung	42.935.000	42.935.000			42.935.000		
24	Dự án xây dựng khu tái định cư X1 tại Đàm Diêm, quận Hoàng Mai phục vụ GPMB kè cứng hoá bờ Sông Hồng	65.020.000	65.020.000			65.020.000		
25	Dự án xây dựng khu tái định cư phường Trần Phú quận Hoàng Mai phục vụ GPMB kè cứng hoá Sông Hồng	100.000.000	100.000.000			100.000.000		
26	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại khu đất thu hồi phường Quan Hoa	26.000.000	26.000.000			26.000.000		
27	Nhà ở cao tầng chung cư NO7	1.870.780.000	1.870.780.000			1.870.780.000		
28	Khu di dân phường Láng Thượng	84.785.000	84.785.000			84.785.000		

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
29	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại lô số 9 Thái Hà Voi Phục	263.432.500	263.432.500		146.939.900	116.492.600		
30	Nhà ở phục vụ di dân, GPMB phường Kim Giang	3.841.984.425	3.841.984.425			3.841.984.425		
31	Cụm nhà ở cao tầng trên ô đất N3A,B), N4ABCD), N6ABCDE thuộc khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính	6.440.000.000	6.440.000.000			6.440.000.000		
32	Khu nhà ở TĐC tại X2 phường Xuân La	149.000.000	149.000.000		149.000.000	0		
33	Khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng cầu, Đồng Đa	1.013.494.887	1.013.494.887			1.013.494.887		
34	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 phường Hạ Đình	81.000.000	81.000.000			81.000.000		
35	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X2 phường Hạ Đình	226.000.000	226.000.000			226.000.000		
36	Xây dựng nhà ở cao tầng và các công trình phụ trợ khu di dân Đồng tàu giai đoạn I	578.742.041	578.742.041		0	578.742.041	0	
37	GPMB và san nền sơ bộ khu Công viên Mễ Trì (X3)	412.868.953	412.868.953		0	412.868.953	0	
38	Chuẩn bị đầu tư GPMB và san nền sơ bộ khu cụm trường trung học chuyên nghiệp dạy nghề Thành phố	67.287.500	67.287.500		0	67.287.500	0	
39	Chuẩn bị mặt bằng khu đất xây dựng Bảo tàng lịch sử quốc gia và công viên hữu nghị thuộc khu đô thị mới Tây Hồ Tây	2.516.148.640	2.516.148.640		0	2.516.148.640	0	
40	Chuẩn bị đầu tư dự án GPMB và tạo quỹ đất sạch để thực hiện dự án xây dựng tổ hợp Trung tâm xúc tiến và văn phòng cho thuê tại đường Hoàng Quốc Việt	2.297.068.186	2.297.068.186		0	2.297.068.186	0	
41	GPMB và san nền sơ bộ khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	1.463.437.293	1.463.437.293		0	1.463.437.293	0	
42	GPMB tạo quỹ đất xây dựng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	83.752.962.946	83.752.962.946		66.908.335.392	16.844.627.554	0	
43	Dự án Bảo tàng Hà Nội	80.682.637	80.682.637		0	80.682.637	0	

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
44	Khu nhà ở mở rộng ao Lò Ngói Ngà Kéo (khu nhà ở Vĩnh Hoàng)	1.661.486.228	1.661.486.228		0	0	1.661.486.228	
45	Khu tái định cư phục vụ xây dựng khu đô thị mới Hà Nội	270.929.500	270.929.500		0	270.929.500	0	
46	Khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây	14.715.025.500	14.715.025.500		11.495.476.000	3.219.549.500	0	
47	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D17 Khu ĐTM Cầu Giấy	5.091.450.000	5.091.450.000		4.902.450.000	189.000.000	0	
48	Nhà ở di dân GPMB tại phường Kim Giang	10.938.000.000	10.938.000.000		10.938.000.000	0	0	
49	Nhà ở cao tầng CT8 khu di dân GPMB 10,92ha thuộc khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang	43.000.000	43.000.000			43.000.000	0	
50	Khu nhà ở TĐC tại phường Xuân La	1.514.000.000	1.514.000.000		1.514.000.000	0	0	
51	Nhà ở tại lô đất X1, lô OCT1 khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng phục vụ các đối tượng chính sách và GPMB	123.000.000	123.000.000		123.000.000	0	0	
52	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT5 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	4.500.000	4.500.000		0	4.500.000		
53	XD khu TĐC và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở quận Hoàng Mai	13.943.258.601	13.943.258.601		12.047.500.000	1.895.758.601	0	
54	XD khu TĐC và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu C13/DD1 thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai	17.230.000.000	17.230.000.000		0	17.230.000.000	0	
55	Xây dựng khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng Cầu, Đống Đa	100.000.000	100.000.000		0	100.000.000		
56	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn	655.940.444	655.940.444		431.763.616	224.176.828		
57	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Giang Biên, quận Long Biên	1.497.159.849	1.497.159.849			1.497.159.849		
58	GPMB và san nền sơ bộ khu đất để đấu giá QSD đất tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	2.932.958.609	2.932.958.609			2.932.958.609		

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
59	Thành phần đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh thuộc dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (sử dụng vốn ODA Nhật Bản)	8.304.753.790	0	8.304.753.790	8.304.753.790			
60	GPMB (bồi thường hỗ trợ TĐC) để xây dựng Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Viện Kiểm sát quân sự và các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng chuyển khỏi khu vực Thành cổ Hà Nội	341.298.000	0	341.298.000	341.298.000			
61	GPMB san nền sơ bộ và xây dựng tường rào quỹ đất để đầu tư xây dựng cơ sở 2 của Đài phát thanh-truyền hình Hà Nội tại Mê Trì, Từ Liêm	33.026.850.885	0	33.026.850.885	33.026.850.885			
62	GPMB để Xây dựng tuyến đường số 1 vào trung tâm Khu đô thị mới Tây Hồ Tây	138.830.098.905	0	138.830.098.905	138.830.098.905			
63	GPMB dự án tu bổ tôn tạo và phục hồi di tích Bích Câu đạo quán	48.445.523	0	48.445.523	48.445.523			
64	GPMB khu đất tại 583 Nguyễn Văn Cừ, quận Long-Biên	1.308.597.821	0	1.308.597.821	1.308.597.821			
65	GPMB tạo Quỹ đất sạch để xây dựng dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội	9.525.291.328	0	9.525.291.328	9.525.291.328			
66	GPMB khu đất 979,4m2 bên phải phía trước công Hạc viện Cảnh sát nhân dân tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm	61.848.709	0	61.848.709	61.848.709			
67	Giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chuẩn bị mặt bằng xây dựng dự án xây dựng Trường Pháp Alexandre Yersin	2.426.279.292	0	2.426.279.292	2.426.279.292			
68	Dự án cải tạo môi trường Hồ Đầu Bàng, phường Bồ Đề, quận Long Biên	124.516.800	0	124.516.800	124.516.800			
69	Dự án BTHT và TĐC theo quy hoạch thực hiện GPMB một phần ô đất ký hiệu C.7/CCTP, phường Giang Biên và Phúc Lợi, Q.Long Biên phục vụ TĐC các cơ quan thuộc BQP	74.868.684	0	74.868.684	74.868.684			
70	Di chuyển các hộ dân ra khỏi vùng ảnh hưởng môi trường Khu XLRT Xuân Sơn, Sơn Tây	3.361.963.806	0	3.361.963.806	3.361.963.806			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
71	GPMB, xây dựng HTKT trong và ngoài hàng rào khu TĐC phường Trần Phú, quận Hoàng Mai phục vụ công tác GPMB Công viên Tuổi trẻ Thủ đô	7.493.931.000	0	7.493.931.000	7.493.931.000			
72	GBPM và san nền sơ bộ Khu đô thị Tây Nam Kim Giang I theo địa giới hành chính huyện Thanh Trì	15.681.303.350	0	15.681.303.350	15.681.303.350			
73	BTHT và TĐC theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cắt xén tại các xã Nam Sơn Bắc Sơn phục vụ triển khai thực hiện dự án đầu tư Khu LHXLC T Sóc Sơn	23.680.586.501	0	23.680.586.501	23.680.586.501			
74	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch khu đất xen kẹt, cắt xén nằm ngoài ranh giới dự án đầu tư khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn 2 tại thôn Lai Sơn, xã Bắc Sơn huyện Sóc Sơn	11.824.554.258	0	11.824.554.258	11.824.554.258			
75	Mở rộng nghĩa trang Trinh Lương, phường Phú Lương phục vụ dự án đường dẫn Depot - Đường sắt tuyến đô thị Cát Linh - Hà Đông, Quận Hà Đông, Hà Nội	744.272.000	0	744.272.000	744.272.000			
76	GPMB dự án tạo quỹ đất sạch khu đất 49 Trần Hưng Đạo	25.764.939.000	0	25.764.939.000	25.764.939.000			
77	Thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ tái định cư cho các hộ dân tại khu nhà gỗ số 7, 9,10,11,14,16,17 phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm	1.300.120.000	0	1.300.120.000	1.300.120.000			
78	Công tác GPMB, di chuyển các hộ dân trong vùng an hưởng môi trường (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu XLCT Xuân Sơn) thuộc địa giới hành chính xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì.	289.728.870.838	0	289.728.870.838	169.745.276.196	119.983.594.642		
79	Xây dựng khu cây xanh, sân chơi và tiểu cảnh tại khu vực hồ Ba Giang, phường Quang Trung, quận Đống Đa	2.272.089.140	0	2.272.089.140	2.272.089.140			
80	XD và đầu nối HTKT ô đất D20 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	10.526.535.920	0	10.526.535.920	10.526.535.920			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
81	XD và đấu nối HTKT ô đất D29 khu đô thị mới Cầu Giấy - Thuộc GPMB và xây dựng đồng bộ HTKT phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy	1.471.698.000	0	1.471.698.000	1.471.698.000			
82	Xây dựng và đấu nối HTKT ô đất E2 khu đô thị mới cầu giấy - Thuộc dự án thực hiện GPMB và xây dựng HTKT phần còn lại khu đô thị mới Cầu Giấy	2.916.102.000	0	2.916.102.000	2.916.102.000			
83	Thành phần đền bù, GPMB của Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và tuyến đường hai bên đầu cầu (phần do TP HN thực hiện)	3.673.961.400	0	3.673.961.400	3.673.961.400			
84	Xây dựng công trình Khu nhà ở di dân GPMB tại ao Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.304.924.750	0	10.304.924.750	10.304.924.750			
85	Xây dựng HTKT khu TĐC Tiên Dược - Mai Đình, huyện Sóc Sơn	123.084.385.349	0	123.084.385.349	123.084.385.349			
86	Xây dựng HTKT Khu TĐC Trung Giã phục vụ GPMB dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên	1.479.569.270	0	1.479.569.270	1.479.569.270			
87	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Thanh Hà, xã Nam Sơn và Tiên Chu, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn phục vụ di dân GPMB dự án Khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn II	4.048.726.500	0	4.048.726.500	4.048.726.500			
88	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn phục vụ GPMB dự án đường nối từ sân bay Nội Bài đến Cầu Nhật Tân	1.471.895.403	0	1.471.895.403	1.471.895.403			
89	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng dự án đường nối từ sân bay Nội Bài đến cầu Nhật Tân	1.623.336.721	0	1.623.336.721	1.623.336.721			
90	Xây dựng HTKT khu TĐC thôn Đa Hội, xã Bắc Sơn phục vụ GPMB dự án khu LHXLC T Sóc Sơn	439.293.000	0	439.293.000	439.293.000			
91	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLC T Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLC T Sóc Sơn)	765.282.000	0	765.282.000	765.282.000			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
92	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)	1.000.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000			
93	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCST Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCST Sóc Sơn)	484.821.000	0	484.821.000	484.821.000			
94	Đầu tư xây dựng HTKT khu dân dụng Bắc Phú Cát, huyện Thạch Thất	432.530.000	0	432.530.000	432.530.000			
95	Khu nhà ở tái định cư tại phường Xuân La, Quận Tây Hồ	36.116.207.502	0	36.116.207.502	36.116.207.502			
96	Xây dựng khu nhà ở tái định cư tại phường Xuân La, Quận Tây Hồ	240.053.000	0	240.053.000	240.053.000			
97	Xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT4 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	2.000.000.000	0	2.000.000.000	2.000.000.000			
98	XD nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT5 khu TĐC tập trung Bắc Từ Liêm	1.554.197.000	0	1.554.197.000	1.554.197.000			
99	XD nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT6 khu TĐC tập trung Bắc Từ Liêm	813.186.000	0	813.186.000	813.186.000			
100	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB khu đất xây dựng depo, đường vào khu depo Tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - ga Hà Nội tại vị trí DD1, Xã Xuân Phương, Huyện Từ Liêm	1.014.552.879	0	1.014.552.879	1.014.552.879			
101	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Tàu, Thôn Đồi 3, xã Phương Yên, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	48.837.913.669	0	48.837.913.669	48.837.913.669			
102	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Chằm, Đồng Vai, Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	329.430.000	0	329.430.000	329.430.000			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
103	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn xã Đông Sơn,, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba La Xuân Mai)	46.787.668.789	0	46.787.668.789	46.787.668.789			
104	Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường quốc lộ 6 đoạn ba la - xuân mai)	49.028.000	0	49.028.000	49.028.000			
105	Dự án đầu tư Xây dựng khu TĐC trên địa bàn khu Đồng Tía, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ (phục vụ GPMB tuyến đường QL6 đoạn Ba Lã Xuân Mai)	24.477.240.471	0	24.477.240.471	24.477.240.471			
106	Xây dựng nhà ở TĐC tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai (phục vụ công tác GPMB công viên tuổi trẻ thủ đô)	213.883.247.600	0	213.883.247.600	213.883.247.600			
107	Nhà ở cao tầng tại lô E khu 5,2ha thuộc dự án khu đô thị mới Yên Hòa	10.321.199.932	0	10.321.199.932	10.321.199.932			
108	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu ĐTM Tây Hồ Tây	39.597.787.800	0	39.597.787.800	39.597.787.800			
109	XD nhà ở phục vụ công tác GPMB và các đối tượng chính sách X1, lô OCT1 Bắc Linh Đàm	6.995.934.139	0	6.995.934.139	6.995.934.139			
110	Xây dựng HTKT khu TĐC tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên qua địa bàn huyện Đông Anh	4.594.972.237	0	4.594.972.237	4.594.972.237			
111	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê	19.476.663.863	0	19.476.663.863	19.476.663.863			
112	GPMB, Xây dựng HTKT khu TĐC X4 tại xã Tứ Hiệp phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn huyện Thanh Trì và các dự án phát triển giao thông đô thị	20.000.000.000	0	20.000.000.000	20.000.000.000			
113	Xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tường niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì	500.000.000	0	500.000.000	500.000.000			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
114	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì	36.754.238.053	0	36.754.238.053	36.754.238.053			
115	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại thôn Cẩm Phương, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì	22.703.838.146	0	22.703.838.146	22.703.838.146			
116	Xây dựng cơ sở HTKT khu tái định cư X5 (xã Phú Sơn) phục vụ dự án ĐTXD công viên nghỉ trang Yên Kỳ (giai đoạn I), xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	1.860.600.000	0	1.860.600.000	1.860.600.000			
117	Xây dựng HTKT khu TĐC Xuân Canh, huyện Đông Anh, Hà Nội	47.986.299.118	0	47.986.299.118	47.986.299.118			
118	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB tuyến đường 32 (đoạn Năm Thăng Long - Cầu Diễn)	454.613.000	0	454.613.000	454.613.000			
119	Đầu tư xây dựng HTKT khu TĐC Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	2.860.821.000	0	2.860.821.000	2.860.821.000			
120	Xây dựng HTKT khu TĐC Đồng Láng, Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội	707.511.259	0	707.511.259	707.511.259			
121	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ GPMB xây dựng cầu Vĩnh Thịnh và một số dự án có thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	69.670.000	0	69.670.000	69.670.000			
122	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giãn dân phục vụ bảo tồn làng cổ Đường Lâm (giai đoạn I)	14.423.550.150	0	14.423.550.150	14.423.550.150			
123	Xây dựng nhà tái định cư phục vụ nhu cầu di dân GPMB của Thành Phố tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội	107.023.412.360	0	107.023.412.360	107.023.412.360			
124	Dự án Xây dựng khu TĐC xã Yên Thường phục vụ GPMB cho dự án Xây dựng đường quốc lộ 3 mới HN- Thái Nguyên (đoạn qua địa phận Gia Lâm, TP Hà Nội)	13.999.500	0	13.999.500	13.999.500			
125	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối từ quốc lộ 5 vào khu công nghiệp Hapro(giai đoạn I)	1.580.328.808	0	1.580.328.808	1.580.328.808			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
126	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Trâu Quỳ phục vụ GPMB của các dự án trên địa bàn huyện Gia Lâm	32.235.517.641	0	32.235.517.641	32.235.517.641			
127	Đầu tư xây dựng công trình khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường Trục chính Bắc - Nam đô thị Quốc Oai	15.312.003.000	0	15.312.003.000	15.312.003.000			
128	Xây dựng HTKT khu TĐC xã Đại Thịnh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	799.843.640	0	799.843.640	799.843.640			
129	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị mới Mê Linh	875.230.604	0	875.230.604	875.230.604			
130	Xây dựng HTKT khu đất TĐC tại xã Mê Linh phục vụ GPMB dự án đường trục trung tâm đô thị Mê Linh	3.355.484.781	0	3.355.484.781	3.355.484.781			
131	Xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D17 khu đô thị mới Cầu Giấy	24.337.571.000	0	24.337.571.000	24.337.571.000			
132	Dự án xây dựng nhà TĐC tại quỹ đất 20% thuộc Dự án 310 Minh Khai	2.691.139.000	0	2.691.139.000	2.691.139.000			
133	Xây dựng khu tái định cư (xây dựng nhà ở cao tầng) tại ô đất C13/DD1 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai	47.450.095.000	0	47.450.095.000	47.450.095.000			
134	Xây dựng Khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	81.861.598.600	0	81.861.598.600	81.861.598.600			
135	Xây dựng nhà ở tái định cư phục vụ GPMB khu di dân Đền Lừ III (nhà CT1, và Nhà CT2, CT3)	130.376.399.837	0	130.376.399.837	130.376.399.837			
136	Dự án Xây dựng hạ tầng khu di dân Đền Lừ III và đấu giá quyền sử dụng đất	1.261.690.900	0	1.261.690.900	1.261.690.900			
137	Nhà ở chung cư cao tầng phục vụ GPMB tại điểm X1 phường Hạ Đình	4.994.260.312	0	4.994.260.312	4.994.260.312			
138	Nhà ở phục vụ di dân GPMB tại phường Kim Giang	24.900.000.000	0	24.900.000.000	24.900.000.000			
139	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB thực hiện dự án đường 3,5 (đoạn qua xã Di Trạch, huyện Hoài Đức)	236.706.000	0	236.706.000	236.706.000			

STT	Tên dự án	Kế hoạch giao năm 2017 và chuyển nguồn năm trước sang	Trong đó		Số quyết toán niên độ năm 2017	Số chuyển nguồn	Số kinh phí nộp trả hoặc đề nghị hủy bỏ hoặc chờ xử lý của cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Chuyển nguồn năm trước sang	Kế hoạch năm 2017				
140	Dự án XD nhà ở cho công nhân thuê xã Kim Chung, Đông Anh do Công ty CP Đầu tư xây dựng HN làm chủ đầu tư	1.186.772.342		1.186.772.342	1.186.772.342			
141	Dự án XD nhà ở cho công nhân thuê xã Kim Chung, Đông Anh do ViNaCoNex là chủ đầu tư	69.100.000.000		69.100.000.000	69.100.000.000			
142	Dự án mở rộng bến xe Mỹ Đình.	9.388.279.764		9.388.279.764	9.388.279.764			
143	XD nhà trẻ, mẫu giáo tại khu nhà ở phục vụ công nhân xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội	19.395.902.465		19.395.902.465	19.395.902.465			
144	Đặt hàng mua nhà tại ô đất CT12 khu nhà ở Vĩnh Hoàng	15.284.097.577		15.284.097.577	15.284.097.577			
145	Khu nhà ở mở rộng ao Lò Ngồi Ngà Kéo (khu nhà ở Vĩnh Hoàng)	3.730.768.276		3.730.768.276	3.730.768.276			
146	ĐTXD nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân GPMB - NO1 tại ô đất D17 Khu ĐTM Cầu Giấy	57.053.080.376		57.053.080.376	57.053.080.376			
147	Xây dựng nhà ở cao tầng TĐC phục vụ GPMB khu di dân Đền Lừ III	30.407.378.000		30.407.378.000	30.407.378.000			
148	XD khu TĐC và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở quận Hoàng Mai	43.742.904.000		43.742.904.000	43.742.904.000			
149	XD khu TĐC và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu C13/DD1 thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai	64.949.834.650		64.949.834.650	64.949.834.650			
150	Nhà ở di dân GPMB tại phường Kim Giang	48.592.486.000		48.592.486.000	48.592.486.000			
151	Khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây	27.168.496.550		27.168.496.550	27.168.496.550			

KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÀNH PHỐ GIAO CÁC ĐƠN VỊ NGÀNH DỤC NĂM 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Đơn vị	Dự toán			Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2018	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó				
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm			
	Tổng số (I+II)	63.945	62.565	1.380	57.658	0	6.287
I	Giao nhiệm vụ cho các ngành dọc	60.645	59.265	1.380			60.645
1	Tòa án nhân dân Thành phố	16.610	16.610	0	11.354	0	5.256
	Hỗ trợ công tác Hội thẩm nhân dân Thành phố	1.490	1.490		1.234		256
	Hỗ trợ công tác Hội thẩm nhân dân quận, huyện, thị xã	11.720	11.720		7.173		3.494
	Kinh phí mua sắm phương tiện làm việc cho Tòa án Thành phố	1.200	1.200		1.200		0
	Kinh phí mua sắm phương tiện làm việc cho Tòa án nhân dân các quận, huyện, thị xã	1.000	1.000		1.000		0
	Kinh phí hỗ trợ công tác nghiệp vụ: xét xử những vụ án lớn, phức tạp; số hóa hồ sơ các bản án; đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ; phòng chống ma túy; phòng chống tội phạm; phòng chống mại dâm; phòng chống tội phạm mua bán người,...	1.000	1.000		547		244
	Kinh phí cải tạo lưới điện, kho lưu trữ trụ sở Tòa án Thành phố cơ sở II, Hà Đông	200	200		200		0
2	Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố	9.500	9.500	0	9.500	0	0
	Kinh phí thực hiện tuyển chọn kiểm sát viên, kiểm tra viên	50	50		50	0	0
	Kinh phí phục vụ công tác chuyên môn, giải quyết các vụ án phức tạp, tồn đọng; lưu trữ hồ sơ; thống kê án liên ngành; công tác tuyên truyền; công tác phòng chống ma túy; phòng chống tội phạm; phòng chống mại dâm; phòng chống tội phạm mua bán người,...	2.200	2.200		2.200	0	0
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cho Viện Kiểm sát Thành phố và các quận, huyện, thị xã, trong đó:	4.500	4.500		4.500	0	0
	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị,...	500	500		500	0	0
	Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Viện KSND Thành phố và quận, huyện, thị xã, trong đó:	2.250	2.250		2.250	0	0
3	Kho bạc nhà nước Hà Nội	3.100	3.100	0	3.095	0	5
	Lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước; chỉnh lý quyết toán thu, chi NSNN năm 2016	1.550	1.550		1.550	0	0
	Tập huấn công tác quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017	150	150		150	0	0
	Duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, quản trị hệ thống, đào tạo an toàn thông tin cho người sử dụng; đảm bảo kỹ thuật vận hành mạng thông tin liên ngành về quản lý thanh toán vốn đầu tư	500	500		499	0	1
	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, giao ban trực tuyến và quyết toán ngân sách Thành phố	900	900		896	0	4
4	Cục Thuế Hà Nội	8.380	7.500	880	8.380	0	0
	Triển khai thực hiện công tác quản lý thu thuế, đơn đốc thu, khai thác nguồn thu theo chỉ đạo của Thành phố	3.500	3.500		3.500	0	0
	Kinh phí triển khai các khoản thu từ đất	500	500		500	0	0
	Kinh phí hoạt động của bộ phận thường trực triển khai Luật phí, lệ phí	1.000	1.000		1.000	0	0

ST T	Đơn vị	Dự toán			Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2018	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó				
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm			
	Kinh phí phối hợp với các ngành liên quan triển khai công tác quản lý thuế trên địa bàn	1.000	1.000		1.000	0	0
	Kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thuế; rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố	1.000	1.000		1.000	0	0
	Tập huấn, triển khai lập và giao dự toán thu ngân sách nhà nước các cấp	500	500		500	0	0
	Quyết định số 7773/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND Thành phố về việc hỗ trợ kinh phí in biên lai thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô	246		246	246	0	0
	Quyết định số 8039/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND Thành phố về việc bổ sung kinh phí cho Cục Thuế thành phố Hà Nội thực hiện đề án Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố Hà Nội	634		634	634	0	0
5	Cục Thi hành án dân sự Thành phố	3.470	3.470	0	3.255	0	215
	Kinh phí tuyển chọn chấp hành viên, thẩm tra viên	50	50		50	0	0
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo thi hành án dân sự	220	220		220	0	0
	Kinh phí phục vụ công tác chuyên môn (xây dựng hồ sơ, điều tra xác minh, kiểm tra thi hành án, giải quyết án tồn đọng, đào tạo, tuyên truyền Luật thi hành án,...)	1.600	1.600		1.600	0	0
	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác nghiệp vụ	1.000	1.000		1.000	0	0
	Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở các Chi cục Thi hành án quận, huyện, thị xã	600	600		385	0	215
6	Cục Thống kê Hà Nội	5.060	5.060	0	5.043	0	17
	Xuất bản tờ gấp thông tin kinh tế Hà Nội phục vụ Lãnh đạo các cấp, các sở ngành của Thành phố	80	80		80	0	0
	Xuất bản niên giám thống kê Hà Nội 2016	60	60		60	0	0
	Điều tra năng xuất, sản lượng cây trồng năm 2017	260	260		260	0	0
	Tổng điều tra cơ sở kinh tế và HCSN năm 2017	1.000	1.000		1.000	0	0
	Điều tra, lập báo cáo vốn đầu tư xã hội phục vụ Thành phố 6 tháng và cả năm	240	240		240	0	0
	Điều tra phục vụ tính chỉ số phát triển công nghiệp	700	700		700	0	0
	Điều tra giá định kỳ hàng tháng một số mặt hàng bổ sung đánh giá công tác bình ổn giá của Thành phố	430	430		430	0	0
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 312 "Đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê" và Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030 (theo kế hoạch 66/KH-UBND)	390	390		390	0	0
	Điều tra hộ sản xuất công nghiệp cá thể phục vụ báo cáo chính thức khu vực công nghiệp cá thể Thành phố	350	350		350	0	0
	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin nhanh, tổng hợp, tính toán số liệu, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu xây dựng phát triển KTXH năm 2016 và 5 năm 2016-2020 của Thành phố (khảo sát mức sống; lao động, việc làm; tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp,...)	750	750		750	0	0
	Mua sắm trang thiết bị phục vụ chuyên môn; tính toán, xử lý số liệu thống kê tại văn phòng Cục và các đơn vị thống kê cấp huyện phục vụ yêu cầu của Thành phố	800	800		783	0	17
7	Liên Đoàn lao động Thành phố	14.525	14.025	500	13.890	0	635
	Kinh phí đào tạo cán bộ công đoàn do Trường Trung cấp Công đoàn Thành phố thực hiện	1.500	1.500		1.500	0	0
	Kinh phí cải tạo, sửa chữa tòa nhà hiệu bộ 2 tầng, các khối nhà lớn học A B C Trường Trung cấp công đoàn Hà	1.800	1.800		1.800	0	0

ST T	Đơn vị	Dự toán			Số quyết toán	Số chuyển nguồn sang năm 2018	Số hủy hoặc nộp trả
		Tổng số	Trong đó				
			Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm			
	Kinh phí phát hành Báo Lao động Thủ đô phục vụ người lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất (đã bao gồm kinh phí phát hành báo miễn phí đến các điểm sinh hoạt văn hóa công nhân)	4.000	4.000		4.000	0	0
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (Báo Lao động Thủ đô thực hiện)	100	100		100	0	0
	Kinh phí chi phí tổ chức Ngày hội việc làm	100	100		100	0	0
	Kinh phí tọa đàm, giao lưu trực tuyến và tin an toàn lao động	150	150		150	0	0
	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật (Liên đoàn Lao động Thành phố thực hiện)	200	200		200	0	0
	Nâng cao chất lượng cuộc vận động "xây dựng nếp sống văn hóa công nghiệp trong công nhân viên lao động"	200	200		170	0	30
	Kinh phí bồi dưỡng theo Chương trình công tác của Thành phố	700	700		366	0	210
	Kinh phí phòng chống tai nạn thương tích	265	265		245	0	20
	Kinh phí thực hiện cuộc vận động người Việt Nam dùng hàng Việt Nam	200	200		200	0	0
	Kinh phí phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở	350	350		127	0	73
	Hỗ trợ xây dựng điểm sinh hoạt văn hóa công nhân (thực hiện theo Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	710	710		710	0	0
	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020	400	400		375	0	25
	Kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động	350	350		347	0	3
	Cải tạo sửa chữa trụ sở Liên đoàn lao động Thành phố	3.000	3.000		3.000	0	0
	Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND Thành phố về việc quy định mức chi và kinh phí tặng quà tới các đối tượng chính sách xã hội, người có công, CNVCLĐ đã nghỉ hưu, mất sức; hỗ trợ gia đình thuộc hộ nghèo; người cao tuổi; CNVCLĐ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; các tổ chức, cá nhân tiêu biểu và chi bồi dưỡng cho cán bộ, đối tượng nuôi dưỡng, chữa trị tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội nhân dịp Tết Nguyên			500	500	0	0
8	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội thành phố Hà Nội	3.300	3.300	0	3.141	0	159
	Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền chuyên sâu của Đoàn trên các phương tiện thông tin đại chúng	600	600		600		0
	Hỗ trợ hoạt động chuyên môn: Hội nghị tham vấn chuyên gia về kinh tế xã hội, các chính sách lớn của Thành phố trước mỗi kỳ họp Quốc hội	450	450		450		0
	Hỗ trợ tổ chức hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm công tác phục vụ tiếp xúc cử tri, giám sát của Đại biểu Quốc hội tại các quận, huyện, thị xã	240	240		240		0
	Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học	610	610		451		159
	Hỗ trợ chỉ thăm hỏi: Lão thành cách mạng, người có công, đối tượng chính sách có đóng góp cho hoạt động của Quốc hội trên địa bàn thành phố; trao đổi kinh nghiệm hoạt động với các tỉnh, thành phố và các cơ quan của Quốc hội và Trung ương	800	800		800		0
	Hỗ trợ đoàn đi công tác, hoạt động trao đổi kinh nghiệm của Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng	600	600		600		0

BIỂU TỔNG HỢP
BỔ SUNG VỐN CÁC QUỸ CÓ NGUỒN GỐC TỪ NGÂN SÁCH CỦA THÀNH PHỐ NĂM 2017

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Tên quỹ	Dự toán	Số đã cấp	Ghi chú
	Tổng số	707.589.000.000	707.589.000.000	
1	Quỹ khuyến khích thu hút nhân tài	20.000.000.000	20.000.000.000	
2	Quỹ hỗ trợ nông dân	20.000.000.000	20.000.000.000	
3	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	20.589.000.000	20.589.000.000	
4	Quỹ thi đua khen thưởng	47.000.000.000	47.000.000.000	
5	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố	600.000.000.000	600.000.000.000	

Ghi chú:

1. Quỹ Khuyến khích thu hút nhân tài: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2016: 70.368 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2017: 20.000 triệu đồng; trong năm 2017, Thành phố đã thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học trong nước và đãi ngộ thu hút 01 lần cho 274 đối tượng là cán bộ Thành phố với tổng kinh phí hỗ trợ là 13.232 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017: 7.225 triệu đồng
2. Quỹ hỗ trợ nông dân: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2016: 421.755 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2017: 20.000 triệu đồng; trong năm 2017, Quỹ đã giải ngân cho vay 11.564 hộ hội viên nông dân vay vốn để phát triển sản xuất, với số tiền giải ngân là: 172.563 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017: 43.115 triệu đồng.
3. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã: Tổng nguồn vốn quỹ đến 31/12/2016 là 133.663 triệu đồng, số vốn cấp bổ sung trong năm 2017 là 0 triệu đồng; trong năm 2017, Quỹ đã giải ngân cho 290 hợp tác xã, thành viên HTX, THT trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, tiểu thủ công nghiệp vay vốn để phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 99,4 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017: 16.282 triệu đồng.
4. Quỹ Khuyến nông: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2016: 174.270 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2017: 0 triệu đồng; trong năm 2017, Quỹ đã giải ngân cho 260 hộ vay vốn để mở rộng, phát triển sản xuất với số tiền giải ngân là 76.705 triệu đồng, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu của Chương trình nông thôn mới trên địa bàn Thành phố. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017: 42.675 triệu đồng.
5. Quỹ Thi đua khen thưởng Thành phố: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2016: 44.000 triệu đồng; số vốn cấp bổ sung trong năm 2017: 47.000 triệu đồng; trong năm 2017, Quỹ đã thực hiện khen thưởng cho 6.358 tập thể, cá nhân và chi cho công tác chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua theo quy định với tổng kinh phí là 37.985 triệu đồng. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017: 27.878 triệu đồng
6. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ: Tổng nguồn vốn Quỹ đến thời điểm 31/12/2016 là 20.000 triệu đồng; Số ngân sách đã cấp năm 2017 là 20.589 triệu đồng. Trong năm 2017, Quỹ đang hoàn thiện quy chế hoạt động, chưa thực hiện giải ngân. Số dư vốn quỹ chưa giải ngân thời điểm 31/12/2017 là 40.589 triệu đồng.

**TỔNG HỢP SỬ DỤNG DỰ PHÒNG, TĂNG THU, THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN
THU NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2017**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Số Quyết định, nội dung	Nguồn sử dụng (dự phòng, tăng thu, thường vượt thu)	Tổng số tiền
1	Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về việc bổ sung kinh phí cho Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội tham gia khóa đào tạo về chữa cháy nhà cao tầng tại Hồng Kông - Trung Quốc	Dự phòng	888
2	Quyết định số 3691/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 về việc phê duyệt kinh phí tổ chức Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh trung học phổ thông toàn quốc lần thứ II năm 2017 cho Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự phòng	3.000
3	Quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 về việc bổ sung kinh phí dạy nghề phổ thông học kỳ II năm học 2016-2017 cho 07 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Dự phòng	7.997
4	Quyết định số 6165/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 về việc bổ sung kinh phí cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Văn hóa - Xã hội thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Trường THCS Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức	Dự phòng	7.424
5	Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 17/04/2017 về việc bổ sung kinh phí bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện Mỹ Đức	Dự phòng	3.200
6	Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 21/4/2017 về việc bổ sung có mục tiêu cho huyện Mỹ Đức để hỗ trợ xã Đồng Tâm kinh phí xây dựng đường giao thông từ thôn Hoàng đến thôn Đồng Mít	Dự phòng	1.000
7	Quyết định số 6238/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 về việc đảm bảo kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cho Bộ Tư lệnh Thủ đô thực hiện một số nhiệm vụ quốc phòng năm 2017	Dự phòng	8.836

TT	Số Quyết định, nội dung	Nguồn sử dụng (dự phòng, tăng thu, thường vượt thu)	Tổng số tiền
8	Quyết định số 8152/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 về việc bổ sung kinh phí cho Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố khi tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ ứng phó thảm họa tại Hàn Quốc	Dự phòng	526
9	Quyết định số 8604/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc bố trí kinh phí thực hiện một số công trình xử lý sạt lở đê điều, thủy lợi trên địa bàn Thành phố	Dự phòng	128.500
10	Quyết định số 8783/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 về việc bổ sung có mục tiêu cho các quận, huyện, thị xã kinh phí chi hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc UBND các quận, huyện, thị xã	Dự phòng	45.019
11	Quyết định số 9073/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc bổ sung kinh phí dạy nghề phổ thông cho học sinh các trường trung học phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2017	Dự phòng	20.523
12	Quyết định số 6691/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 về việc Kinh phí thực hiện dự án xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông từ K68+787 - K69+650 đê Hữu Hồng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Dự phòng	38.000
13	Quyết định số 5052/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về việc Kinh phí thực hiện một số công trình xử lý sự cố khẩn cấp đê điều	Dự phòng	72.000
14	Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2017 giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phục vụ công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm H7NH9 và các chủng cúm gia cầm khác trên địa bàn Thành phố.	Dự phòng	1.720
15	Quyết định số 8981/UB ngày 28/12/2017 Về việc bổ sung kinh phí tổ chức hội nghị tuyên dương người có uy tín, trưởng thôn, người dân tộc thiểu số thủ đồ có thành tích xuất sắc năm 2017.	Dự phòng	577

TT	Số Quyết định, nội dung	Nguồn sử dụng (dự phòng, tăng thu, thường vượt thu)	Tổng số tiền
16	Quyết định số 9070/UB ngày 29/12/2017 Về việc gặp mặt và mời cơm thân mật đại biểu dự lễ tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ chí thức và doanh nhân tiêu biểu dân tộc thiểu số toàn quốc năm 2017	Dự phòng	0
17	Quyết định số 8425/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 về việc bổ sung kinh phí số hóa tài liệu đăng ký doanh nghiệp	Tăng thu	18.162
18	Quyết định số 8178/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 về việc bổ sung kinh phí cho Sở Ngoại vụ mua sắm máy vi tính nhân dịp đoàn đại biểu thành phố Hà Nội đi thăm và làm việc tại Lào	Dự phòng	250
19	Quyết định số 8980/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc bổ sung kinh phí cho Sở Ngoại vụ để tổ chức các hoạt động đối ngoại	Dự phòng	8.050
20	Quyết định số 9079/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 về việc bố trí vốn cho dự án Xén giải phân cách mở rộng mặt đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ nút giao đường Láng đến nút giao đê La Thành) kết hợp chỉnh trang cây cảnh, thảm cỏ trên giải phân cách đường Trần Duy Hưng - Nguyễn Chí Thanh	Dự phòng	3.300
21	Quyết định số 5006/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc Bổ sung kinh phí tăng cường phòng, chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017	Dự phòng	8.567
22	Quyết định số 6361/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 về việc Bổ sung kinh phí tăng cường phòng, chống dịch sốt xuất huyết trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017 (lần 2)	Dự phòng	58.179

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB CẤP THÀNH PHỐ
CHẠM NỘP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2017
(Tính đến thời điểm 30/10/2018)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Loại dự án	Nhóm DA	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Ghi chú
	BAN QLDA ĐTXD CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		4.264.053	3.255.301	
1	XD cầu vượt nút giao Nam Hồng với tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài	B	305.801	228.375	
2	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn I)	A	3.597.754	2.816.927	
3	XD cầu vượt tại nút giao đường Nguyễn Chí Thanh - Kim Mã	B	360.498	209.999	
	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI		4.192.386	2.849.588	
4	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long - Vân Trì	A	3.775.897	2.473.773	
5	Dự án nút giao thông Bắc Hồng	B	416.489	375.815	
	UBND HUYỆN THẠCH THÁT		24.568	23.991	
6	Trạm y tế Bắc Phú Cát	C	12.444	11.867	
7	Trạm Y tế Lai Thượng	C	12.124	12.124	
	UBND HUYỆN BA VÌ		119.473	107.766	
8	Cải tạo, nâng cấp kênh hồ đập 7 xã miền núi huyện Ba Vì	B	101.575	92.041	
9	Đầu tư xây dựng công trình trạm bơm tưới vùng bãi Châu Phú	C	17.898	15.725	
	UBND QUẬN TÂY HỒ		24.901	24.901	
10	Xây dựng hệ thống hoàn chỉnh HTKT đô thị khu nhà ở phục vụ GPMB phường Xuân La	B	24.901	24.901	
	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT HÀ NỘI		183.182	3.024	
11	GPMB và san nền sơ bộ Khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang I phục vụ quỹ nhà tái định cư	C	183.182	3.024	
	CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO		287.057	80.693	
12	Xây dựng mạng lưới cấp nước và lắp đặt đồng hồ cho xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	C	25.766	20.814	
13	Xây dựng hệ thống cấp nước cho 04 xã Xuân Phương, Đại Mỗ, Tây Mỗ và Trung Văn huyện Từ Liêm	B	261.291	59.879	
	CÔNG TY TNHH MTV ĐTPT THỦY LỢI SÔNG TÍCH		66.149	62.583	
14	Xây dựng công trình hệ thống tiêu Hiệp Thuận	C	66.149	62.583	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội

Căn cứ Công văn số 594/KTNN-TH ngày 01/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước về việc gửi báo cáo kiểm toán và Thông báo số 595/TB-KTNN ngày 01/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Công văn số 165/UBND-KT ngày 15/01/2018 và số 2317/UBND-KT ngày 28/5/2018 chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện; UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị được kiểm toán đến thời điểm hiện nay như sau:

I. Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về xử lý tài chính:

Tổng số kiến nghị kiểm toán về xử lý tài chính đối với ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội là 2.480.124 triệu đồng, các đơn vị đã thực hiện 1.646.425 triệu đồng, đạt tỷ lệ 66,4%; cụ thể như sau:

1. Kiểm toán nhà nước kiến nghị tăng thu ngân sách Nhà nước 279.868 triệu đồng; số đã thực hiện là 45.362 triệu đồng, đạt tỷ lệ 16,2%; số còn phải nộp là 234.507 triệu đồng.

Số còn phải nộp chủ yếu là số kiến nghị đối các đơn vị thuê đất để đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đã cho thuê lại đất có kết cấu hạ tầng nhưng chưa nộp NSNN tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ¹. UBND Thành phố đã giao Cục Thuế thành phố Hà Nội tiếp tục có các biện pháp quyết liệt để đôn đốc, xử phạt theo quy định. Đồng thời, yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định.

2. Kiểm toán nhà nước kiến nghị thu hồi, nộp ngân sách các khoản thu, chi không đúng quy định 22.223 triệu đồng; số đã thực hiện là 8.556 triệu đồng, đạt tỷ lệ 38,5%; số còn phải thực hiện là 13.667 triệu đồng.

UBND Thành phố đã giao Sở Tài chính, UBND các quận, huyện tiếp tục có các biện pháp quyết liệt để đôn đốc các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực

¹ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây 99.446 triệu đồng; Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức 96.719 triệu đồng, Công ty Xây dựng và Kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Hà Nội - Đài Tư 12.447 triệu đồng.

hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định.

3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị nộp trả ngân sách cấp trên kinh phí hết nhiệm vụ chi, các khoản nộp ngân sách khác 330.840 triệu đồng; số đã thực hiện là 306.269 triệu đồng, đạt tỷ lệ 92,6%; số còn phải thực hiện là 24.571 triệu đồng, các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

4. Kiểm toán nhà nước kiến nghị giảm dự toán, giảm cấp phát thanh toán năm sau 68.865 triệu đồng; số đã thực hiện là 46.485 triệu đồng, đạt tỷ lệ 67,5%; số còn phải thực hiện là 22.380 triệu đồng.

Đây chủ yếu là các kiến nghị giảm cấp phát chi đầu tư xây dựng cơ bản khi thực hiện quyết toán công trình; do đó, khi các chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán công trình, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính khi thẩm tra, loại trừ, thực hiện đúng theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

5. Kiểm toán nhà nước kiến nghị các quận, huyện bố trí hoàn trả nguồn kinh phí 1.682.482 triệu đồng; các đơn vị đã thực hiện là 1.184.855 triệu đồng, đạt tỷ lệ 70,4%; số còn phải thực hiện là 497.627 triệu đồng. Số còn phải thực hiện là kinh phí ngân sách Thành phố phải hoàn trả cho ngân sách các quận đã ứng để thực hiện các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố². UBND Thành phố đang tiếp tục rà soát khả năng ngân sách để thực hiện hoàn trả ngân sách các quận theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

6. Kiểm toán nhà nước kiến nghị giảm giá trị trúng thầu dự án 81.150 triệu đồng; số đã thực hiện là 41.810 triệu đồng, đạt tỷ lệ 51,5%; số còn phải thực hiện là 39.340 triệu đồng, các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

7. Kiểm toán nhà nước kiến nghị về xử lý tài chính khác 14.694 triệu đồng; số đã thực hiện là 13.087 triệu, đạt tỷ lệ 89,1%. số còn phải thực hiện là 1.607 triệu đồng, các đơn vị đang tiếp tục triển khai thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

II. Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với công tác điều hành, quản lý ngân sách:

1. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Cục Thuế Hà Nội rà soát, xác định rõ việc miễn giảm tiền thuê đất cho 04 đối tượng còn thiếu Hợp đồng xây dựng hoặc không thể hiện là tự xây dựng trong hồ sơ đề nghị miễn, giảm theo quy định tại Điều 14, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 và Khoản 5, Điều 46, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế với số tiền miễn giảm là 1.412.905.391 đồng.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Cục Thuế Hà Nội rà soát

² Đã được KTNN Khu vực I xác nhận lại số liệu tại Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2017.

các Văn bản pháp lý liên quan để xử lý theo đúng quy định. UBND Thành phố báo cáo kết quả rà soát như sau:

Theo quy định tại khoản 7, Điều 3 Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ (sửa đổi Điều 21, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014) có quy định hồ sơ miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản gồm: “*Văn bản đề nghị miễn tiền thuê đất; Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy pháp đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư*); *Dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Theo quy định tại Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính Phủ :

- Tại Khoản 1, Điều 15: “*Trong thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định cho thuê đất, người thuê đất nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp*”.

- Tại Khoản 3, Điều 15: “*Đối với trường hợp miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP; căn cứ vào hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, thẩm định, xác định thời gian xây dựng cơ bản và ban hành Quyết định miễn tiền thuê đất đối với từng dự án đầu tư nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất*”.

Bên cạnh đó, ngày 12/6/2015, Bộ Tài chính có văn bản số 7810/BTC-QLCS hướng dẫn Cục thuế các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương về một số nội dung miễn, giảm tiền thuê đất, theo đó tại điểm 1,1, mục 1 công văn này có hướng dẫn: “*Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất kể từ ngày 01/7/2014 trở đi theo Luật đất đai năm 2013; căn cứ đơn đề nghị miễn tiền thuê đất trong thời gian XD CB, dự án đầu tư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư và tiến độ thực hiện dự án tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư hoặc Đăng ký đầu tư*”.

Ngoài ra, ngày 28/01/2016, Tổng Cục Thuế có văn bản số 432/TCT-CS về việc chính sách thu tiền thuê đất, theo đó có hướng dẫn: “*...Kể từ ngày 01/7/2014 (ngày Nghị định số 46/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì việc xem xét miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP... Hồ sơ xin miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản thực hiện theo mục 1 Công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015 của Bộ Tài chính*”.

Căn cứ các Văn bản nêu trên thì hồ sơ miễn xây dựng cơ bản của các trường hợp được nhà nước cho thuê đất từ ngày 01/07/2014 trở đi không quy định phải có Hợp đồng xây dựng và các hồ sơ thể hiện tự xây dựng. Do đó, việc thực hiện miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản cho 04 đối tượng thiếu hợp

đồng xây dựng hoặc không thể hiện là tự xây dựng trong hồ sơ đề nghị miễn giảm đã phù hợp với quy định về chính sách thu tiền thuê đất hiện hành.

2. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Xem xét kỹ nhu cầu vốn của các chủ đầu tư và khả năng triển khai của các dự án để phân bổ kế hoạch vốn cho phù hợp, tránh việc bố trí số vốn lớn song không giải ngân được hoặc có tỷ lệ giải ngân còn thấp nên phải điều chỉnh kế hoạch vốn.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát cụ thể về nhu cầu vốn và khả năng thực hiện của từng dự án để đề xuất mức vốn và thời gian cụ thể bố trí trong từng năm một cách hợp lý. Do đó, khi HĐND thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội, việc bố trí vốn cho các dự án đã phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và có tính khả năng thực hiện cao.

Tiếp thu kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cuối năm 2017, khi xây dựng phương án hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Thành phố, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát và đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và khả năng tiến độ thực hiện. Ngày 04/12/2017, UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố đã thông qua tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc hoàn thiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Thành phố. Theo đó, Kế hoạch đầu tư của thành phố Hà Nội đã được điều chỉnh theo khả năng triển khai của các dự án, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, rà soát lại chính xác số nợ đọng XDCB đối với các cấp ngân sách để có biện pháp xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB trên địa bàn.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, thành phố Hà Nội đã tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm nợ XDCB trên địa bàn và đạt được nhiều kết quả. Trên cơ sở kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, rà soát chi tiết để giải quyết dứt điểm nợ đọng XDCB của cấp huyện, xã; cụ thể như sau:

- Việc kiểm tra, rà soát: Ngày 05/10/2017, theo chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 6247/KH&ĐT-THQH gửi các sở, ban ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã và các chủ đầu tư về việc điều chỉnh kế hoạch năm 2017 để đề nghị các đơn vị rà soát, bố trí vốn để trả nợ khối lượng XDCB chưa xử lý hết theo quy định. Trên cơ sở đề nghị của các chủ đầu tư, UBND Thành phố đã bố trí vốn kế hoạch năm 2017 để thanh toán khối lượng đã thực hiện đối với 06 dự án với mức vốn 130,1 tỷ đồng.

- Việc xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Tính đến hết năm 2016, số nợ đọng XDCB thuộc

CTMTQG xây dựng nông thôn mới của thành phố Hà Nội còn lại là 110,337 tỷ đồng (huyện Ba Vì: 27,744 tỷ đồng, huyện Quốc Oai: 82,593 tỷ đồng). Tháng 6/2017, UBND huyện Ba Vì đã bố trí ngân sách huyện để xử lý nợ là 10 tỷ đồng. Ngày 01/12/2017, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 8375/QĐ-UBND trong đó bố trí 100,337 tỷ đồng cho huyện Ba Vì và Quốc Oai để thanh toán nợ đọng XDCB. Như vậy, tính đến hết năm 2017, thành phố Hà Nội đã xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB thuộc Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.

Năm 2018, căn cứ các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND Thành phố, để đảm bảo không phát sinh nợ đọng XDCB, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo nguyên tắc sau:

- UBND các quận, huyện, thị xã phân bổ dự toán chi đầu tư công phải đảm bảo tập trung, không dàn trải, đảm bảo nguyên tắc: Tập trung bố trí vốn cho các công trình chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm 2018, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2018; không bố trí dự án mới nếu chưa bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ quy định và khả năng thực hiện; chỉ bố trí vốn cho dự án mới thực sự cấp bách đủ thủ tục theo quy định; tập trung bố trí vốn đảm bảo hoàn thành các dự án, không bố trí dàn trải.

- Tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng XDCB mới: Chỉ phê duyệt quyết định đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách; đối với dự án nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, khi phê duyệt dự án mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư, phải thực hiện việc thẩm định nguồn và khả năng bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao; không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí; không tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn; lập và điều chỉnh kế hoạch đấu thầu theo đúng tiến độ và kế hoạch vốn được phân bổ cho từng dự án.

4. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện rà soát, tham mưu UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về các nội dung: (1) Chỉ tiêu biên chế cho các đơn vị vượt định mức quy định 1.295 người; (2) Số lao động hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế được giao 4.499 người.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau:

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND 05/12/2017 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018, quá trình thực hiện tham mưu Thành ủy ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 27/01/2018 thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 26/02/2018 triển khai thực hiện “Năm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị 2018”, trong đó, Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã chỉ đạo toàn bộ các cơ quan, đơn vị: *“Thực hiện nghiêm và không được tự ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, kiên quyết chấm dứt hợp đồng chuyên môn hiện có. Đối với*

đơn vị sự nghiệp chỉ sử dụng hợp đồng trong phạm vi biên chế được giao trừ đơn vị đã tự chủ tài chính. Đối với những đơn vị cố tình không thực hiện, đề nghị xem xét kỷ luật theo quy định”.

Ngoài ra, UBND Thành phố cũng đã giao Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch kiểm tra, rà soát các định mức biên chế theo quy định, tình hình thực hiện biên chế, hợp đồng lao động tại các cơ quan, đơn vị; để kịp thời đánh giá, điều chỉnh theo đúng kiến nghị kiểm toán và quy định hiện hành. Sau khi rà soát và đánh giá tổng thể, UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

5. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố xem xét xử lý theo quy định số tiền 10.432 triệu đồng tạm ứng (*từ năm 2012 đến 2016*) của Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn (Nay đã hợp nhất vào Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông).

Về nội dung này, trên cơ sở kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, báo cáo về số tạm ứng của Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn. Qua rà soát, tại các Quyết định của UBND Thành phố về việc tạm ứng ngân sách cho Ban QLDA Hạ tầng tả ngạn để thuê trụ sở làm việc, chi hoạt động, Ban QLDA Hạ tầng tả ngạn có trách nhiệm hoàn trả ngân sách Thành phố khoản tạm ứng nêu trên khi có nguồn kinh phí. Đầu năm 2017, Ban QLDA Hạ tầng tả ngạn đã được hợp nhất vào Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông. Vì vậy, Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoàn trả ngân sách số tiền tạm ứng từ ngân sách để trả tiền thuê trụ sở của Ban QLDA hạ tầng Tả Ngạn (*từ năm 2012 đến năm 2016*) trước khi sát nhập với tổng số tiền đã tạm ứng từ ngân sách là 10,432 tỷ đồng. Ngày 20/12/2017, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 8770/QĐ-UBND phê duyệt dự toán thu chi quản lý dự án năm 2017 của Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông, trong đó đã yêu cầu Ban khẩn trương xây dựng kế hoạch hoàn trả ngân sách số tiền tạm ứng theo đúng quy định.

6. Đối với các kiến nghị khác của Kiểm toán nhà nước về tăng cường quản lý tại các cơ quan, đơn vị được kiểm toán, UBND Thành phố đã chỉ đạo, các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

6.1. Kiến nghị chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội:

a. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Chỉ đạo Cục Thuế thành phố Hà Nội rà soát và tính tiền chậm nộp tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ đối với 03 doanh nghiệp thuê đất để đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và đã cho thuê lại đất có kết cấu hạ tầng.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo cơ quan Thuế khẩn trương thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Cục Thuế Hà Nội đã chỉ đạo các Chi cục Thuế các quận, huyện và thị xã và các phòng chuyên môn rà soát, làm việc với các doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất được nhà nước cho thuê đất hàng năm nhưng đã cho thuê lại đất có kết cấu hàng tầng theo hình thức thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Qua rà soát, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố không thuộc đối tượng điều chỉnh theo quy định khoản 1, Điều 32

Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 9, Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ. Hiện nay, Cục Thuế Hà Nội đã chỉ đạo các đơn vị tiếp tục rà soát và xác định tiền thuế đất nộp 1 lần *(nếu có)* theo đúng quy định.

b. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND Thành phố chỉ đạo Cục Thuế thực hiện một số nội dung:

- Tăng cường đôn đốc thu nợ thuế nhằm huy động kịp thời các khoản thu vào NSNN, giảm thiểu số nợ thuế; tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với các tổ chức, cá nhân chậm nộp thuế; Xử phạt theo quy định đối với các doanh nghiệp vi phạm trong việc kê khai, quyết toán thuế dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp NSNN qua phát hiện của Kiểm toán nhà nước; Tăng cường công tác thanh, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo hoàn thành kế hoạch đặt ra; công tác kiểm tra, kiểm soát hồ sơ của người nộp thuế để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

- Kiểm tra, rà soát các trường hợp chậm nộp kê khai thuế để xử lý theo quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thuế đối với: 05 doanh nghiệp³ không chấp hành nghiêm việc cung cấp tài liệu kiểm tra đối chiếu thuế, không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ sổ kế toán và tài liệu giải trình các nội dung tiềm ẩn rủi ro có sai sót trong việc kê khai, quyết toán thuế.

- Chỉ đạo các đơn vị có liên quan tăng cường công tác quản lý thu, nhất là các khoản thu đối với hoạt động liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, Cục Thuế Hà Nội đã triển khai thực hiện như sau:

- Các đơn vị thuộc Cục Thuế Hà Nội đã tăng cường công tác quản lý thu, nhất là các khoản thu đối với các hoạt động liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường đôn đốc thu nợ thuế nhằm huy động kịp thời các khoản thu vào NSNN, giảm thiểu số nợ thuế, tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với các tổ chức, cá nhân chậm nộp thuế; tăng cường công tác thanh, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đảm bảo hoàn thành kế hoạch đặt ra; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hồ sơ của người nộp thuế để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật thuế; đã quán triệt các đơn vị triển khai, theo dõi việc kê khai tính thuế TNDN của các Doanh nghiệp với các khoản doanh thu do Kiểm toán nhà nước xác định tăng thêm nhưng chưa xác định được chi phí tương ứng.

³ CTCP Xây dựng và Thương mại Ngọc Minh - Udic; CTCP GTNFOODS; CTCP Tập đoàn Xây dựng Thăng Long; CTCP Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng số 9; CTCP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.

- Cục Thuế Hà Nội đã chủ trì, thực hiện rà soát các trường hợp chậm nộp kê khai thuế để xử lý theo quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

- Đã thực hiện đưa 04/05 doanh nghiệp KTNN kiến nghị do chưa cung cấp tài liệu để KTNN làm việc vào Kế hoạch thanh tra năm 2018⁴. Đối với 01 Công ty còn lại (*CTCP xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng số 9*), Cục Thuế Hà Nội sẽ bổ sung kế hoạch thanh tra đột xuất.

6.2. Kiến nghị chỉ đạo Cục Hải quan thành phố Hà Nội:

- Chuyển nộp số thu lệ phí hải quan 4.524 triệu đồng theo quy định về Tổng cục Hải quan; Rà soát lại số liệu về hoàn thuế tạm thu, hoàn thuế chuyên thu còn dư trên sổ kế toán, đối chiếu và đôn đốc các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục để hoàn trả theo đúng quy định.

- Chấm dứt việc chuyển hết số dư tài khoản thuế tạm thu vào NSNN không đúng quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính.

Về nội dung này, tiếp thu kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã chuyển số thu phí hải quan 4.524 triệu đồng về Tổng cục Hải quan. Bên cạnh đó, Cục Hải quan thành phố Hà Nội cũng đã có Công văn số 4466/HQHN-TNXK ngày 12/12/2017 chỉ đạo các đơn vị rà soát chi tiết số liệu về hoàn thuế tạm thu, hoàn thuế chuyên thu còn dư trên sổ kế toán để đối chiếu và đôn đốc các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục để hoàn trả theo đúng quy định. Đối với các khoản tạm thu trong năm 2017, Cục Hải quan thành phố Hà Nội đã thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính và đã chấm dứt việc chuyển toàn bộ số dư tài khoản tạm thu vào ngân sách nhà nước.

6.3. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hạn chế việc tham mưu UBND Thành phố bổ sung ngân sách cho các đơn vị vào thời điểm cuối năm.

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính rút kinh nghiệm đối với hạn chế nêu trên. Kể từ năm 2018, Thành phố sẽ đẩy giao bổ sung ngân sách chi đầu tư cho các đơn vị đảm bảo thời hạn quy định của Luật Ngân sách nhà nước (trước ngày 15/11 hằng năm).

6.4. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo khẩn trương xây dựng đề án tinh giản biên chế của thành phố theo quy định.

⁴ CTCP Xây dựng và Thương mại Ngọc Minh - Udic ; CTCP GTNFoods; CTCP Tập Đoàn Xây dựng Thăng Long; CTCP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam.

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ khẩn trương xây dựng Đề án tinh giản biên chế của Thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII.

6.5. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Cơ quan tài chính tăng cường hơn nữa việc rà soát các khoản thu trên các tài khoản tạm thu, tạm giữ để huy động kịp thời vào Ngân sách nhà nước.

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, định kỳ hàng tháng, Sở Tài chính thực hiện rà soát, đối chiếu số dư các tài khoản tạm thu, tạm giữ với KBNN Hà Nội theo quy định. Đồng thời, Sở Tài chính đã thực hiện quản lý, theo dõi số liệu thu chi và xử lý số dư tài khoản tạm thu, tạm giữ đảm bảo các quy định có liên quan. Đối với những khoản thu phải nộp vào ngân sách nhà nước sau khi xử lý tài chính, Sở Tài chính đã kịp thời rà soát và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6.6. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Thành phố có phương án thống nhất với Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ Quốc phòng về việc tiến hành bàn giao các lô đất thuộc trận địa pháo C72 và C73 tại khu đô thị mới Việt Hưng cho chủ đầu tư làm cơ sở để UBND quận Long Biên thực hiện theo đúng quy hoạch sử dụng đất để hoàn thiện các dự án có liên quan, trong đó có khối nhà 4B của dự án TH-03.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan khẩn trương lập phương án giải phóng mặt bằng khu đất thuộc trận địa pháo C72 và C73. Kiểm toán nhà nước kiến nghị. Sau khi các cơ quan của Thành phố nghiên cứu và đề xuất, ngày 29/01/2018, UBND Thành phố đã có Công văn số 408/UBND-ĐT gửi Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân và Công văn số 409/UBND-ĐT gửi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc giải quyết vướng mắc, tồn tại trong thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, di chuyển 02 trận địa pháo phòng không C72, C73 tại Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên. Ngày 06/2/2018, các cơ quan chuyên môn của Thành phố đã làm việc với Quân chủng Phòng không - Không quân và Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà đô thị để thảo luận về việc giải phóng mặt bằng, di chuyển các trận địa pháo phòng không C72 và C73. Sau khi Quân chủng Phòng không - Không quân và Bộ Quốc phòng có ý kiến bằng văn bản thống nhất với Thành phố, UBND thành phố Hà Nội sẽ chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định.

6.7. Các kiến nghị đối với các Ban QLDA trên địa bàn Thành phố:

a. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Ban QLDA ĐTXD quận Long Biên, Ban QLDA ĐTXD huyện Đan Phượng, Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định về thời gian theo Điều 22 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Về nội dung này, các Ban QLDA ĐTXD của Thành phố đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ thực hiện quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định về thời gian theo Điều 22 Thông tư 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

b. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Ban QLDA ĐTXD quận Hoàng Mai nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 6/01/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 19/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính; thực hiện hạch toán, quyết toán đúng quy định các khoản thu, chi hoạt động quản lý của Ban.

Về nội dung này, UBND Thành phố báo cáo như sau: Tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, theo chỉ đạo của UBND Thành phố, Ban QLDA ĐTXD quận Hoàng Mai đã rút kinh nghiệm để thực hiện đúng các quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2014/TT-BTC ngày 6/01/2014 và Thông tư số 19/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính; việc hạch toán, quyết toán các khoản thu, chi hoạt động quản lý của Ban cũng đã được rà soát, kiểm tra để thực hiện đúng quy định.

c. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông khẩn trương thực hiện rà soát các dự án hiện tại đang quản lý trên địa bàn, để điều chỉnh thiết kế hàm lượng nhựa thuộc các hạng mục mặt đường bê tông nhựa chưa thi công, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và tiết kiệm chi phí đầu tư theo tinh thần Công văn hỏa tốc số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông Vận tải.

Về nội dung này, tiếp thu ý kiến của Kiểm toán nhà nước, khi thương thảo ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu, Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông sẽ điều chỉnh thiết kế hàm lượng nhựa thuộc các hạng mục mặt đường bê tông nhựa chưa thi công, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và tiết kiệm chi phí đầu tư theo Công văn số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014 của Bộ Giao thông Vận tải.

d. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Ban QLDA ĐTXD Công trình Dân dụng và Công nghiệp rút kinh nghiệm và giải quyết việc chấm thầu chưa phát hiện và hiệu chỉnh các sai lệch lớn, đơn giá bất thường trong quá trình lựa chọn nhà thầu tại dự án Nhà khách UBND Thành phố tại số 13-15 phố Lương Ngọc Quyến, khối lượng dự thầu cừ larsen III sai số học từ 5,986kg thành 5,986 tấn, nếu hiệu chỉnh lại thì giá dự thầu cao hơn giá gói thầu kết quả nhà thầu sẽ không trúng thầu.

Về nội dung này, Ban QLDA ĐTXD công trình Dân dụng và Công nghiệp đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ hiệu chỉnh khi thực hiện quyết toán gói thầu.

e. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: Ban QLDA ĐTXD quận Long Biên; Ban QLDA ĐTXD Công trình Dân dụng và Công nghiệp rút kinh nghiệm trong việc lập hồ sơ mời thầu cần có quy định rõ nội dung và nguyên tắc sử dụng dự phòng để làm cơ sở cho nhà thầu chào thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng và nêu rõ bằng

tiền hoặc tỷ lệ % theo quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-BKH&ĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu xây lắp.

Về nội dung này, Ban QLDA ĐTXD quận Long Biên; Ban QLDA ĐTXD Công trình Dân dụng và Công nghiệp đã tiếp thu kiến nghị kiểm toán và sẽ rút kinh nghiệm khi lập hồ sơ mời thầu, đảm bảo sẽ quy định rõ nội dung và nguyên tắc sử dụng dự phòng và nêu rõ số dự phòng bằng tiền hoặc tỷ lệ % theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-BKH&ĐT ngày 06/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

6.8. Kiểm toán nhà nước kiến nghị đối với UBND các quận, huyện, thị xã

a. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND quận Hoàng Mai:

- Chỉ đạo UBND phường Hoàng Liệt phối hợp với các đơn vị liên quan xác định rõ cơ sở để ghi nhận giá trị tài sản cố định của các thửa đất công do phường Hoàng Liệt đang quản lý hiện đang ghi nhận tại Báo cáo quyết toán năm 2016 với tổng giá trị là 7.603.045 triệu đồng; đồng thời quản lý, sử dụng đúng quy định của nhà nước đối với tài sản công được giao quản lý.

- Chỉ đạo Ban quản lý đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai phối hợp với các đơn vị có liên quan xác minh rõ khối lượng thực tế diện tích quét hè (*sau khi đã trừ diện tích vật chiếm chỗ*) để quyết toán theo đúng quy định đối với kinh phí đã thanh toán 12.388 triệu đồng.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo UBND quận Hoàng Mai khẩn trương thực hiện kiến nghị kiểm toán, kết quả thực hiện như sau:

- UBND quận Hoàng Mai đã yêu cầu UBND phường Hoàng Liệt báo cáo xác định rõ cơ sở để ghi nhận giá trị tài sản cố định của các thửa đất công do phường Hoàng Liệt đang quản lý. UBND phường Hoàng Liệt đã báo cáo giải trình về hiện trạng các thửa đất công do phường quản lý. Việc UBND phường ghi nhận tổng giá trị tài sản của các thửa đất công vào quản lý tài sản là chưa phù hợp. UBND phường đang tiến hành rà soát, phân loại tài sản là nhà đất để ghi giảm giá trị và thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

- Ban QLDA ĐTXD quận Hoàng Mai đang phối hợp với 14 phường và tổ công tác vệ sinh môi trường Quận tiến hành rà soát khối lượng diện tích quét hè bị vật chiếm chỗ. Sau khi tổng hợp xong số liệu, Ban sẽ báo cáo UBND quận để thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

b. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND các huyện: Thanh Oai, Phú Xuyên, Thường Tín và quận Hoàng Mai, rút kinh nghiệm trong việc lập dự toán, thẩm định dự toán, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2016 không tuân thủ yêu cầu của Thường trực HĐND và UBND Thành phố về tiết giảm 10% giá trị đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường làm tăng chi NSNN số tiền 7.618 triệu đồng.

Về nội dung này, UBND Thành phố đã chỉ đạo, UBND quận Hoàng Mai và các huyện Thanh Oai, Phú Xuyên và Thường Tín đã nghiêm túc rút kinh nghiệm và thực hiện tiết giảm theo đúng kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

c. Kiểm toán nhà nước kiến nghị: UBND các quận: Long Biên, Thanh Xuân, Tây Hồ và huyện Ba Vì rút kinh nghiệm trong việc xác định giá các gói thầu dịch vụ vệ sinh môi trường làm cơ sở tổ chức đấu thầu không căn cứ các yêu cầu của Thường trực HĐND và UBND Thành phố về việc tiết giảm kinh phí trong các năm 2014, 2015 và 2016 để lập dự toán làm cơ sở xác định giá gói thầu dẫn đến giá trúng thầu các gói thầu cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường của 4 đơn vị có tỷ lệ giảm giá thấp hơn so với các đơn vị đặt hàng, làm tăng chi cho ngân sách 4.389 triệu đồng.

Về nội dung này, UBND các quận Thanh Xuân, Tây Hồ, Long Biên và huyện Ba Vì đã nghiêm túc kiểm điểm, tổ chức họp rút kinh nghiệm cho các cá nhân, tập thể trong công tác tham mưu quản lý dịch vụ vệ sinh môi trường chưa đúng chỉ đạo của HĐND-UBND thành phố Hà Nội.

Trên đây là báo cáo của UBND Thành phố về kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của thành phố Hà Nội đến thời điểm hiện nay. Đối với các nội dung đang thực hiện, UBND Thành phố đã chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán nghiêm túc triển khai thực hiện, báo cáo kết quả về Kiểm toán nhà nước và UBND Thành phố theo quy định./.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Số: /NQ-HĐND

Hà nội, ngày tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn tổng quyết toán thu, chi ngân sách
thành phố Hà Nội năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 07
(Từ ngày .../12 đến ngày .../12/2018)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../11/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .../11/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình tiếp thu số .../BC-UBND ngày .../12/2018 của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND Thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Tổng quyết toán thu, chi ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017 như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 212.547.270.270.509 đồng
2. Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương:
 - a) Tổng thu ngân sách địa phương: 138.553.802.721.472 đồng
 - b) Tổng chi ngân sách địa phương: 107.108.354.133.472 đồng
 - c) Vay của ngân sách địa phương: 1.697.461.996.213 đồng
 - d) Trả nợ gốc của ngân sách địa phương: 145.713.151.616 đồng

e) Kết dư ngân sách địa phương:	32.997.197.432.597 đồng
3. Quyết toán thu, chi ngân sách cấp Thành phố:	
a) Tổng thu ngân sách cấp Thành phố:	82.407.393.729.905 đồng
b) Tổng chi ngân sách cấp Thành phố:	69.324.115.522.262 đồng
c) Vay của ngân sách cấp Thành phố:	1.697.461.996.213 đồng
d) Trả nợ gốc của ngân sách cấp Thành phố:	145.713.151.616 đồng
e) Kết dư ngân sách cấp Thành phố:	14.635.027.052.240 đồng

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Giao UBND Thành phố thực hiện công khai quyết toán ngân sách theo quy định; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ số chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018 của các đơn vị, đảm bảo chi đúng nhiệm vụ chi được chuyển nguồn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc và nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước trong lĩnh vực ngân sách, tiền và tài sản nhà nước. Kiên quyết xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân vi phạm, chậm hoàn thành việc thực hiện kiến nghị kiểm toán theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện cùng với Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2018 tại kỳ họp cuối năm 2019.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND Thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu HĐND Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội khoá XV kỳ họp thứ 07 thông qua ngày .../12/2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, Tư pháp;
- Thường trực Thành uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TPHN;
- TT HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP TU, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

XÁC NHẬN SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN THU, CHI
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2018, Kho bạc Nhà nước Hà nội và Sở Tài chính Hà Nội tổ chức đối chiếu thống nhất số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2017.

I. Thành phần cuộc họp:

1. Kho bạc nhà nước Hà Nội:

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| - Ông Đặng Văn Hiền | - Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Mạnh Đức | - Kế toán trưởng nghiệp vụ |
| - Ông Đỗ Xuân Tiến | - Trưởng phòng Kiểm soát chi |
- và một số chuyên viên.

2. Sở Tài chính Hà Nội:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Việt Hà | - Phó Giám đốc |
| - Bà Đặng Thị Hồng Diệp | - Trưởng phòng Quản lý ngân sách |
| - Ông Nguyễn Hoàng Hải | - Phó Trưởng phòng Quản lý ngân sách |
- và một số chuyên viên.

II. Nội dung cuộc họp:

Căn cứ vào số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2017 của Kho bạc nhà nước Hà Nội đến ngày 26/10/2018, Sở Tài chính Hà Nội và Kho bạc Nhà nước Hà Nội xác nhận số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2017 như sau:

- | | |
|---------------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: | 292.841.052.070.286 đồng ✓ |
| 1.1. Thu tại KBNN Trung ương: | 6.133.732.425.975 đồng ✓ |
| 1.2. Thu tại KBNN Hà Nội: | 286.707.319.644.311 đồng ✓ |

Trong đó:

- | | |
|--------------------------------------|--------------------------|
| - Thu ngân sách Trung ương: | 119.178.792.391.863 đồng |
| - Thu ngân sách Thành phố: | 84.104.855.726.118 đồng |
| - Thu ngân sách quận, huyện, thị xã: | 83.423.671.526.330 đồng |

(Trong đó đã bao gồm các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên; thu kết dư ngân sách; thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang ngân sách năm 2017 và thu vay của NSDP).

KBNN Hà Nội xác nhận số thu tại KBNN Hà Nội.

- | | |
|--|-----------------------------------|
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương: | 167.528.527.252.448 đồng ✓ |
|--|-----------------------------------|

Trong đó:

- Thu ngân sách Thành phố: 84.104.855.726.118 đồng —
- Thu ngân sách quận, huyện, thị xã: 83.423.671.526.330 đồng —

(Trong đó đã bao gồm các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp huyện; thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã; thu từ ngân sách cấp huyện nộp lên ngân sách cấp Thành phố; thu từ ngân sách cấp xã nộp lên ngân sách cấp huyện và thu vay của NSDP).

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 134.531.329.819.851 đồng

Trong đó:

- Chi ngân sách Thành phố: 69.469.828.673.878 đồng —
- Chi ngân sách quận, huyện, thị xã: 65.061.501.145.973 đồng —

(Trong đó đã bao gồm các khoản chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp huyện; chi bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã; chi ngân sách cấp huyện nộp lên ngân sách cấp Thành phố; chi ngân sách cấp xã nộp lên ngân sách cấp huyện và chi trả nợ gốc).

4. Chênh lệch thu, chi ngân sách địa phương năm 2017 là: 32.997.197.432.597 đồng.

Trong đó:

- Chênh lệch thu, chi ngân sách Thành phố: 14.635.027.052.240 đồng —
- Chênh lệch thu, chi ngân sách quận, huyện, thị xã: 18.362.170.380.357 đồng —

Trên đây là số liệu thu, chi ngân sách địa phương năm 2017 xác nhận đến ngày 26/10/2018. Trong quá trình rà soát, trường hợp có ý kiến của Kiểm toán nhà nước, Bộ Tài chính, hai bên sẽ có trách nhiệm điều chỉnh và xác nhận lại.

SỞ TÀI CHÍNH HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Hà

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Hiền

THUYẾT MINH SỐ LIỆU NGÂN SÁCH NĂM 2017

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số ngày 26/10/2018
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	
1	Số đối chiếu với KBNN	292.841.052.070.286
2	Các khoản loại trừ	80.293.781.799.777
	Thu kết dư năm trước	14.564.564.300.531
	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	34.339.389.199.732
	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	29.247.192.964.526
	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	445.173.338.775
	Vay của NSDP	1.697.461.996.213
3	Số báo cáo quyết toán	212.547.270.270.509
II	Thu ngân sách địa phương	
1	Số đối chiếu với KBNN	167.528.527.252.448
2	Các khoản loại trừ	28.974.724.530.976
	Thu NSTP bổ sung cho NSQH	20.128.676.822.114
	Thu NSQH bổ sung cho NSXP	6.998.681.760.265
	Thu NSQH nộp NSTP	88.228.823.311
	Thu NSXP nộp NSQH	61.675.129.073
	Vay của NSDP	1.697.461.996.213
3	Số báo cáo quyết toán	138.553.802.721.472
III	Chi ngân sách địa phương	
1	Số đối chiếu với KBNN	134.531.329.819.851
2	Các khoản loại trừ	27.422.975.686.379
	Chi NSTP bổ sung cho NSQH	20.128.676.822.114
	Chi NSQH bổ sung cho NSXP	6.998.681.760.265
	Chi NSQH nộp NSTP	88.228.823.311
	Chi NSXP nộp NSQH	61.675.129.073
	Chi trả nợ gốc	145.713.151.616
3	Số báo cáo quyết toán	107.108.354.133.472

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO TÓM TẮT
Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê chuẩn Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017, cụ thể như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

I.1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 212.547 tỷ đồng, đạt 103,8% dự toán giao, tăng 18,6% so với năm 2016. Trong đó: Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 18.165 tỷ đồng, đạt 105,6% so với dự toán, tăng 7,2% so với năm 2016; Thu từ dầu thô: 2.334 tỷ đồng, đạt 129,7% dự toán giao, tăng 20,4% so với năm 2016. Thu nội địa là 192.008 tỷ đồng, đạt 103,4% dự toán giao, tăng 19,8% so với năm 2016.

Trong năm 2017, đối với các khoản thu nội địa, có 12/17 khoản thu hoàn thành và tăng so với dự toán; 05/17 khoản thu không đạt dự toán. Nguyên nhân chính là do số giao thu năm 2017 cao hơn khả năng thực hiện (*số giao dự toán thu NSNN trên địa bàn năm 2017 của thành phố Hà Nội không kể tiền sử dụng đất và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước tăng 24,1% so với thực hiện năm 2016*), nhiều doanh nghiệp đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa, cơ cấu lại nên chưa ổn định kinh doanh, các ngân hàng thương mại cổ phần tăng trích lập dự phòng đối với nợ xấu...

I.2. THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Quyết toán thu ngân sách địa phương là 138.553 tỷ đồng, trong đó:

- Thu cân đối sau điều tiết từ thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất và các khoản thu khác theo phân cấp: 87.530 tỷ đồng, đạt 115,4% dự toán.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 2.119 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016: 34.339 tỷ đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 14.565 tỷ đồng.

I.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017: Nhận định được những khó khăn về thu ngân sách Nhà nước, ngay từ đầu năm 2017, UBND Thành phố đã chỉ đạo ngành Thuế, Hải quan phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành Thành phố và các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài chính thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu ngân sách Nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố theo

Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND Thành phố; Đồng thời, HĐND và các Ban của HĐND Thành phố tăng cường công tác giám sát quá trình triển khai đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả thu ngân sách Nhà nước.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

II.1. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017:

Tổng chi ngân sách địa phương: 107.108 tỷ đồng, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 71.517 tỷ đồng, đạt 88,2% dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (*sau đây gọi tắt là dự toán*). Trong đó:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản địa phương: 31.076 tỷ đồng, đạt 85,5% dự toán. Chi đầu tư xây dựng cơ bản cấp Thành phố 15.575 tỷ đồng, đạt 82,4% dự toán.

b) Chi thường xuyên: 39.830 tỷ đồng, đạt 90,6% dự toán; trong đó, chi thường xuyên cấp Thành phố 15.203 tỷ đồng, đạt 89% dự toán.

2. Chi chuyển nguồn: Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2017 sang năm 2018 là 35.296 tỷ đồng; Trong đó: Chuyển nguồn ngân sách cấp Thành phố: 17.512 tỷ đồng (trong đó: Chuyển nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương là 5.681 tỷ đồng; Chuyển nguồn các dự án đầu tư xây dựng cơ bản là 11.330 tỷ đồng; Chuyển nguồn một số khoản chi sự nghiệp là 501 tỷ đồng); Chuyển nguồn của ngân sách cấp quận, huyện, thị xã: xã phường, thị trấn: 17.784 tỷ đồng (trong đó: kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và các khoản tại cấp ngân sách là 10.185 tỷ đồng, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản là 6.602 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp là 997 tỷ đồng).

II.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017: Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; chủ trương của Thành ủy theo hướng cơ cấu lại thu chi ngân sách đảm bảo tăng các khoản thu có tính bền vững, tăng chi đầu tư phát triển; ngay sau khi HĐND Thành phố ra nghị quyết thông qua phương án phân bổ ngân sách Thành phố, UBND Thành phố đã quyết định giao dự toán ngân sách năm 2017 cho các sở, ngành, quận, huyện, thị xã để triển khai thực hiện. Trong quá trình điều hành ngân sách, UBND Thành phố đã chủ động ban hành Chương trình hành động số 43/CTr-UBND ngày 24/02/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; ban hành 20 kế hoạch và 01 chỉ thị khắc phục những tồn tại, hạn chế, đổi mới, nâng cao hiệu quả, chất lượng, kết quả hoạt động toàn diện các lĩnh vực trên địa bàn Thành phố. Về tổng thể, công tác quản lý tài chính - ngân sách năm 2017 đã được điều hành đúng quy định, chặt chẽ, linh hoạt, đảm bảo cân đối ngân sách; đáp ứng kịp thời vốn cho các công trình trọng điểm theo tiến độ, cho các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố; bố trí đầy đủ nguồn lực ngân sách giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo an sinh xã hội, trong đó đã chú trọng đến giáo dục đào tạo và chăm lo đời sống cho nhân dân. Các nguồn vốn phát sinh trong năm, UBND Thành phố đã xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố và quyết định phân bổ cho các nhiệm vụ chi theo quy định. Trong quá trình tổ chức thực hiện và thanh quyết toán, các khoản chi ngân sách đều được cơ quan Kho bạc nhà nước, tài chính các cấp kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2017:

1. Cân đối ngân sách địa phương:

1.1. Tổng thu ngân sách địa phương:	138.553 tỷ đồng
- Thu được hưởng theo phân cấp:	87.530 tỷ đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	2.119 tỷ đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017:	34.339 tỷ đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước:	14.565 tỷ đồng
1.2. Tổng chi ngân sách địa phương:	107.108 tỷ đồng
- Chi trong cân đối ngân sách địa phương:	71.517 tỷ đồng
- Chi nộp ngân sách cấp Trung ương:	295 tỷ đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách địa phương năm 2017 sang năm 2018:	35.296 tỷ đồng
1.3. Vay của ngân sách địa phương:	1.697 tỷ đồng
1.4. Trả nợ gốc của ngân sách địa phương:	146 tỷ đồng
1.5. Kết dư ngân sách địa phương:	32.997 tỷ đồng

2. Cân đối ngân sách cấp Thành phố:

2.1. Tổng thu ngân sách cấp Thành phố:	82.407 tỷ đồng
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	59.182 tỷ đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	2.119 tỷ đồng
- Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm 2016 sang năm 2017:	18.809 tỷ đồng
- Thu kết dư ngân sách năm trước:	2.209 tỷ đồng
- Thu nộp từ ngân sách cấp Quận, Huyện:	88 tỷ đồng
2.2. Tổng chi ngân sách cấp Thành phố:	69.324 tỷ đồng
- Chi trong cân đối ngân sách cấp Thành phố:	31.388 tỷ đồng
- Chi bổ sung cho ngân sách cấp Quận, Huyện:	20.129 tỷ đồng
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2017 sang năm 2018:	17.512 tỷ đồng
- Chi nộp trả ngân sách Trung ương:	295 tỷ đồng
2.3. Vay của ngân sách Thành phố:	1.697 tỷ đồng
2.4. Trả nợ gốc của ngân sách Thành phố:	146 tỷ đồng
2.5. Kết dư ngân sách cấp Thành phố:	14.635 tỷ đồng

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP BÁO CÁO TỔNG QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2017:

1. Về quy trình xây dựng Báo cáo: Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2017 đã được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo quyết toán của 30 quận, huyện, thị xã và các đơn vị dự toán ngân sách cấp Thành phố; đã so sánh, đối chiếu khớp đúng với số liệu hạch toán kế toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước Hà Nội.

2. Về kết quả kiểm toán đối với báo cáo Tổng quyết toán ngân sách Thành phố năm 2017: Thực hiện Quyết định số 1404/QĐ-KTNN ngày 20/6/2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước, Đoàn Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của thành phố Hà Nội đã tiến hành kiểm toán tại các đơn vị của Thành phố. Sau quá trình làm việc, Kiểm toán nhà nước đã cơ bản thống nhất với số liệu tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2017 của Thành phố và có kiến nghị giảm chi chuyển nguồn, tăng kết dư đối với quyết toán ngân sách của huyện Sóc Sơn. UBND Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện điều chỉnh và đã tổng hợp vào Báo cáo Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về Tổng quyết toán ngân sách thành phố Hà Nội năm 2017, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, phê chuẩn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI